

TẠP CHÍ

SỐ 381

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

*NHÌN LẠI
VÀ TIẾP BƯỚC*

CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI
ĐÃ KHUẤT THEO TINH THẦN
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

KỶ CƯƠNG LÀ NỀN TẢNG CHO SỰ ỔN
ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM





Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

(Kinh Pháp Cú 348)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành
Liên hệ **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
0886 424 842



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

CHỦ ĐỀ: NHÌN LẠI VÀ TIẾP BƯỚC

- 6 Kỷ cương là nền tảng cho sự ổn định và phát triển bền vững của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HT. Thích Huệ Thông)
- 12 Hành trình theo bước chân Phật (Liên Diệu)
- 16 Hãy cùng nhìn lại và tiếp bước (Hạc Lâm Điểm Tuyết)
- 20 Chỉ có yêu thương - Còn mãi với thời gian! (SC. Thích Nữ Thanh Phát)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 26 Phật giáo Bình Dương phát triển trên nền tảng kế thừa, đoàn kết và hòa hợp (Hữu Nghĩa - Phỏng vấn HT. Thích Huệ Thông)
- 32 Cầu nguyện cho người đã khuất theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy (SC. Thích Nữ Huệ Quang)
- 40 Ảnh hưởng của Phật giáo và Nho giáo trong chính sách nội trị thời Trần (Dương Thụy)

PHẬT GIÁO, VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

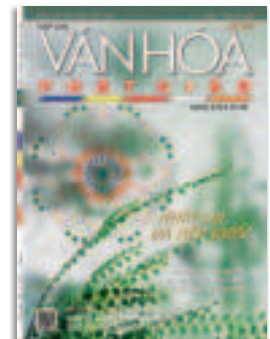
- 52 Luận về nguyên hình Bạch Cốt Tinh từ điểm nhìn lịch sử văn học - tôn giáo Trung Hoa (Nguyễn Thanh Lộc)
- 62 Một số pháp môn tu học của người cư sĩ trong Kinh Tăng Chi Bộ (SC. Thích Nữ Huệ Cảnh)
- 68 Ứng dụng Tứ nhiếp pháp trong đời sống thường nhật (SC. Thích Nữ Diệu Hải)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 76 Về tâm từ và rải tâm từ (SC. Thích Nữ Trung Tâm)
- 82 Hành vi tổ chức và Lý thuyết Trao đổi Lãnh đạo - Thành viên (LMX - Leader-Member Exchange Theory) trong một tổ chức (TS. Tạ Hoàng Giang, TS. Lê Thị Quỳnh Hảo, ThS. Tạ Thị Hoàng Hà)
- 86 Ứng dụng thiền Phật giáo trong việc chuyển hóa cảm xúc (ĐĐ. Thích Chánh Đức)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần
Thiết kế: Phương Nam

**HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ
TIÊU BIỂU TRONG THÁNG**



TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI TƯỜNG NIỆM HÚY KỶ HT. THÍCH THIỆN TƯỜNG



**CẦU SIÊU CÁC ANH HÙNG
LIỆT SĨ VIỆT NAM, QUỐC TẾ
VÀ CÁC NẠN NHÂN THIẾT MẠNG
TRONG ĐỢT THẨM SÁT B52**



ĐẠI GIỚI ĐÀN NGHỆ TĨNH LẦN THỨ V - PL.2565 DO BTS PHẬT GIÁO NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH TỔ CHỨC



**KỶ NIỆM NGÀY KHÁNH ĐẢN
ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ**



**ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO CÁC
HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ**



**CÁC HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN
NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO**

THƯ TÒA SOẠN

Kính thưa quý độc giả!

Một năm nữa đã trôi qua. Những buồn vui nào rồi cũng gác lại. Chúng ta sẽ phải bước tiếp, sống tiếp dù đôi khi có những khoảng trống không thể bù đắp, như câu hát của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn “mỗi vết thương lành một niềm vui, mắt cười mênh mông giữa đôi bàn tay...”.

Chúng ta hãy cùng nhìn lại và tiếp bước để thể hiện sự cầu tiến, biết tu sửa bản thân. Nhân vô thập toàn, mỗi người chúng ta nếu không có cái nhìn khách quan về những mảng sáng - tối từ trong chính bản thân để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, thì sẽ rất khó có được hạnh phúc và bình an trong tâm hồn. Với thông điệp ấy, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin trân trọng gửi đến bạn đọc gần xa số báo 381 mang chủ đề “*Nhìn lại và Tiếp bước*” để chúng ta cùng nhau nhìn lại về năm 2021 đầy biến động.

Trải qua bao thăng trầm trong suốt năm 2021, những đau thương của dịch bệnh COVID-19 vẫn còn đó, đã để lại những hậu quả khó lòng bù đắp về sinh mạng con người, về kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh ấy, Phật giáo vẫn luôn gắn liền với vận mệnh dân tộc, hỗ trợ người dân cả về vật chất lẫn tinh thần, thể hiện là một tôn giáo yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, xứng đáng với sự tôn vinh là một tôn giáo có truyền thống “*hộ quốc an dân*”.

Trong thời khắc thiêng liêng bước sang năm mới 2022, có hai điều chúng ta cần luôn giữ vững để làm hành trang cho mình là “*chấp nhận*” và “*lòng biết ơn*”. Nếu có những dự định, kế hoạch nào chưa thể thực hiện trong năm 2021, chúng ta sẽ bắt tay làm lại. Dù phải chuẩn bị, hoạch định lại nhiều thứ, song chỉ cần quyết tâm, mọi chuyện tự khắc sẽ an bài.

Chúng ta hãy cùng cầu chúc tất cả chúng sinh sẽ bình an, tự tại đón chào năm mới với nhiều khởi đầu mới, sự kiện mới. Cầu chúc cho gia đình, người thân và mọi người một năm 2022 bình an, khỏe mạnh và hạnh phúc.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





NHÌN LẠI &
TIẾP BƯỚC

Ý CƯƠNG

LÀ NỀN TẢNG CHO SỰ ỔN ĐỊNH
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HT. Thích Huệ Thông

Nhìn vào định hướng “Trí tuệ - Kỳ cương - Hội nhập - Phát triển”, có thể thấy nổi bật lên tính khoa học và thực tiễn mà Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII đề ra. Qua đó, chúng tôi cảm nhận được tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao của chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) trong việc nỗ lực hoàn thiện bộ máy điều hành và quy hoạch nhân sự, nhằm nâng cao chất lượng cho sự phát triển bền vững của GHPGVN.





Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, một sự thực không thể phủ nhận là chúng ta đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức do hoàn cảnh khách quan của thời hội nhập và cả yếu tố chủ quan phát sinh ngay trong lòng Phật giáo. Thực tế, nếu không hóa giải được những thách thức khó khăn, chúng ta khó có được sự ổn định về mặt chiến lược nhân sự, phương thức điều hành cũng như hiệu quả phụng sự trước yêu cầu của thời đại. Những thách thức khó khăn do yếu tố chủ quan lẫn khách quan mà chúng tôi đề cập ở đây chính là vấn đề kỷ cương trong sinh hoạt Giáo hội hiện nay.

Trong tổ chức GHPGVN, kỷ cương trở thành vấn đề chung và là vấn đề lớn đòi hỏi mọi thành viên Giáo hội phải tuân thủ nhằm trang nghiêm tự thân, đó cũng là

yếu tố cần thiết cho sự ổn định và phát triển bền vững của Giáo hội. Trong đời sống sinh hoạt của người xuất gia, kỷ cương thể hiện qua thái độ, cung cách ứng xử, chủ yếu là nghiêm trì giới luật, biểu hiện qua oai nghi đạo hạnh. Do vậy, mỗi cá nhân muốn thăng tiến trên con đường tu hành và Giáo hội muốn phát triển bền vững thì vấn đề kỷ cương phải được đặt lên hàng đầu. Đây là trách nhiệm mà mỗi cá nhân cần nhận thức sâu sắc trên bước đường tu hành cũng như đóng góp vào sự nghiệp xướng minh Phật pháp. Trên tinh thần tự giác của người con Phật, chúng ta nên nhìn nhận những quy định trong Hiến chương, quy chế, nội quy, thông tư và các quy định khác của Giáo hội, là tiêu chuẩn nhất định nhằm ổn định tổ chức, chứ không nên cho rằng đây là điều lệnh mang tính áp đặt

nhằm trói buộc mọi người. Có như vậy, việc giữ vững kỷ cương trong sinh hoạt của Giáo hội mới thể hiện tinh thần tự giác của đạo Phật, mới đạt hiệu quả đem lại nguồn an lạc cho từng cá nhân và sự hưng thịnh cho Phật pháp.

Kỷ cương là phép tắc, là những quy định được đặt ra trong các tổ chức nhằm tạo sự ổn định và thăng tiến của tổ chức đó; kỷ cương vừa là những quy định, vừa là biện pháp để thực hiện quy định đó. Những biện pháp ở đây có thể hiểu là những hình thức chế tài tương ứng với hành vi sai phạm của các thành viên; chung quy lại không ngoài mục đích ổn định trật tự trong tổ chức, từ đó tiến đến sự phát triển bền vững. Trên phương diện hình thức, Phật giáo là một tổ chức như bao tổ chức khác trong đời sống xã hội,

do vậy GHPGVN cũng có Hiến chương với những điều khoản, luật định rất cụ thể nhằm ổn định nhân sự, làm nền tảng cho mọi hoạt động của các thành viên trong ngôi nhà Giáo hội.

Về bản chất, Phật giáo là nền giáo dục hoàn thiện và đạo Phật là đạo giác ngộ giải thoát, tinh thần tự giác là thuộc tính quan trọng của đạo Phật, là yếu tố phát khởi ở một người xuất gia tu hành và luôn đi đầu mọi sinh hoạt của Tăng, Ni, Phật tử. Chẳng hạn, khi một người phát tâm xuất gia để trở thành một tu sĩ thành viên trong ngôi nhà Giáo hội, hầu hết đều xuất phát từ tinh thần tự nguyện chứ chẳng ai có thể áp đặt hay bắt buộc người đó xuất gia làm tu sĩ. Hay một người tu sĩ nhập thất công phu hành trì là do tự nguyện nên các vị hành giả, hầu hết đều tự giác chấp hành những quy định trong thời gian nhập thất. Trên tinh thần tự nguyện tự giác của đạo Phật, tất cả người xuất gia đều nghiêm trì giới luật và tự giác chấp hành những quy định trong Hiến chương Giáo hội. Do vậy, có thể nói, Phật giáo là một tổ chức hy hữu trong đời sống xã hội chú trọng yếu tố tự giác và đây là nét đặc thù của Phật giáo mọi thời đại.

Với tinh thần tự giác, giới luật nhà Phật luôn được Tăng, Ni, Phật tử thừa hành tùy theo cấp độ thọ lãnh và Hiến chương Giáo hội luôn được mọi thành viên tuân thủ. Từ nền tảng này, có thể nói, Phật giáo nước nhà sẽ trở nên hưng thịnh và ngôi nhà GHPGVN sẽ phát triển vững mạnh trên một nền móng vô cùng kiên cố đó. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khách quan từ nhịp sống thời đại và do

yếu tố chủ quan từ một bộ phận người xuất gia vẫn chưa thật sự tự giác trong đời sống tu hành, nhất là với giới Tăng, Ni trẻ tuổi. Trước yêu cầu phát triển bền vững, thiết nghĩ, vấn đề kỷ cương trong sinh hoạt đạo pháp của GHPGVN phải được công tâm nhìn nhận khách quan, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm kịp thời khắc phục, tiến đến sự ổn định làm nền móng cho công cuộc xây dựng và phát triển Giáo hội trong thời gian tới.

Trong các lĩnh vực hoạt động khác của Giáo hội như Tăng sự, hoằng pháp, giáo dục, nghi lễ..., nhất là lĩnh vực thông tin truyền thông, thiết nghĩ vấn đề kỷ cương cũng cần xem xét ở nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên điểm chung vẫn là những nguyên tắc chuẩn mực đã được các Ban, Viện quy định và nhất là phải thừa hành theo sự sắp xếp điều phối của Giáo hội. Trong đời sống xã hội, việc chấp hành pháp luật là thể hiện văn hóa cuộc sống, qua đó cho thấy kỷ cương thông qua những quy định cụ thể là nhân tố quan trọng kết tinh thành nền tảng văn hóa, liên hệ đến lĩnh vực hoạt động Phật sự. Nếu mọi thành viên trong ngôi nhà Giáo hội đều tự giác chấp hành Hiến chương và những quy định khác của GHPGVN, điều này cũng có nghĩa chúng ta không chỉ thực hiện tốt kỷ cương quy định của Giáo hội, thể hiện văn hóa trong hoạt động Phật sự, mà còn trực tiếp duy trì và bảo tồn bản sắc đặc thù của văn hóa Phật giáo.

QUY HOẠCH NHÂN SỰ LÀ MỘT TRONG NHỮNG GIẢI PHÁP GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO HỘI PHẬT

GIÁO VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI

Đại hội Đại biểu Phật giáo các cấp luôn là ngày hội lớn vô cùng thiêng liêng trọng đại đối với toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam. Bởi qua mỗi kỳ Đại hội, Phật giáo nước nhà lại có thêm những sách lược, định hướng thể hiện tầm nhìn trí tuệ, phù hợp với tình hình thực tiễn. Tất cả đều được đưa ra bàn thảo công khai dân chủ để đi đến sự nhất quán trên tinh thần đoàn kết hòa hợp và từ cơ sở này, chất lượng phụng sự đạo pháp và dân tộc của Giáo hội ngày càng nâng cao và hiệu quả.

Trong xu thế hội nhập, phát triển toàn diện của đất nước, tất nhiên có sự phát triển lớn mạnh của GHPGVN suốt 40 năm qua, để đạt được sự phát triển bền vững, có chất lượng, mang tính thiết thực trong sự nghiệp tu hành giải thoát và hoằng pháp độ sanh, chúng ta cần có một sách lược tối ưu, một chiến lược khả thi nhằm đáp ứng những yêu cầu thực tiễn. Do vậy, GHPGVN rất cần một định hướng mang tính chiến lược, thích ứng với nhu cầu thời đại, sâu sát tình hình thực tiễn, nhất là phải mang tính khả thi, mới có thể thỏa mãn yêu cầu phát triển bền vững... Một khi đề cập đến chiến lược phát triển GHPGVN trong bối cảnh thời đại, theo tôi, trước hết, chúng ta rất cần đến sự dung hòa một cách trí tuệ giữa hình thái truyền thống và hiện đại.

Yếu tố truyền thống của đạo Phật là tu hành giác ngộ giải thoát, dần dần phụng sự đạo đời trên tinh thần vị tha vô ngã; yếu tố hiện đại là những phương tiện thích nghi tạo điều kiện thuận lợi nhằm hanh thông Phật sự, đồng thời đáp ứng

nhu cầu thời đại. Sự kết hợp dung hòa một cách trí tuệ giữa truyền thống và hiện đại sẽ giúp chúng ta thăng tiến và dễ dàng nhận ra những tồn tại trên bước đường hướng tới những mục đích cao cả trong sự nghiệp phát triển chung của Giáo hội. Nhận chân điều này, chúng ta sẽ dễ dàng đưa ra chiến lược thích ứng cho sự phát triển GHPGVN trong thời đại mới, chính là sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, là cơ sở để đưa ra những giải pháp khắc phục, định hướng chuẩn và đặt nền móng cho tiến trình cải cách, đổi mới từ khâu nhân sự đến công tác giáo dục và hoằng pháp...

Để xây dựng một chiến lược phát triển GHPGVN tròn đầy Phật chất, kiên cố vững bền, dồi dào nguồn sinh lực kế thừa, trước mắt chúng ta cần quy hoạch một cách có trí tuệ và khoa học, nhất là khâu nhân sự đến cơ chế vận hành, từ phương thức hoạt động đến từng nội dung công tác Phật sự một cách cụ thể. Nếu nghiêm túc nhìn

nhận, chúng ta sẽ thấy ngay, trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển bền vững của GHPGVN trong thời gian tới là những giới hạn ở khâu nhân sự. Tất nhiên khó khăn ấy chỉ có thể khắc phục bởi tinh thần tự giác nỗ lực hành trì và nâng cao nghiệp vụ nơi mỗi thành viên Giáo hội, về việc chấp hành các quy định đã đề ra. Trên thực tế, khả năng thay đổi để thích nghi hòa nhập hầu như chưa được vận dụng thỏa đáng, khiến Phật giáo ngày nay, từ cơ cấu tổ chức đến nhân sự, từ quan niệm, khuynh hướng đến cách thức điều hành, công tâm mà nói dường như chưa thể bắt nhịp với sự phát triển nhảy vọt của thời đại. Điều này đã đặt ra trong bản thân Giáo hội một thách thức mới cả về việc nâng cao năng lực, lẫn về

mặt tổ chức điều hành Giáo hội.

Nói đến phát triển Giáo hội tức là nói đến sự lớn mạnh của Tăng già và khả năng hoàn thiện của Giáo hội về mọi mặt, đặc biệt là về nhân sự và tổ chức; nhân sự có tốt thì Giáo hội mới vững mạnh; tổ chức có tốt thì Giáo hội mới phát huy hết vai trò của nó. Thực tế cuộc sống cho thấy, nếu Phật giáo thiếu định hướng giáo dục đào tạo hợp lý, ắt sẽ khó tránh khỏi những hoạt động yếu kém. Do đó, một khi đề cập đến giải pháp tháo gỡ khó khăn và thách thức, góp phần phát triển bền vững GHPGVN, phải tập trung vào yếu tố con người, sau đó mới bàn đến phương hướng kế hoạch để vượt qua những thử thách khó khăn.

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc các lần thứ I đến thứ VII





VỀ CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA GHPGVN

Ngoài yếu tố căn bản là phẩm hạnh đạo đức, niên cao thì yếu tố năng lực, trình độ và sức khỏe (tuổi tác) cũng là những yếu tố rất quan trọng trong thời đại ngày nay. Đây còn là nền tảng để quy hoạch chiến lược phát triển nhân sự Giáo hội một cách bền vững về lâu dài. Chính vì vậy, Giáo hội cần chọn ra những vị vừa có phẩm hạnh đạo đức, vừa có tầm nhìn, năng lực, sức khỏe, có nhiệt huyết phụng sự đạo pháp và dân tộc, biết trọng dụng những nhân tài, biết cấu trúc tổ chức và phân bổ công việc hợp lý, để hoạch định sự phát triển của Giáo hội.

VẤN ĐỀ THÔNG SUỐT TƯ TƯỞNG, QUY HOẠCH NHÂN SỰ

Quy hoạch nhân sự và thông suốt tư tưởng là yếu tố hàng đầu trong việc xác định trách nhiệm của mỗi thành viên Giáo hội, qua đó mỗi người tự có thái độ sống tích cực cũng như bổn phận phải thừa hành những trọng trách được giao trên tinh thần tự giác dần thân phụng sự, nghiêm túc chấp hành những quy định của Giáo hội. Để thực hiện tốt điều này,

ngoài vấn đề quy hoạch và bố trí nhân sự có năng lực và tâm huyết một cách hợp lý trong cơ cấu tổ chức, thiết nghĩ, Giáo hội nên có những khóa bồi dưỡng định kỳ về nghiệp vụ chuyên môn về công tác tư tưởng cho các thành viên trong Giáo hội.

Đồng thời thông qua đó, nắm bắt tư tưởng, thái độ sống của từng thành viên, từ đó có kế hoạch gan lọc và bổ sung nhân sự mới hội đủ điều kiện phục vụ lâu dài cho Giáo hội. Để giải quyết vấn đề này, Giáo hội nên có kế hoạch lập ban chuyên trách về công tác tư tưởng và giao hẳn cho Ban này công tác tổ chức quy hoạch, đào tạo tuyển dụng nhân sự. Thiết nghĩ, đây cũng là một trong những phương cách cải thiện bộ máy hành chánh và kế sách lâu dài cho sự phát triển bền vững của Giáo hội.

PHÁT HUY UY ĐỨC TRONG ĐIỀU HÀNH PHẬT SỰ

Phật giáo có ba thuộc tính rất quan trọng để xây dựng nên một biểu tượng Bồ tát nhập thế độ sanh, đó là Bi - Trí - Dũng. Nếu chỉ có từ bi, mà không có trí huệ

và uy dũng, chúng ta sẽ khó có thể đạt được những hoài bão cũng như nguyện vọng trên bước đường tu hành giải thoát, đó là chưa nói đến việc hành sự nhập thế độ đời. Nếu mỗi thành viên trong ngôi nhà Giáo hội đều toát lên sự tôn nghiêm và uy đức, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự trang nghiêm thanh tịnh của Giáo hội, Phật giáo sẽ tạo nên lực cảm hóa rất lớn trong đời sống con người. Điều này giúp chúng ta dễ dàng thu phục và nhiếp dẫn chúng sanh vào con đường chánh pháp. Trong đời sống, một người không có uy đức thì lời nói không có giá trị; một tập thể không đủ uy đức thì trên nói dưới không nghe. Để giải quyết vấn đề này, Giáo hội nên có quy chế làm việc nghiêm túc giữa Trung ương Giáo hội với các cấp Phật giáo tỉnh, thành, quận, huyện phải xây dựng quy chế, nghiêm minh kỷ luật và tuyên dương tán thưởng. Đây cũng là phương cách xây dựng nền tảng phát triển của Giáo hội.

Cách đây đúng 40 năm, được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước, sự thống nhất các hệ phái Phật giáo Việt Nam đã hình thành nên GHPGVN với phương châm,



Những thành tựu vượt bậc của Phật giáo nước nhà suốt 40 năm qua đã cho thấy tất cả Tăng, Ni, Phật tử đều có chung tâm huyết góp phần làm đạo pháp và GHPGVN phát triển.

định hướng: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Tại Đại hội kỳ VIII, GHPGVN đã đưa ra chủ đề: “*Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển*” và định hướng 9 mục tiêu phát triển bền vững của GHPGVN. Đây đích thực là động cơ giúp cho Phật giáo đồ Việt Nam ý thức trách nhiệm cao cả của mình đối với vận mệnh đất nước trên bước đường đồng hành cùng dân tộc. Cơ sở này đã định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng, Ni, Phật tử đóng góp công sức trí tuệ vào sự hưng thịnh của đạo pháp và sự trường tồn của dân tộc. Hơn nữa, chính phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” đã khẳng định sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa Phật giáo với dân tộc trong thời đại, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững, vượt bậc của Phật giáo trong lòng dân tộc suốt 40 năm qua. Và đây cũng sẽ là nền tảng để Giáo hội tiếp tục phát huy cao hơn trong giai đoạn phát triển và hội nhập của thời đại mới.

Chúng ta đang sống trong bối cảnh hội nhập, thời kỳ mà nền tảng tri thức đang được mọi tổ chức đề cao, do vậy, công tác

giáo dục và tuyên truyền sẽ là trọng tâm cho việc ổn định và tăng cường kỷ cương Giáo hội. Thiết nghĩ, nếu công tác tuyên truyền vận động và giáo dục đào tạo tốt, chúng ta sẽ có những vị Tăng, Ni hiểu đúng đường lối, chủ trương Giáo hội, từ đó sẽ có nhiều đóng góp thiết thực cho đất nước và Giáo hội. Ngược lại, nếu công tác tuyên truyền và đào tạo không được triển khai tốt, lối sống tùy tiện vô tổ chức cùng với những tư kiến, quan điểm chủ quan sẽ mãi tồn tại và là rào cản cho sự phát triển Giáo hội, đồng thời chính bộ phận này sẽ là gánh nặng cho Giáo hội.

Giải pháp thiết thực nhất chính là tất cả đệ tử Phật đều phải nghiêm trì giới luật, phải tuân theo lời Đức Phật dạy trong tu tập và hành trì. Đồng thời Trung ương Giáo hội nên mở cuộc vận động lớn về việc thực hiện kỷ cương của GHPGVN, cụ thể là tuân thủ các nguyên tắc của Giáo hội và những quy định đặc thù của từng hệ phái. Chúng tôi cho rằng, để cuộc vận động đi sâu vào tâm trí của mọi thành viên trong ngôi nhà Giáo hội, trước

hết rất cần sự phối hợp chặt chẽ với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp Giáo hội, các Ban, Viện đặc biệt là Ban Giáo dục, Ban Hoằng pháp và nhất là vai trò cực kỳ quan trọng của Ban Thông tin truyền thông trong việc phổ biến tuyên truyền chủ trương của Giáo hội.

Phát triển trên nền tảng kỷ cương là quy tắc chung của mọi quốc gia, mọi tổ chức và Phật giáo cũng không nằm ngoài quy luật này. Ngược lại, một tổ chức yếu kém về kỷ cương sẽ không thể nào phát triển và tạo được vị thế trong đời sống xã hội. Những thành tựu vượt bậc của Phật giáo nước nhà suốt 40 năm qua đã cho thấy tất cả Tăng, Ni, Phật tử đều có chung tâm huyết góp phần làm đạo pháp và GHPGVN phát triển. Do vậy chúng ta có quyền tin tưởng, nếu được sự đồng thuận của chư Tôn đức Tăng Ni, sự quan tâm chỉ đạo đúng mức của Trung ương Giáo hội và trên tinh thần tự giác của Tăng, Ni cả nước, việc tăng cường kỷ cương đời sống sinh hoạt và mọi hoạt động Phật sự trong ngôi nhà Giáo hội sẽ thành công mỹ mãn.


CON ĐƯỜNG THEO BƯỚC CHÂN PHẬT

Chúng ta, ai cũng phải đi qua những chặng đường khác biệt để về với bến đỗ của riêng mình. Bến đỗ đó có an toàn hay không là do ta lựa chọn từ lúc ra đi. Sống hệ lụy thể nhân với bao danh lợi, tiền tài, sắc đẹp hay thông dong tự tại như một cánh chim trời, đều do ta quyết định từ ban đầu. Con đường đưa đến sự thông dong tự tại là con đường mà Đức Phật đã đi. Đó là con đường tốt đẹp nhất, hạnh phúc nhất trong cuộc đời đầy sóng gió, khổ đau này và chỉ có nó mới đưa chúng ta đến sự an vui, giác ngộ và giải thoát.

Phật giáo có đến 84.000 pháp môn - cũng chính là 84.000 con đường với điểm đến là sự giải thoát. Sở dĩ có nhiều pháp môn như vậy nhằm để phù hợp với căn cơ của mỗi người, bởi mỗi chúng sinh đều có những tâm tính khác nhau. Có người nặng về tính tham, có người nặng về tính sân, ... Hai người cùng nặng về tính tham, nhưng cái tham người này lại khác cái tham của người khác. Vì căn tính, nghiệp lực và hạnh của mỗi người mỗi sai biệt, nên sẽ thích hợp với một con đường riêng. Nhưng dù là pháp môn nào đi chăng nữa cũng đều đưa hành giả đến sự giác ngộ, giải thoát.



Liên Diệu



Đức Phật, trong suốt chặng đường
49 năm hoằng hóa độ sinh, Ngài
đã lân mẫn chỉ dạy rõ ràng đường
đến thế gian và lối về Niết Bàn:
*“Như người dựng đứng lại những
gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra
những gì bị che kín, chỉ đường cho
những người bị lạc hướng, đem đèn
sáng vào trong bóng tối để những ai
có mắt có thể thấy sắc”*
(Kinh Vekhanassa, Trung Bộ kinh).

NHÌN LẠI VÀ TIẾP BƯỚC

Đức Phật trong suốt chặng đường 49 năm hoàng hóa độ sinh, Ngài đã lần lần chỉ dạy rõ ràng đường đến thế gian và lối về Niết-bàn:

*“Nhu người dựng đứng lại
những gì bị quăng ngã xuống,
phơi bày ra những gì bị che kín,
chỉ đường cho những người bị
lạc hướng, đem đèn sáng vào
trong bóng tối để những ai có
mắt có thể thấy sắc”.*

*(Kinh Vekhanassa,
Trung Bộ kinh)*

Là người con Phật, chúng ta thật hạnh phúc vì trong đêm tối của sự vô minh, ta vẫn thấy được đường đi lối về nhờ những lời Phật dạy. Người đã chỉ cho chúng ta thấy được sự khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự chấm dứt khổ. Những đạo lý vi diệu ấy là ngọn đèn, bản đồ và hành trang cho chúng ta

trên con đường trở về bến giác. Bát Chánh đạo, con đường mà Ngài đã thực chứng và truyền trao, là con đường mà mỗi hành giả sẽ trải qua để trở về quê xưa chốn cũ. Kinh Pháp Cú, bài kệ 190, 191 đã thể hiện rõ điều này:

*“Ai quy y Đức Phật
Chánh pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến
Thấy được bốn Thánh đế”.*

*“Thấy khổ và khổ tập
Thấy sự khổ vượt qua
Thấy đường Thánh tám ngành
Đưa đến khổ não tận”.*

Chúng ta đến với đạo Phật là vì trong lòng ấp ủ mong muốn hạnh phúc, an lạc, thoát khổ, hết phiền. Để đạt được điều đó, tự mỗi cá nhân phải ra sức tu tập và chuyên hóa. Người bộ hành có thể đi xa, đến nơi sớm khi họ

không mang vác theo quá nhiều đồ vật, chỉ những thứ thật sự cần thiết. Sự tu tập của chúng ta cũng thế, cần phải học cách buông bỏ cho thân và tâm thanh thân, nhẹ nhàng hơn. Sự buông bỏ hiểu đơn giản là buông bỏ tính tham, sân, si và tránh làm những điều xấu, ác. Bên cạnh đó, chúng ta cũng nỗ lực làm những điều thiện lành, mang lại hạnh phúc cho tha nhân. Sự giải thoát chính là thành quả đến từ sự buông xuống thái độ chấp trước của ta và cái của ta. Buông bao nhiêu, giải thoát bấy nhiêu, buông cái gì thì giải thoát được cái đó. Khi ấy, chúng ta sẽ đi được lâu và xa hơn trong hành trình đi đến sự giác ngộ, giải thoát.

Trên bước đường tu học, ai cũng sẽ trải qua ít nhiều những khó khăn, nghịch cảnh, điều đó giúp ta có cơ hội thực hành

Chúng ta đến với đạo Phật là vì trong lòng ấp ủ mong muốn hạnh phúc, an lạc, thoát khổ, hết phiền. Để đạt được điều đó, tự mỗi cá nhân phải ra sức tu tập và chuyên hóa.





Những đau khổ, nghịch cảnh trong đời là điều tất yếu, không ai có thể tránh, vì vậy người học Phật hãy tự trang bị những tư lương cần thiết để khi đối trước nghịch cảnh, tâm không còn cảm thấy đau khổ và bị lay chuyển.

những điều mà mình đã học để hoàn thiện mình hơn. Chúng ta không nên oán trách hay đổ lỗi cho hoàn cảnh mà hãy tự chuyển hóa tâm thái của chính mình khi đối mặt trước hoàn cảnh đó. Cũng như thay vì chê trách, khó chịu vì đoạn đường có quá nhiều gai nhọn hay sỏi đá làm chân ta bị đau, thì ta hãy tự trang bị cho mình một đôi giày để chân không còn đau nữa. Những đau khổ, nghịch cảnh trong đời là điều tất yếu, không ai có thể tránh, vì vậy người học Phật hãy tự trang bị những tư lương cần thiết để khi đối trước nghịch cảnh, tâm không còn cảm thấy đau khổ và bị lay chuyển.

Người bộ hành nhiều lúc phải mệt mỏi, kiệt sức vì những chướng ngại, chông gai trên đường đi hay nản lòng vì đích đến còn quá xa.

Nhưng cũng chính con đường đó lại cho người bộ hành niềm vui, sự thư giãn, thanh thoi khi ngắm những đóa hoa dại bên đường hay phong cảnh đẹp chung quanh. Cũng vậy, trên bước đường tu tập, nếu biết hành trì theo đúng chánh pháp thì ở ngay hiện tại, chúng ta sẽ được an lạc, thanh thoi trong chánh pháp. Vì nhờ thực hành những thiện pháp chân chánh mà người tu học Phật pháp xa lìa những điều ác, tăng trưởng điều thiện, từ đó thân, khẩu, ý được thanh tịnh và không đi đến khổ cảnh.

“Thật vậy, chánh pháp hộ trì người có sự thực hành chánh pháp. Chánh pháp, khéo được thực hành, đem lại sự an lạc. Điều này là quả báu khi chánh pháp khéo được thực hành: Người có sự thực hành chánh pháp không

đi đến khổ cảnh”.

*(Trưởng lão Tăng kệ,
Kinh Tiểu Bộ)*

Những ai thực sự biết thực hành theo đúng chánh pháp, hướng lòng mình đến những điều thiêng liêng và giá trị chắc chắn sẽ nhận được điều tương xứng với niềm tin cao quý đó.

Bước qua những đoạn đường gập ghềnh, chúng ta mới biết được sự mệt mỏi của đôi chân và hiểu giá trị của sự nỗ lực, kiên trì. Trên con đường theo bước chân Phật, dầu còn dài và lắm những cám dỗ, gian nan, không ít lần làm ta thoái chí, nản lòng; nhưng dù thế nào đi nữa, nếu chúng ta không ngừng nỗ lực, tinh tấn thực hành theo đúng chánh pháp thì chắc chắn sẽ đến bến bờ an lạc, giải thoát.



ÃY CÙNG

nhìn lại và bước tiếp

Hạc Lâm Diễm Tuyết*

Nếu như thế gian xem sự thành công trong sự nghiệp, mỹ mãn trong gia duyên là mục tiêu lớn nhất, thành công nhất của cuộc đời mà họ phải đạt được; thì với tu sĩ Phật giáo, lý tưởng giác ngộ giải thoát chính là mục tiêu tối hậu mà một hành giả tu Phật cần phải thành tựu. Nhưng, con đường dẫn đến mục đích cuối cùng ấy không hề thuận lợi theo kiểu “cứ đi là đến”, bởi người bước đi phải trải qua muôn vàn khó khăn, thử thách... Tất cả chúng ta từ khi mới sinh ra, ai cũng đã cất bước trên con đường đã chọn, nhưng không phải ai cũng tới đích, không phải ai cũng hoàn thành trọn vẹn con đường ấy. Một số người vì quá mệt mỏi, chán nản, thất vọng, thậm chí tuyệt vọng nên đã chọn cách “dừng cuộc chơi” để bắt đầu cho mình lối đi khác dễ dàng hơn, hoặc bước đi về hướng gót chân chứ không còn là hướng của mũi bàn chân nữa. Là một hành giả trên con đường đã chọn, chúng ta không thể nào cứ bước đi “điên dại”

Chánh tinh tấn với nội dung: “Điều thiện chưa sanh cần nỗ lực làm cho phát sanh, điều thiện đã phát sanh thì nỗ lực làm cho tăng trưởng, điều ác chưa sanh thì nỗ lực ngăn chặn đừng cho sanh và điều ác đã sanh khởi thì nỗ lực tìm biện pháp diệt trừ” đã trở thành phương châm sống của những người con Phật nói riêng và những người ngoài đạo Phật biết hướng thượng nói chung.





“Nhìn lại và tiếp bước” là hành động thể hiện tinh thần cầu tiến, biết tu sửa bản thân.

về phía trước; đôi khi, đến những “chặng dừng chân” hay “những bước ngoặt” của con đường, cần phải dừng lại để nghỉ ngơi, *nhìn lại* những gì mình đã trải qua, để rồi có thể *bước tiếp* một cách vững chãi hơn. “*Nhìn lại và tiếp bước*” như một cảm nang hữu ích dành cho những hành giả đang thực hiện con đường lý tưởng của chính mình.

Theo quy luật vận hành của tự nhiên bốn mùa, khoảng thời gian cuối năm (tháng Chạp) chính là lúc thích hợp để mỗi người nhìn lại chặng đường một năm mà mình đã trải qua. Nhìn xem chúng ta làm được và chưa làm được những gì theo mong muốn đã lập định. Nhìn xem chúng ta đã nắm bắt được những cơ hội

nào và bỏ lỡ những nhân duyên quý giá nào từng đến với mình. Nhìn xem chúng ta học được gì từ cuộc sống và chưa học được gì từ môi trường xung quanh... Với người tu sĩ Phật giáo cũng vậy, “*mãn hạ*” là thời điểm thích hợp để chư Tăng sau ba tháng rông an cư, chuyên tâm trau dồi Giới - Định - Tuệ có thể hội họp, tự soi xét lại bản thân cũng như nhờ các vị tôn túc, đồng tu chỉ rõ những chỗ sai lầm, thiếu sót trong quá trình tu tập mà tự mình chưa thể nhận ra. Nhìn lại hành trạng tu tập của mình trong hạ lạp vừa qua đã tận tu được những gì, sự tinh tấn mình có đủ để làm phát triển đời sống phạm hạnh bản thân hơn chưa, đã đóng góp được gì cho đạo pháp và dân tộc? Từ sự hoài niệm, nhìn lại những chặng

đường đã đi qua mà lấy đó làm kinh nghiệm, làm nền tảng tạo động lực thúc đẩy bản thân tiếp tục bước đi trên những chặng đường kế tiếp của con đường sự nghiệp lẫn đạo nghiệp.

“Nhìn lại và tiếp bước” là hành động thể hiện tinh thần cầu tiến, biết tu sửa bản thân. Mỗi người cần phải nhìn nhận khách quan những mặt đối lập như: tốt - xấu, rộng lượng - hẹp hòi, sở trường - sở đoản... để có thể làm mới, hoàn thiện và thăng tiến bản thân hơn; trừ bỏ đi các thói xấu. Cuộc đời người như bước lên bậc thang, phải càng ngày càng tiến, mới mong sớm tới đích, vì “*trên bước đường thành công, không có dấu chân của kẻ lười biếng*” (Lỗ Tấn). Khi chúng ta mỏi mệt, chán nản muốn bỏ cuộc, hãy thử nhìn lại những gì đã trải qua, lý do tại sao ta bắt đầu; từ đó vực dậy động lực mạnh mẽ cho ta bước tiếp. Có thể một lúc nào đó thấy mệt, ta có thể dừng lại nhưng không thể bỏ cuộc. Dừng lại là để nghỉ ngơi, tổng hợp kinh nghiệm, từ đó phát hiện và sáng tạo ra những điều mới trên con đường mà ta đang bước. Mặt khác, nghỉ ngơi cũng là cách tốt để nạp lại năng lượng tích cực đã bị mất đi của thân thể, giúp tinh thần thoải mái, bớt căng thẳng hơn. Không phải cứ bước đi mãi là tốt, đôi khi, sự dừng lại giúp ta nhận rõ hơn bản chất con đường mình đang đi đúng hay sai, nhanh hay chậm, hiệu quả hay không...? từ đó cải thiện chất lượng con đường sau tiếp.

Nhìn lại còn giúp thay đổi cho đúng và hiệu quả con đường của chính mình. Nhìn lại để biết mình đang sống cho ai, do mình hay người khác chọn. Con đường

của mình là do mình lựa chọn, tự bước đi mà không bị chi phối bởi một ngoại duyên nào. Trong cuộc sống hiện đại, nhiều người đang lệ thuộc vào những thứ khác ngoài bản thân, lối sống có phần phóng túng, ít biết đủ, rồi lại phó mặc “số phận” cho một sự an bài nào đó mà chính họ cũng không rõ. Nếp sống này khiến họ suy nghĩ rằng: mình là một linh hồn đầu thai bị lệ thuộc bởi quy luật thế giới, hoặc dính chặt bởi những nghiệp nhân đã tạo từ kiếp trước không thể thay đổi, để rồi cam chịu số kiếp khổ này. Đức Phật không bao giờ công nhận một đời sống mang tính định mệnh như vậy. Trong Tăng Chi bộ kinh - phẩm Triền Cái, Đức Phật nói rằng: *“Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điếm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy”*. Ta là thừa tự của nghiệp, nhưng đồng thời, cũng là chủ nhân của nghiệp; điều này khẳng định, ta có thể làm chủ nghiệp, làm chủ đời sống của chính mình chứ không phải nhờ ai hay một thế lực, quy luật định mệnh nào khác. Và nên nhớ, nhìn lại nhưng không tự phụ vào kết quả của mình đã đạt được, chúng ta mới có thể bước tiếp và tiến xa hơn.

Tiếp tục bước đi là một biểu hiện của sự không bỏ cuộc, luôn luôn phấn đấu hướng về phía trước, sẵn sàng đương đầu với những chông gai, thử thách, vượt qua tất cả để đến với mục tiêu lớn nhất đời mình. Nếu có nhìn lại mà không chịu bước tiếp, chẳng khác nào chúng ta đang hoài niệm về quá khứ mà thôi. Nếu “nhìn lại” là điều kiện cần để chinh chu lại con đường đang đi, thì “tiếp

bước” chính là điều kiện đủ để thực hiện con đường ấy, hướng dẫn về cái đích cuối cùng mình mong muốn. Cuộc sống này vốn sẵn chứa muôn vàn cơ hội, chỉ cần ta luôn mạnh mẽ bước về phía trước, thì chính ta sẽ mở ra cho mình những chân trời mới huy hoàng và hạnh phúc hơn. Hành động tiến về phía trước không ngừng nghỉ ấy, trong Phật giáo được thể hiện bằng “sự nỗ lực không ngừng” (Chánh tinh tấn). Chánh tinh tấn, phạm ngữ là sammā-vāyāma, là chi thứ sáu trong Bát chánh đạo. Thuật ngữ này cũng được Đức Phật đề cập đến trong nhiều bài kinh khác. Chánh tinh tấn với nội dung: *“Điều thiện chưa sanh cần nỗ lực làm cho phát sanh, điều thiện đã phát sanh thì nỗ lực làm cho tăng trưởng, điều ác chưa sanh thì nỗ lực ngăn chặn đừng cho sanh và điều ác đã sanh khởi thì nỗ lực tìm biện pháp diệt trừ”* đã trở thành phương châm sống của



Theo quy luật vận hành của tự nhiên bốn mùa, khoảng thời gian cuối năm (tháng chạp) chính là lúc thích hợp để mỗi người nhìn lại chặng đường một năm mà mình đã trải qua.
(Ảnh: vnexpress.net)

những người con Phật nói riêng và những người ngoài đạo Phật biết hướng thượng nói chung. Làm ác, sống buông thả, hưởng thụ dục lạc xa hoa thì dễ, nhưng sống biết làm thiện, tích đức và nỗ lực vươn lên mới khó. Việc đó giống như chèo chiếc thuyền ngược dòng nước dữ; thả cho nó trôi theo dòng thì dễ, mà chèo chống liên tục đưa nó về thượng nguồn mới khó. Kiên trì, nhẫn nại, khéo tác ý chính là cách duy nhất đưa ta đến đích.

“Nhìn lại và tiếp bước” tuy là hai khái niệm hành động khác nhau, nhưng sâu trong nội hàm ý nghĩa, lại có liên hệ mật thiết hỗ trợ cho nhau. “Nhìn lại” để soi xét việc đúng sai, thiện ác của bản thân, cũng chính là tự làm “chánh” con đường mình đang bước; “tiếp bước” là sự tinh tấn không ngừng, luôn hướng về phía trước để đạt được những gì mong đợi. Nếu ghép cả hai “nhìn lại - tiếp bước” với nhau, chúng ta sẽ thấy đây là cách diễn đạt khác của “Chánh tinh tấn” mà Đức Phật đã dạy. Tinh tấn đúng đắn chính là nỗ lực ngăn chặn, trừ bỏ cái ác và nỗ lực thực hành, tăng trưởng cái thiện, hướng thượng cho bản thân, sống đời tịnh lạc.

*“Chớ theo pháp hạ liệt
Chớ sống mặc, buông lung
Chớ tin theo tà kiến
Chớ tăng trưởng tục trần
Nỗ lực, chớ phóng dật
Hãy sống theo chánh hạnh
Người chánh hạnh hưởng lạc
Cả đời, này đời sau”*.

(Dhammapada 167 - 168)

Chú thích:

* Tỳ kheo Thích Tấn Nguyễn, Tăng sinh Cử nhân Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.




HỈ CỐ YÊU THƯƠNG

còn mãi với thời gian!

SC. Thích Nữ Thanh Phát

Năm tháng qua đi, ta và người, ai rồi cũng sẽ có những đổi thay theo dòng chảy của cuộc đời. Trên những chặng đường mà ta đi qua, đã để lại những gì cho người, để lại những gì còn mãi với thời gian?

Mỗi một người sinh ra đều có riêng cho mình một thế giới quan, nhân sinh quan. Mỗi người là một cá thể, một tính cách khác nhau và cũng sẽ trải qua những năm tháng của cuộc đời với những niềm hạnh phúc vô biên nhưng cũng xen kẽ những nỗi đau trong âm thầm, lặng lẽ mà chỉ có bản thân người đó mới cảm nhận được điều đó. Những biến cố thăng trầm mà ai trong cuộc đời cũng sẽ gặp phải và mong muốn có người thấu hiểu, có người cảm thông, có người san sẻ, có người cùng ta vượt qua những khó khăn trong nghịch cảnh. Vậy, để yêu thương một người trọn vẹn nhất đó là đặt bản thân mình vào nỗi đau và niềm vui của họ để hiểu và thương họ nhiều hơn. Thiên sư Thích Nhất Hạnh từng nói: *“Thấu hiểu nỗi đau của một người là món quà to lớn nhất mà bạn có thể trao tặng người đó. Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương. Nếu bạn không thể thấu hiểu, thì bạn chẳng thể yêu thương”*.



Cuộc sống không bán vé khứ hồi - một khi mất đi, vĩnh viễn ta sẽ không có lại được. Nên:

*“Hãy sống cho trọn vẹn kiếp người
Vui buồn thành bại cũng qua thôi
Xuân xôn xao lá chờ Thu rụng
Sống để thương cùng, sống thanh thoi”.*



Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng nói: *“Thấu hiểu nỗi đau của một người là món quà to lớn nhất mà bạn có thể trao tặng người đó. Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương. Nếu bạn không thể thấu hiểu, thì bạn chẳng thể yêu thương”*

Ta cần hiểu thấu được nhân sinh vô thường, đời người mong manh, trong vòng luân hồi sinh tử ta - người, được mấy lần gặp gỡ? Mỗi người đến với ta đều có nhân duyên cả, có người đi cùng ta một đoạn đường một ngày, vài tháng hay vài năm nhưng chẳng có ai đi cùng ta trọn một kiếp người. Nên chúng ta hãy trân trọng những giây phút hiện tại mà sống chân thành, yêu thương nhau khi còn có thể để mai này cách xa sẽ không phải hối tiếc về bất cứ điều gì. Đức Phật có dạy: *“Này các Tỳ kheo, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau”* [1].

Ngay cả những loài chúng sanh khác cũng có được sự yêu thương lẫn nhau thì chúng ta không thể thiếu được chất liệu đó trong cuộc sống. *“Cuộc đời sẽ dịu dàng hơn biết mấy khi con người biết đặt mình vào vị trí của nhau”*. Chỉ khi nào bản thân rơi vào tận cùng đau khổ hay hoàn cảnh ngặt nghèo thì ta mới biết được người khác đã phải hứng chịu và trải qua những gì.

“Chính mình bị đánh đập, bị uy hiếp sẽ thấy đau đớn, khổ tâm như thế nào, thì những người yếu hơn các con, họ cũng không muốn chịu đựng sự bức bách, đau đớn cũng như thế ấy! Do đó, suy từ mình mà chúng ta không nên đánh đập, hay làm khổ người khác” [2]. Được làm thân người thì ai cũng sẽ có những cung bậc cảm xúc của chính mình, những gì bản thân không thích thì đừng bao giờ làm với người khác.

Trong cuộc sống, sẽ có những người chưa bao giờ làm mình khổ đau, nhưng cũng có một số người đã từng khiến mình phải hứng chịu biết bao cay đắng. Có những người rất dễ thương, ta thương họ nhiều nhưng cũng có một số người, tuy bản thân đã cố gắng mà vẫn không thương được. Đó là vấn đề chung của tất cả mọi người. *“Vậy làm sao để thương được người khó thương? Cách duy nhất là quán chiếu để thấy rõ được hoàn cảnh của người đó, thấy được những khó khăn mà người đó đang kẹt vào, thấy được những gì mà họ đang phải gồng gánh, chịu đựng để vượt qua mỗi ngày”* [3]. Nên

ta hãy mở rộng lòng từ để thấu hiểu họ nhiều hơn, xem mọi người đều bình đẳng như nhau mà không có tâm phân biệt nào. Kẻ oán cũng như người thân, hãy dang rộng đôi tay để nâng đỡ người giữa cuộc sống xô bồ, nhộn nhịp này, để không ai bị bỏ lại sau lưng. Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy:

*“Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu”.*

Chỉ khi ta đặt mình vào vị trí của họ thì ta mới biết họ cần gì, họ mong muốn gì và họ trải qua những gì rồi mang năng lượng từ bi, yêu thương đối đãi với họ thì bao nhiêu ân oán, thù hận nhờ đó mới được hóa giải.

Trong đời người, không ai chưa từng mắc lỗi lầm, vì tham sân si, vọng động, mê mờ, chấp thủ nên không giữ gìn được thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, tạo không biết bao nhiêu tội lỗi, làm tổn thương đến không biết bao nhiêu người, đâu đó cũng do tâm phân biệt mà ra. Trong Kinh Trung Bộ: *“Thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, duyên gì mà loài người có sự khác nhau, chúng tôi thấy có người đoan thọ, có người trường thọ, có người nhiều bệnh, có người ít bệnh, có người xấu sắc, có người đẹp sắc, có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn, có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn, có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý, có người trí tuệ yếu kém, có người đầy đủ trí tuệ”* [4]. Dẫu biết nghiệp lực của mỗi người mỗi sai khác nhưng chính vì sự nhìn nhận, thấu hiểu đến người có sự sai khác, dẫn đến tình thương của ta cũng có sự sai biệt. Trái tim ta luôn đủ chỗ để dung chứa tất cả, ngay cả những điều bản thân không thích, nhưng quan trọng ta có chịu mở lòng để chào đón họ hay không thôi!? Chính vì bản thân luôn dùng đôi mắt dò xét, phê phán để nhìn nhận người khác, do đó, tình thương của ta bị hạn chế. Là con người, ai cũng có những điều dễ thương và những điều chưa đẹp nên đừng vội ghét bỏ, xa lánh họ chỉ vì những điều chưa đẹp đó. Đừng vì định kiến xã hội, thiên kiến của bản thân, mà nhìn người khác một cách không trọn vẹn, rồi mãi gây tổn thương cho họ. Bao dung với những người mình không ưa để có một trái tim không biên giới, không gì có thể cân đo, đong đếm, để cảm nhận *“tình yêu thương trong ta là vô tận”*.

Trong Kinh Trung Bộ Phật dạy: *“Các Tỳ kheo ở Kosambi, sống với nhau mà không tự thông cảm cho nhau, không chấp nhận thông cảm, họ không tự hòa giải, không chấp nhận hòa giải. Thế Tôn mới dạy các vị Tỳ kheo, này các Tỳ kheo, Tỳ kheo an trú từ thân hành, khẩu hành, ý hành đối với các vị đồng phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí”* [5].

Đức Phật đã dạy cho chúng ta hiểu được, chỉ khi nào cảm thông, lắng nghe, thấu hiểu được họ đã phải đánh đổi, hi sinh và cố gắng ra sao, đã phải gồng gánh như thế nào để đạt được như vậy, thì ta mới thương họ một cách trọn vẹn mà chung sống hòa hợp. Chứ không phải chỉ nhìn thành quả cuối cùng rồi phê bình, trách mắng họ. Ta hãy học dùng lời ái ngữ, tâm thương yêu, sự quan tâm bằng cả tâm lòng mà đối đãi với nhau.

Ai trong đời cũng cần tình thương, muốn thương và muốn được thương... Nên nếu không thương được thì hãy xem như một người khách qua đường, đừng ghét bỏ hay vui đập mãi một người, ân oán đến bao giờ mới hết? Từ ghét bỏ người mà ta khởi lên biết bao điều khó chịu, nghịch ý, rồi luôn kiếm chuyện để gây tổn thương cho họ. Khi sân giận nổi lên, ta không nhận ra được sắc thái trên khuôn mặt cũng theo đó thay đổi, gương mặt không còn xinh đẹp nữa mà trở nên xấu xí, dữ dằn. Ta sẽ nhìn nhận mọi việc không còn chính xác nữa mà chỉ theo cách nghĩ riêng ta, rồi giải quyết mọi việc theo dòng cảm xúc bất ổn.

Chúng ta cùng sống, cùng hít thở chung trong một bầu trời và cùng là con người với nhau nên hãy lan tỏa năng lượng từ bi và hoan hỷ, những năng lượng thiện lành đến với tất cả chúng sanh, để cùng nhau giải thoát mọi khổ đau, vượt lên trên nghịch cảnh của hiện tại. *“Chúng ta đem tình thương trang trải đến tha nhân, đến chúng sanh với lòng bao dung rộng mở, sẵn sàng sẻ chia, đùm bọc với những người cơ hàn, người già nua không nơi nương tựa, tùy theo khả năng. Chúng ta luôn trân trọng, quý hóa những an vui, hạnh phúc của người khác cũng như của chính bản thân của mình”* [6].

Khi chúng ta nhìn người khác qua lăng kính tham, sân, si, ta sẽ thấy họ thật nhiều xấu xa, nhỏ bé, tầm thường.

Nhưng khi nhìn người khác qua lăng kính từ bi, trí huệ, ta sẽ thấy ta và mọi người cũng chẳng khác gì nhau, cùng chứa đựng không biết bao nhiêu là cái xấu cùng những điều tốt đẹp. Vậy, đừng ghét bỏ ai trong đời cả, khi ta ghét họ, chưa chắc họ sẽ biết được điều ấy, chỉ có mình ta phải khó chịu mà thôi. Nên hãy nuôi dưỡng lòng từ, tâm thiện lương của mình mỗi ngày để mang niềm vui đến cho tha nhân, đừng để ai phải vì ta mà chịu đau khổ. Bất kì thiện pháp nào cũng phải nuôi dưỡng, chăm sóc thì nó mới lớn mạnh. Nếu lòng từ không được nuôi dưỡng, chăm sóc thì mãi mãi sẽ không lớn mạnh và phát triển, mà ngày càng nguội lạnh đến dừng dừng, thờ ơ với nỗi đau của tha nhân, rồi vô tâm dần dần xuất hiện lúc nào không hay biết. Điều này đáng sợ, nguy hiểm biết bao?



“ Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu. ”

Trong Kinh Trung Bộ: “Ba vị Tôn giả sống tại khu rừng Gosinga được Đức Thế Tôn đến thăm. Các vị ấy trình với Đức Thế Tôn, chúng con được an lành, chúng con sống với nhau được an vui, sống chung với nhau hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với con mắt thiện cảm. Chúng con khởi lên từ thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trước mặt và sau lưng với những ý nghĩ: “Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này”. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm” [7].

Để thiết lập một đời sống an vui, hạnh phúc, đong đầy tình thương thì ta phải sống một đời vì người, học tính khiêm cung, nhường nhịn, sẻ chia, lắng nghe và cảm thông cho nhau, nâng đỡ nhau giữa giống tổ. Hãy dùng tâm hoan hỷ, thiện lành mà đối đãi với người để sống trọn vẹn một đời có ý nghĩa.

Trong hiện thực, có những người mất niềm tin vào cuộc sống, họ nhạy cảm với mọi vấn đề và có những lúc không thể kiểm soát được hành động, lời nói của mình. Những lúc như thế, không phải là ta xa lánh, kì thị họ mà hãy an ủi, che chở, giúp đỡ họ tránh xa

những bất an trong cuộc đời. Nếu họ là một người sống nội tâm, bạn hãy là một người thấu hiểu, nếu họ là một người muốn nói thì bạn hãy là người lắng nghe, nếu họ là một người thích sự vẹn toàn, thì hãy biến mình thành một người chu đáo... Cuộc sống, đôi khi chỉ cần như vậy mà thôi, vì nhau thay đổi, vì nhau hi sinh, vì nhau san sẻ để cùng bước qua những tháng ngày bình yên.

Thời gian không chờ đợi ai, nên ta phải biết quý trọng từng phút giây bên nhau. Bởi có rất nhiều người chưa biết quý trọng lại trở thành người xưa. Có rất nhiều người chưa kịp để tâm thì đã thành người cũ. Có những thứ mất đi, ta mới biết nó quý giá vì bản thân không biết trân trọng. Cuộc sống không bán vé khứ hồi - một khi mất đi, vĩnh viễn ta sẽ không có lại được.

Nên:

“Hãy sống cho trọn vẹn kiếp người
Vui buồn thành bại cũng qua thời
Xuân xôn xao lá chờ Thu rụng
Sống để thương cùng, sống thành thơ”.

Chỉ có yêu thương, thấu hiểu mới tồn tại mãi với thời gian, mới lưu dấu cho ta những kỉ niệm đẹp trong đời. Bởi lẽ, “Năm tháng dài, hình hài rồi cũng mất - chỉ để lại đời, trọn vẹn một trái tim”!

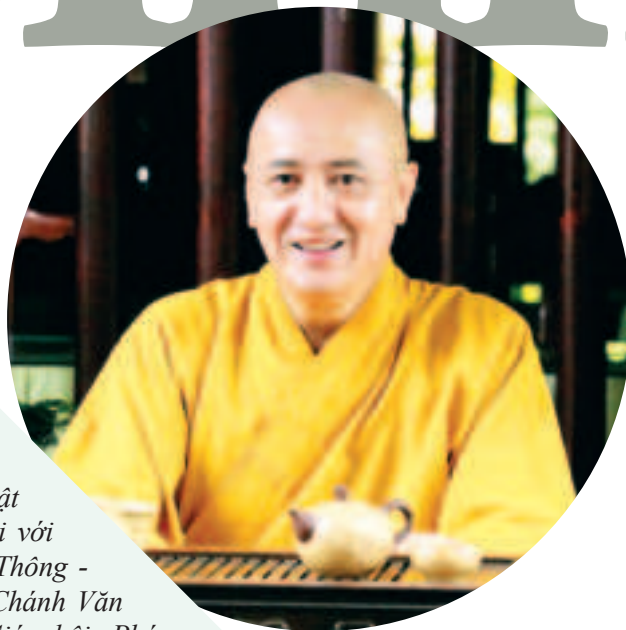
Chú thích:

- [1] Bhik.Samadhipunno, Định Phúc (biên soạn), (2019), *Cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật*, Nxb. Hồng Đức, tr.181
- [2] Đại đức Thiện Minh (2011), *Châu ngọc trong ta*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, tr.81
- [3] Thiền sư Nhất Hạnh, Lá Bối, *Sống chung an lạc*, tr.13
- [4] *Kinh Trung Bộ, Tập 2, phẩm Tiểu Kinh Nghiệp Phân Biệt*. HT. Minh Châu (dịch) (2012), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, tr.539.[5] *Kinh Trung Bộ, Tập 1, Phẩm Kinh Kosambiya*, HT. Minh Châu (dịch), (2012), VNCPHVN, Nxb. Tôn giáo, tr.394.
- [6] Đại đức Thiện Minh (2011), *Châu ngọc trong ta*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, tr.148
- [7] *Kinh Trung Bộ, Tập 1, Phẩm Tiểu Kinh Rừng Sừng Bò*, HT. Minh Châu (dịch), (2012), VNCPHVN, Nxb. Tôn giáo, tr.260.



PHẬT GIÁO &
THỜI ĐẠI

Phật giáo Bình Dương



*Trước thềm Đại hội
Đại biểu Phật giáo
tỉnh Bình Dương nhiệm
kỳ X, Tạp chí Văn hóa Phật
giáo đã có cuộc trao đổi với
Hòa thượng Thích Huệ Thông -
Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn
phòng II Trung ương Giáo hội, Phó
Trưởng ban Thường trực Ban Pháp chế
Trung ương, Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật
giáo Việt Nam tỉnh Bình Dương về những giá trị
nền tảng cho sự phát triển của Phật giáo tỉnh Bình
Dương. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

Giáo Bình Dương

phát triển trên nền tảng kế thừa, đoàn kết và hòa hợp

Hữu Nghĩa

Thưa Hòa thượng, trong nhiệm kỳ IX (2017-2022), Phật giáo Bình Dương đã đạt được những thành tựu như thế nào trong công tác Phật sự?

HT Huệ Thông: Trong nhiệm kỳ IX (2017-2022), Phật giáo Bình Dương, trước tiên luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của Trung ương Giáo hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi từ lãnh đạo và các ban ngành chức năng của tỉnh. Đặc biệt là được sự đồng thuận của Tăng Ni, tín đồ Phật giáo trong tỉnh. Do đó, Phật giáo Bình Dương đã hoàn thành tốt Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phật giáo lần thứ IX của tỉnh. Trong nhiệm kỳ vừa qua, với tinh thần đồng thuận, đoàn kết, hoà hợp, Phật giáo Bình Dương đã phấn đấu và hoàn thành những mục tiêu đề ra. Trong đó, tiêu biểu là việc tổ chức thành công các sự kiện lớn như Đại lễ Vesak, Hội thảo Phật giáo cổ truyền, họp mặt hoằng pháp toàn quốc và các lĩnh vực khác, đặc biệt là công tác từ thiện xã hội. Suốt hai năm gần đây, sự lây lan của dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến toàn xã hội nói chung, Bình Dương nói riêng; tuy nhiên



với tinh thần đoàn kết nhất quán dưới sự chỉ đạo của Giáo hội, Phật giáo trong tỉnh vẫn quyết tâm thực hiện những mục tiêu đề ra. Vì vậy, dù có những thách thức, khó khăn trong bối cảnh đại dịch nhưng cơ bản, Bình Dương đã hoàn thành nhiều chương trình Phật sự ở hầu hết các lĩnh vực. Có thể nói, đây là thành tựu lớn của Phật giáo Bình Dương trong nhiệm kỳ qua.

Đặc biệt, trên cơ sở chỉ đạo sâu sát của Giáo hội và các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương, toàn thể Tăng Ni, Phật tử trong tỉnh đã nghiêm túc thực hiện các yêu cầu, chủ trương về phòng chống dịch bệnh COVID-19, chú trọng tuân thủ quy định của Chính phủ, bộ ngành các cấp và chính quyền địa phương. Trong công tác phòng chống dịch, Phật giáo Bình

Dương đã phát động phong trào công tác từ thiện xã hội, nhằm góp phần cùng với cả hệ thống chính trị của tỉnh nhà đem lại đời sống ổn định cho đồng bào. Thành quả cụ thể là trên 100 tỷ đồng đã được quyên góp ủng hộ cho các công tác liên quan tới phòng chống dịch COVID-19.

Những thành tựu ấy có được, trước hết bởi Phật giáo Bình Dương đã biết vận dụng cơ hội, khắc phục những thách thức của thời đại. Đặc biệt, kế thừa các truyền thống quý báu mà các bậc tiền bối để lại cho Phật giáo Bình Dương. Đồng thời, kết hợp giá trị tinh thần giữa truyền thống và hiện đại, góp phần giúp tỉnh nhà ổn định và phát triển, đóng góp vào sự nghiệp xương minh và hộ trì Phật pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



Đại hội Đại biểu Phật giáo trong năm 2022 tại tỉnh Bình Dương được xem là Đại hội điểm, Hòa thượng có suy nghĩ như thế nào về nhận định này?

HT Huệ Thông:

Phật giáo Bình Dương chọn thời điểm tổ chức đại hội vào đầu tháng Giêng, nhằm kỷ niệm kỳ Đại hội Phật giáo đầu tiên của tỉnh Sông Bé trước đây (ngày 7-8/1/1983). Kể từ đó, trải qua 9 kỳ Đại hội, Phật giáo Bình Dương đều lấy quý I dương lịch để làm Đại hội Phật giáo cấp tỉnh.

Năm nay, Trung ương Giáo hội quyết định lựa chọn Bình Dương là Đại hội điểm cấp tỉnh. Đây là vinh dự rất lớn cho Phật giáo Bình Dương, nhưng đồng thời cũng tạo áp lực không nhỏ, làm sao để xứng

đáng với tầm vóc của một đại hội điểm, không phụ lòng tin của Trung ương Giáo hội vào Đại hội cấp tỉnh/thành phố đầu tiên trong cả nước.

Ý thức được trách nhiệm và vai trò của tỉnh đầu tiên, chúng tôi đã lên kế hoạch chuẩn bị chu đáo cho việc tổ chức đại hội. Thứ nhất, làm sao để đáp ứng tốt nhất tinh thần Thông tư 60, trên cơ sở đồng thuận cao của Ban Trị sự tiền nhiệm; kế đến là các huyện/thị/thành phố trực thuộc tỉnh; rộng hơn nữa là Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo. Điều đó nhằm thể hiện tinh thần đoàn kết, hoà hợp, đồng thuận, nhất là về khâu nhân sự. Chúng tôi phải đảm bảo thực hiện tốt theo tinh thần Thông tư 60 của Trung ương Giáo hội, củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ và đặc biệt là trao đổi, chia sẻ với các ban ngành chức năng để có được sự đồng



thuận. Điều đó là tiền đề cho sự thành công của đại hội điểm; qua đó tạo niềm tin vững chắc đối với chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội, đặc biệt là Hoà thượng Chủ tịch.

Vì vậy, chúng tôi luôn luôn truyền đạt tư tưởng này đến với tập thể Phật giáo tỉnh nhà. Bởi danh dự luôn luôn đi kèm với trách nhiệm và áp lực rất lớn. Đặc biệt, khi Đại hội diễn ra trong thời điểm toàn thể hệ thống chính trị của nhà nước, nhân dân và các tôn giáo đang quyết tâm phòng chống dịch bệnh COVID-19, Ban tổ chức cũng nghiêm túc thực hiện đúng theo các quy định phòng dịch. Làm sao để chúng ta vừa hoàn thành đại hội điểm, vừa đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống dịch, qua đó mang lại những thành tựu tốt đẹp nhất cho đại hội Phật giáo tỉnh nhà.

Với quá trình gắn bó lâu dài và trải nhiều cương vị, mong Hòa thượng có thể đúc kết những bài học kinh nghiệm đã, đang và sẽ là nền tảng giúp Phật giáo phát triển bền vững?

HT. Huệ Thông: Tôi luôn luôn giữ quan điểm nhất quán, thứ nhất là kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của các bậc tiền bối để lại. Đồng thời, tận dụng tối đa những cơ hội có được trong bối cảnh thời đại; kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại để

đưa ra chương trình hoạt động phù hợp, đáp ứng với truyền thống văn hoá. Bên cạnh đó, vận dụng và đáp ứng các yếu tố khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn. Đây có thể xem là những yếu tố trọng tâm.

Tuy nhiên, dù vận dụng dưới bất cứ hình thái nào, yếu tố kỷ cương và giới luật vẫn luôn luôn là nền tảng vững chắc nhất. Bởi chúng tôi nghĩ rằng, một căn nhà dù cao bao nhiêu tầng, đẹp bao nhiêu nhưng nếu nền móng thiếu vững chắc, ngôi nhà đó không sớm thì muộn cũng có thể bị sụp đổ. Do đó để phát triển bền vững, chúng tôi luôn luôn xây dựng tu sĩ Phật giáo phải cố gắng duy trì phẩm hạnh, đạo đức, tác phong, oai nghi để thể hiện lên sự uy dũng trong đời sống sinh hoạt của Giáo hội, qua đó đem lại sự ổn định. Vì vậy, Phật giáo Bình Dương luôn ý thức được sự phát triển phải dựa trên nền tảng kỷ cương, giới luật, chấp hành nghiêm túc hiến chương và các quy định của Giáo hội. Nhờ vậy, chúng ta hội nhập, phát triển nhưng vẫn tuân thủ theo lời Đức Phật dạy: “*Vì như bàn tay không thương tích thì chúng ta có thể nắm thuốc độc không sao. Còn nếu bàn tay thương tích thì chúng ta cầm nắm các vật bên ngoài dễ bị nhiễm*”.

Khi con người vững chắc, giới luật trang nghiêm, kỷ cương ổn định thì sự phát triển sẽ đem lại những kết quả khả quan và bền vững.



HOẢNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoảng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoảng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

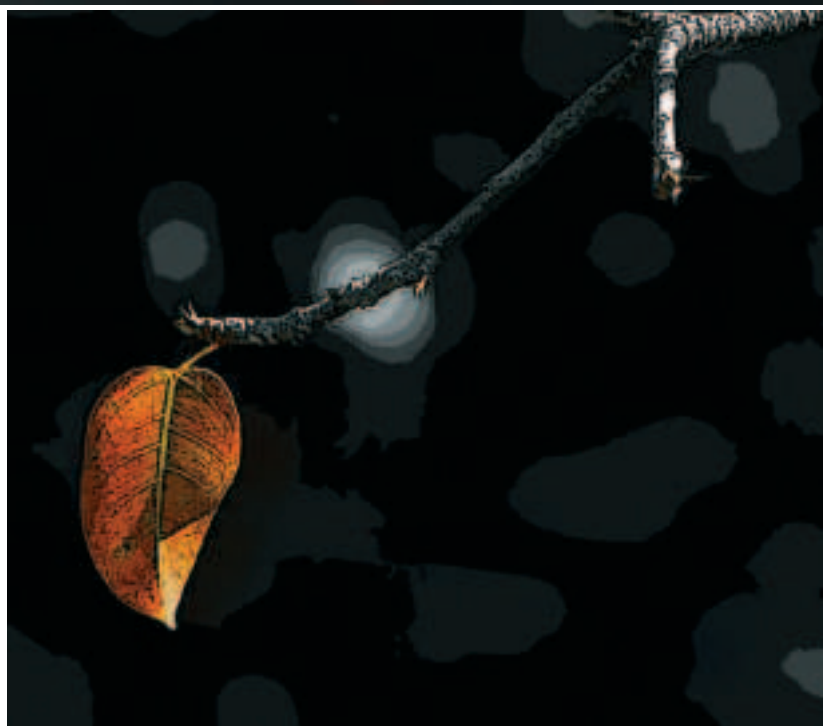
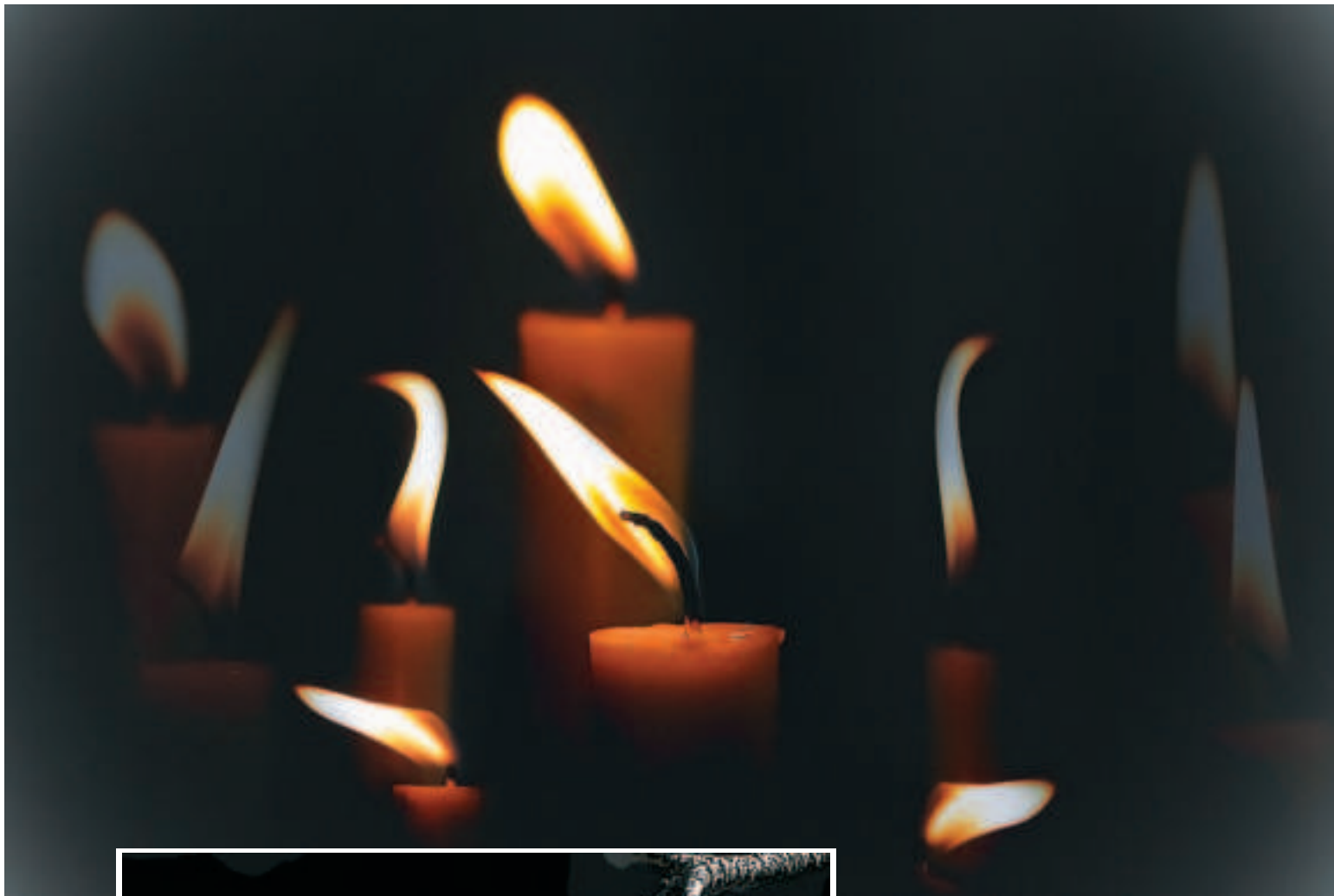
theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy

SC. Thích Nữ Huệ Quang

Sinh - lão - bệnh - tử là quá trình không ai có thể tránh khỏi. Với niềm tin từ kinh sách, truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo, khi có người chết, thân quyến lại tổ chức cúng tế, cầu nguyện với mong mỏi anh linh người chết sẽ được thanh thân, nhẹ nhàng, hưởng sự sung túc ở thế giới bên kia. Ngày nay, Phật giáo có rất nhiều pháp hội cầu siêu được tổ chức với các nghi thức thiêng liêng: Tam thời hệ niệm, phá cửa địa ngục... Ở đây, chúng ta suy ngẫm thêm là việc cầu nguyện đó trong Phật giáo có ý nghĩa thế nào và liệu người chết có nhờ vào sự cúng tế, cầu nguyện ấy mà có được cuộc sống an nhàn, tốt đẹp ở thế giới bên kia như niềm tin của thí chủ? Việc tìm hiểu về cầu nguyện cho người đã khuất được Đức Phật nói trong các Kinh tạng A Hàm và Kinh tạng Nikaya sẽ giải thích vấn đề trên.

QUAN NIỆM VỀ SỰ CHẾT

Có hay không sự tồn tại của một linh hồn sau khi con người chết? Đây là một trong những vấn đề siêu hình mà các trường phái triết học, tôn giáo có quan điểm khác nhau. Theo quan điểm Phật giáo, chết là một tiến trình tự nhiên trong quy luật sinh - lão - bệnh - tử của đời người mà bất kỳ ai cũng phải trải qua: *“Cái chết là sự chấm dứt của đời sống tâm-vật-lý của cá nhân. Chết là sự diệt tắt của sinh lực, tức là đời sống tâm linh và vật lý, cùng với hơi nóng và thức. Chết không phải là sự tiêu diệt hoàn toàn của một chúng sanh, mặc dầu kiếp sống chấm dứt. Cái tiềm lực làm sống chúng sanh không bị tiêu diệt... Cũng thế ấy, sự tan rã của thể xác không làm xáo trộn luồng nghiệp lực, và sự chấm dứt của thức hiện tại dẫn đến sự phát sanh của công thức mới [1].*



Thời Phật tại thế, khi gặp trường hợp một người đang hấp hối, Phật hoặc các vị đệ tử sẽ nói về sự vô thường, vô ngã, khuyên người ấy an trú vào hơi thở, buông bỏ sự chấp thủ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, để họ chấp nhận cái chết đến một cách nhẹ nhàng như trường hợp của vua Tịnh Phạn hay cư sĩ Cấp Cô Độc.

Chết không phải là sự tiêu diệt hoàn toàn của một chúng sanh, mặc dầu kiếp sống chấm dứt. Cái tiềm lực làm sống chúng sanh không bị tiêu diệt...

Điều đó có nghĩa sau khi kết thúc mạng sống ở đời hiện tại, từ bỏ thân thể vật lý này thì sẽ bắt đầu sự sống mới ở một hình thức tồn tại khác, tùy theo thiện nghiệp hay ác nghiệp lúc sanh tiền mà chiêu cảm một kiếp sống mới hoặc tốt đẹp hơn hoặc tồi tệ hơn. Nó là một quá trình chuyển tiếp từ đời sống này sang một đời sống khác. Chết không phải là sự chấm dứt hoàn toàn mà là thay đổi thân thể vật chất, quá trình chuyển đổi ấy gọi là tái sanh. Vì đâu chúng ta tin vào điều đó?

Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: *“Với Thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ... Những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này [2]. Hay ở một đoạn khác trong Trung bộ kinh: “Này Sariputta có năm loại sanh thú này. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người và chư thiên” [3].*

Trong quá khứ, thời Phật tại thế, đã không ít lần các ngoại đạo đã tìm đến hỏi Ngài về sự tồn tại sau khi chết, nhưng Đức Phật luôn tỏ thái độ trầm mặc, không trả lời vì theo Ngài nó hoàn toàn không có lợi ích, không thể làm nền tảng cho đời sống phạm hạnh, không đưa đến sự chấm dứt khổ đau, sinh tử, luân hồi. Đức Phật đã lấy ví dụ chỉ cho những người mãi lo tìm kiếm về điều này như người bị mũi tên độc bắn trúng, không lo chạy chữa để cứu mạng sống mà nằng nặc tìm hiểu về nguồn gốc mũi tên do ai bắn, tại sao lại

bắn, mũi tên làm bằng chất liệu gì... kết quả là khi chưa tìm ra hết các câu trả lời thì đã chết [4]. Đức Phật chưa bao giờ trả lời trực tiếp vấn đề “còn hay không sự tồn tại của linh hồn sau khi con người chết”. Với sự thẳng trí của Đức Phật, Ngài đã giảng về cái chết rất rõ ràng về cái chết và những sự kiện sau đó, nhưng điều đó không đồng nghĩa là có sự tồn tại của một linh hồn vĩnh hằng.

Theo Phật giáo, sau khi chết chỉ trừ các vị A La Hán đã chấm dứt, đoạn tận hoàn toàn các nguyên nhân tái sanh, không trở lại nữa. Còn tất cả chúng sanh đều phải luân hồi trong năm cảnh giới: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người và chư thiên do chiêu cảm nghiệp báo từ hành nghiệp thiện, ác của mình khi còn sống. Chúng ta có thể hoàn toàn tin chắc có một cuộc sống mới cho con người sau khi chết và chúng ta có quyền quyết định cuộc sống ấy, tự mình lựa chọn hoặc khổ đau, hoặc hạnh phúc cho mình bằng việc gieo hạt giống thiện hay bất thiện ngay trong đời sống hiện tại. Đạo Phật đã chỉ ra con đường nào đưa đến hạnh phúc, con đường nào dẫn đến khổ đau, còn việc chọn đi con đường nào là do bước chân mỗi người tự mình đặt để.

NGHIỆP KHÔNG THỂ CẦU NGUYỆN HAY VAN XIN

Quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy cho rằng, con người sau khi chết sẽ tùy theo nghiệp lực mà tái sanh, sự chuyển tiếp từ kiếp sống hiện tại sang kiếp lai sanh xảy ra một cách nhanh chóng: *“Hiện tượng chết và tái sanh diễn ra tức khắc, dầu ở nơi nào, cũng như làn sóng điện phát ra trong không gian được thấu nhận tức khắc vào*

bộ máy thấu thanh. Luồng nghiệp lực trực tiếp chuyển từ cái chết ngay đến tái sanh, không trải qua một trạng thái chuyển tiếp nào (antarabhava) [5].

Phật giáo Nguyên thủy chú trọng đến hành nghiệp lúc còn hiện hữu trên đời. Đây chính là chú trọng đến nguyên nhân đưa đến tái sanh vào các cảnh giới sau khi cái chết diễn ra, một khi có nhân chủng tốt ắt sẽ đưa đến một nghiệp quả tốt. Thời Phật tại thế, khi gặp trường hợp một người đang hấp hối, Phật hoặc các vị đệ tử sẽ nói về sự vô thường, vô ngã, khuyên người ấy an trú vào hơi thở, buông bỏ sự chấp thủ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, để họ chấp nhận cái chết đến một cách nhẹ nhàng như trường hợp của vua Tịnh Phạn hay cư sĩ Cấp Cô Độc. Trường hợp có người đã mất, các vị Tăng sĩ sẽ đọc những câu kinh về vô thường để thức tỉnh người thân đang còn sống nhằm giúp họ vui bớt nỗi đau mất mát người thân. Chúng ta không tìm thấy trong hệ thống kinh tạng Nguyên thủy bài kinh nào Đức Phật nói về sự cúng tế, cầu nguyện với lời hứa hẹn đem đến cho người chết một tương lai tốt đẹp ở một cảnh giới an lành nào. Bởi mỗi người tùy theo nghiệp nhân đã tạo mà chiêu cảm nghiệp quả khác nhau, không ai có thể can thiệp được.

Trong *Trung A Hàm*, kể lại câu chuyện Già-di-ni, con trời A-tu-la đến thưa Phật về việc các Bà La Môn đảm bảo nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời và bày tỏ lòng mong muốn Thế Tôn cũng hãy đảm bảo làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ,



“Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm, chính người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy” .

sanh lên cõi trời như các Bà La Môn ấy. Đức Thế Tôn đã trả lời vị ấy bằng câu hỏi: “*Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn... Có thể nào vì được số đông người đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không... tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van*

lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?” [6] .

Vị Già-di-ni đã gián tiếp trả lời câu hỏi của mình bằng việc trả lời câu hỏi của Thế Tôn về cầu nguyện nơi ví dụ mà Phật đã đưa ra. Cũng như vị ấy, chúng ta chắc chắn đã tìm thấy câu trả lời về vấn đề cầu nguyện cho người chết ở đoạn kinh này. Chính những hành động tạo tác nơi thân, khẩu, ý của một người khi còn sanh tiền mà lúc chết họ sẽ bị dòng nghiệp lực chi phối, dẫn dắt tái sanh trong các cảnh giới tương ứng. Việc đảm bảo một cuộc sống tốt đẹp cho người chết ở thiện xứ, thiên giới thông qua việc cầu nguyện, cúng tế là một điều không thể xảy ra nếu người này khi còn sống tạo

các ác nghiệp như sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, tà kiến... Vậy sự hứa hẹn của các Bà La Môn hay của bất kỳ một giáo phái, đáng thần linh nào về việc này đó là một sự phi lý, việc làm ấy cũng giống như cầu nguyện cho một tảng đá nổi lên mặt nước. Đây là điều không thể vậy.

Trong *Tương Ưng Bộ*, Đức Phật cũng đề cập đến vấn đề này qua câu chuyện của vị thôn trưởng đến bạch Phật: “*Các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bóng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới... bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này?*” [7].

Lời thưa của vị thôn trưởng này lại một lần nữa cho chúng ta thấy vấn đề về cái chết, sự giải thoát sau khi chết là tư tưởng chủ đạo và quan tâm của hầu hết các trường phái triết học, tôn giáo lúc bấy giờ. Đường như tất cả các giáo thuyết ngoại đạo thời bấy giờ đều chứa đựng sự cam kết sẽ mang đến một cuộc sống hạnh phúc cho các tín đồ của họ. Riêng đạo Phật, Thế Tôn không thừa nhận quyền “ban phước, giáng họa”, Ngài đưa ra hai ví dụ để vị thôn trưởng nhìn nhận vấn đề mình nghi vấn: “*... có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng*

khấp và nói rằng: “Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!”... Có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy... Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khấp và nói: “Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu...” [8].

Ở đây, Đức Phật đã xác định rõ, việc sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục hay sanh lên thiện thú, thiên giới là tùy thuộc vào hành nghiệp của một người lúc còn sống. Nếu người ấy làm các việc thiện lành, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến thì chắc chắn khi lìa đời sẽ được sanh vào cảnh giới tốt đẹp. Dù có ai muốn cầu nguyện cho họ sanh vào cõi dữ cũng không thể, giống như cầu cho bơ chìm xuống đáy nước vậy. “Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm, chính người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy” [9].

Như vậy vấn đề nghiệp lực thì không thể cầu nguyện hay van xin, mỗi người phải chịu trách nhiệm về các nghiệp nhân mà mình tạo tác, nếu thiện nghiệp sẽ đưa đến quả báo tốt đẹp, ác

nghiệp sẽ dẫn đến quả báo xấu trong đời này và đời sau, không ai có thể thay thế hay chuyển được nghiệp quả của mình ngoài bản thân mình.

NGUỒN GỐC LỄ CÚNG TẾ CẦU SIÊU

Các nghi thức cúng tế, cầu siêu có thể bắt nguồn từ thời nhà Đường, theo lão pháp sư Đạo An: “Nguồn gốc của việc siêu độ bắt đầu từ thời đại Đường Minh Hoàng. Thời Đức Phật không có, Phật giáo truyền đến Trung Quốc thời kỳ đầu cũng không ghi chép sự việc này. Đến thời đại của Đường Minh Hoàng, vì vua Đường sủng ái Dương Quý Phi, khiến nhân dân và triều thần bất mãn, mới có loạn An Lộc Sơn nổi tiếng trong lịch sử suýt nguy cấp đến cả quốc gia dân tộc. Với sự đắc lực của Quách Tử Nghi, một vị đại tướng đương thời đã bình định cuộc nổi loạn, tuy nhiên, quân dân tử thương rất nhiều. Sau khi bình định cuộc nổi loạn, triều đình tại mỗi chiến trường chính, xây dựng một miếu thờ gọi là Khai Nguyên tự, vì đứng vào niên hiệu Khai Nguyên, thỉnh cao tăng đại đức, tụng kinh, bài sám truy điệu cho quân dân tử nạn. Đây là lễ truy điệu do triều đình cử hành, gọi là Pháp hội siêu độ. Từ đó dân chúng học theo, mỗi khi có người qua đời, người dân cũng thỉnh pháp sư đến làm Phật sự siêu độ, tạo phong tục cho đến ngày nay [10].

Như vậy, trước niên hiệu Khai Nguyên (nhà Đường) không có việc cúng tế cầu siêu bạt độ cho người chết. Kể từ sau Pháp hội siêu độ của thời Khai Nguyên thì cúng tế cầu siêu mới phát triển mạnh cho đến ngày nay và lan

rộng, đó là một hình thức văn hoá của Trung Hoa. Theo dòng du nhập, phát triển và tiếp biến cùng tôn giáo tín ngưỡng bản địa, nhằm tạo phương tiện dẫn dắt con người đến với đạo, Phật giáo Đại thừa với tinh thần nhập thế đã dần hình thành các nghi thức cúng thí, cầu siêu, bạt độ vong linh và ngày càng được chú trọng phát triển về hình thức lẫn quy mô thành các pháp hội cầu siêu, trai đàn chẩn tế.

Lúc ma chay, các ngày giỗ kỵ, gia quyến của người chết được hướng dẫn thiết lễ Trai Tăng, làm các việc phóng sanh, bố thí để hồi hướng công đức cho người đã khuất như một phương tiện nhằm an ủi nỗi mất mát cho người sống, tạo nhân duyên cho họ đến chùa, tham gia vào các nghi thức, từ đó học hỏi giáo pháp để trở thành Phật tử. Nhưng nói như vậy không có nghĩa, việc thực hiện các nghi thức cúng tế, siêu độ cho người chết trong Phật giáo chỉ là mang tính hình thức để khuyến dụ mọi người đến với đạo Phật. Đức Phật không phủ nhận lợi ích của việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện cho quyến thuộc đã mất. Trong Tạp A Hàm có câu chuyện vị phạm chí Sanh Văn đến thưa hỏi Phật: “Con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không? ”

“Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người,



Chúng ta có thể hoàn toàn tin chắc có một cuộc sống mới cho con người sau khi chết và chúng ta có quyền quyết định cuộc sống ấy, tự mình lựa chọn hoặc khổ đau, hoặc hạnh phúc cho mình bằng việc gieo hạt giống thiện hay bất thiện ngay trong đời sống hiện tại.

họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông. “Này Bà-la-môn, trong đường nga quý có một nơi tên là Nhập xứ nga quý. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ nga quý kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông” [11].

Theo đoạn kinh trên, con người sau khi chết nếu đã sanh vào các cảnh giới địa ngục, nga quý, súc sanh, người và trời thì sẽ thọ nhận đồ ăn tương xứng với nơi họ đang sống. Họ hoàn toàn không được lợi ích từ việc cúng tế, cầu nguyện. Hay nói một cách khác, đó là họ đã tồn tại trong hình thức của kiếp sống mới với những điều kiện mới về mọi phương diện

tương ứng với nghiệp nhân đã tạo trong đời. Chỉ khi người chết bị sanh vào cõi Nhập xứ nga quý thì mới có thể hưởng phần nào lợi ích từ sự bố thí, hướng tâm của người thân. Tuy nhiên, những việc làm này chỉ mang tính chất trợ duyên, tạo chất xúc tác, tạo tăng thượng duyên, hỗ trợ ít nhiều vào tiến trình nhân quả, cảm thọ nghiệp báo của người chết một cách tích cực chứ hoàn toàn không thể cứu thoát họ ra khỏi cảnh giới nga quý hay thay đổi nghiệp quả mà họ đang phải chịu. Vì nhân quả, nghiệp báo đó là một quy luật tất yếu, công bằng và khách quan. Nghiệp do ai gây ra thì người ấy phải gánh chịu hậu quả của nghiệp ấy, không có bất kỳ một

năng lực nào có thể thay đổi được nhân quả, cũng không ai có thể thay thế, dù có chung dòng huyết thống: “Cha không cứu được con/ Hay bà con cứu nhau” [12].

Phần lợi ích từ các việc này chủ yếu vẫn là cho những người còn sống. Kinh phân tích: “Người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh cộng trú với các loài voi... Vị ấy tại đây, được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác... Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với loài

Người. Tại đây, vị ấy được năm loại dục công đức sai khác, thuộc về loài Người... Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên. Vị ấy tại đây được năm loại dục công đức của chư Thiên [13].

Vậy nhờ lòng thương tưởng đến người đã khuất, với lòng tịnh tín mà phát tâm cúng dường, bố thí, hành thiện, sẽ tự mình được phước từ những việc làm ấy. Phước báo ấy chính là tư lương trên chặng đường tái sanh cho mỗi người khi chấm dứt thọ mạng nơi cõi đời này,

VẤN ĐỀ CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI CHẾT

Đức Phật dạy: “*Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào đã tạo, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy*” [14]. Nghiệp là yếu tố quyết định cho cảnh giới tái sanh của con người sau khi chết, không có một hình thức cầu nguyện hay bài kinh nào, không có đáng thương để hay một quyền lực nào chi phối được nghiệp lực của mỗi người. Do đó, để được siêu thoát, nói khác hơn là để có một cuộc sống tốt đẹp ở kiếp lai sanh, mỗi người phải tự chuẩn bị tư lương cho mình ngay khi còn khỏe mạnh, còn sống trên đời này, để khi vô thường đến, cái chết diễn ra, chúng ta sẽ biết rõ đường đi lối về của mình mà không chờ đợi một sự cứu rỗi, cầu nguyện nào bởi chắc chắn đó là điều không thể.

Thực tại đáng lưu tâm, là đó đây còn có một số tu sĩ trẻ có xu hướng nghiêng về cúng tế nhiều hơn, với những sự hứa hẹn, đảm bảo mang

đến một cuộc sống an lành nơi thế giới Tây phương Cực Lạc cho người đã mất. Chính điều đó đã vô tình làm hiểu lầm tính phước thiện của việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện trong Phật giáo, biến giáo lý Phật từ “ngón tay chỉ trăng” trở thành một giáo thuyết linh thiêng có quyền ban phước giáng họa cho muôn loài. Trước đây, Phật giáo chú trọng đến việc giáo hoá những người sống, dạy cho họ biết làm lành tránh dữ, tạo nhân duyên tốt, chuẩn bị cuộc sống tốt đẹp cho kiếp lai sanh. Thời đại ngày nay, yếu tố phước thiện trong việc thực hiện các nghi thức cầu nguyện cho người chết đôi lúc bị xao nhãng, dẫn đến sự tồn tại của quan điểm mê tín dị đoan. Việc cúng tế, cầu nguyện cho người chết là một cách thể hiện lòng biết ơn, sự thương nhớ của người còn sống đối với người đã khuất, thể hiện nét đẹp đạo đức văn hoá “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Thực hiện các pháp sự cẩn tể, bạt độ kỳ siêu cho người chết là một hình thức tiếp biến với truyền thống văn hoá đất nước, thể hiện tính nhân văn và tinh thần nhập thế của Phật giáo trong thời đại mới.

Tuy nhiên, trên tinh thần phước thiện độ sanh cũng không thể để mất đi tính nguyên chất của Đạo Phật. Thông qua các hình thức siêu độ, phải làm sao truyền tải được cho mọi người sự hiểu biết về cái chết, quy luật duyên sinh, vô thường, sự chi phối và tác động của nhân quả nghiệp báo vào tiến trình tái sanh... nhằm trang bị cho người đang sống một hành trang vững vàng để có thể đối diện với cái chết, không lo âu, không sợ hãi, vì ai rồi cũng phải chết. Hạnh phúc hay khổ đau

là do chính bản thân mình chọn lấy, không có một hình thức cầu nguyện nào, không ai có thể thay thế cho ai để chịu nghiệp báo. Từ đó hướng con người đến một đời sống thiện lành, trọn vẹn ngay nơi đời sống hiện tại này để tạo nhân chủng tốt cho kiếp lai sanh.

Chú thích:

- [1] Narada Maha Thera - Phạm Kim Khánh (dịch), *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb. Hồng Đức, 1980, tr.450.
- [2] HT. Thích Minh Châu dịch, Trường Bộ Kinh, 25. *Kinh Ưu Đàm-Bà-La Sư Tử Hống*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr.343-344.
- [3] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 12. *Đại Kinh Sư Tử Hống*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.106.
- [4] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 63. *Tiểu kinh Mạtunkyà*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.524.
- [5] Narada Maha Thera - Phạm Kim Khánh (dịch) (1980), *Sđđ*, tr.451.
- [6] Sa môn Thích Tịnh Hạnh dịch, *Đại Tập 3 - Bộ A-Hàm III - Trung A Hàm*, 17. Kinh Già - Di - Ni, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, tr.110.
- [7] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tương Ưng 4, Tương ưng thôn trưởng*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, tr.360.
- [8] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tương Ưng 4, Tương ưng thôn trưởng*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2013, tr.360, tr.489.
- [9] HT. Thích Minh Châu dịch, Trung Bộ kinh, 130. *Kinh Thiên Sư*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.550.
- [10] Pháp sư Tịnh Không, *Bài giảng “Vi sao phải siêu độ vong nhân”*, truy cập 10/2021, từ www.tinhkhongphapngu.net/video/Hoa-Thuong-Tinh-Khong-giang-Bo-1-Tap-Vi-Sao-Phai-Sieu-Do-Vong-Nhan/404/.
- [11] Sa môn Thích Tịnh Hạnh dịch, *Đại Tập VI - Bộ A-Hàm VI - Tạp A Hàm*, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, tr.803.
- [12] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tiểu Bộ 1*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr.455.
- [13] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tăng Chi Bộ 2, XVII*. Phẩm Jāṇussoṇi, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr.721.
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tăng Chi Bộ 2, Chương V Năm Pháp VI*. Phẩm Triền Cái, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr.673.



Mùa Đông Gợi Nhớ

(Ảnh: toquoc.vn)

Nguyễn Minh Thuận

Bỗng một ngày, tôi bắt gặp những chiếc lá vàng đã thôi rơi và bầu trời cũng không còn trong xanh nữa. Những áng mây mỏng, mềm bay qua thêm cũ. Từng tia nắng óng vàng cũng thôi không còn phoi mình ngoài ngõ. Thoảng trong cơn gió hiu hiu chẳng còn mùi hương thơm lừng của ôi chín, của nụ hoa cúc vàng ươm, mà thay vào đó là cái se se từ những cơn gió giao mùa!

Thế là mùa thu đã qua và mùa đông đã về. Mùa đông về mang theo màn sương trắng xóa phủ kín khắp con đường lẫn trên cánh đồng ngoài xa. Từng cơn gió se sắt chờ mùa lạnh về, làm giá buốt thân tôi. Bất chợt tôi nghe lòng mình quay quắt nhớ về một thuở xa xôi, một vùng trời đầy ắp những kỷ niệm của tuổi thơ hồn nhiên!

Thuở ấy, khi mùa đông vừa chớm, cái lạnh tỏa đầy khắp nơi làm tôi chỉ muốn vùi mình trong chiếc chăn ấm áp và nường một giấc đến trưa, tới khi mẹ gọi thì mới dậy, nhưng thật lòng lúc đó

tôi vẫn còn tiếc lấm cái chỗ nằm êm ả của mình. Sau khi thức dậy, mẹ kêu tôi với chị xách rổ ra vườn hái ít bông so đũa mang vào nấu canh chua. Theo trí nhớ của tôi, hồi đó thời tiết lạnh hơn bây giờ. Buổi sáng vừa mới bước chân ra khỏi cửa, những đợt gió bắc cứ lả lướt bay qua làm hai cánh tay lạnh ngắt và những đám cỏ xanh ngoài vườn vẫn còn ướt đẫm màu sương.

Ra vườn, nhiệm vụ của chị là lấy cây móc cho bông so đũa rớt xuống, còn tôi thì nhặt bông bỏ vào rổ. Lúc đó, tôi vạch từng bông để hút lấy những giọt nước bên trong, có lẽ những đứa trẻ ở quê ai cũng biết điều đó, chỉ cần bẻ phần đầu màu xanh phía trên là có thể tha hồ hút lấy những giọt nước ngọt lịm của bông. Cứ thế, tôi tự biến mình thành chú ong cần mẫn, chăm chỉ hút mật trong khu vườn hoa. Sau khi hái so đũa xong, chị em tôi mang vào nhà cho mẹ nấu canh chua với mấy con cá rô đồng. Giữa những ngày đông rét mướt, bếp lửa mẹ nhóm lên như làm vui đi cái lạnh se sắt

của tiết trời. Nhìn từng làn khói mỏng dập dờn bay lên, cùng mùi thức thơm của chảo cá rô kho tộ và tô canh chua bốc khói, thật ấm lòng biết bao!

Lại nhớ những đêm đông mờ mịt, bên chiếc đèn dầu leo lét, mẹ ngồi kết lại chiếc áo ấm cũ đã sứt nút để chị em tôi mặc cho đỡ lạnh vào những ngày đông. Nhớ cả những lần tôi nằm gọn trong vòng tay mẹ, để lắng nghe từng cơn gió lạnh xào xạc bên ngoài, tuy đôi tay mẹ có gầy gò nhưng đong đầy từng làn hơi ấm yêu thương!

Rồi ngày tháng ấy cũng trôi qua. Hình ảnh những mùa đông xưa đã lùi vào dĩ vãng, riêng chỉ có những kỷ niệm êm đềm bên mẹ vẫn còn vẹn nguyên và lớn dần theo năm tháng. Cho dù cuộc sống có bộn bề những âu lo, chuyện cơm áo có làm con người ta thay đổi, trong tôi vẫn còn sáng mãi một miền yêu thương bất tận. Dù có đi đến nơi đâu, tôi vẫn luôn mong về chốn bình yên, nơi đó có quê hương, có mẹ và có cả những ngày đông yêu dấu.

Ảnh hưởng



Nhà Trần là một trong những triều đại phát triển rực rỡ nhất của lịch sử phong kiến Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Đối với tôn giáo, có lẽ nhà Trần cũng tạo ra những dấu ấn và sự khác biệt mà chưa triều đại nào có được. Phải chăng cũng vì vậy mà triều Trần luôn luôn được coi là triều đại có sự phát triển rực rỡ của các tôn giáo, cho dù Phật giáo vẫn là tôn giáo được coi trọng và đề cao. Trên bình diện chung của những nhận thức và quan điểm về Nho - Phật, với mỗi tôn giáo các vị vua nhà Trần lại thể hiện một thái độ và một cách hành xử riêng. Dưới thời Trần, Phật giáo và Nho giáo đều có chỗ đứng của mình. Nếu Nho giáo là rường cột trong thể chế chính trị quốc gia thì Phật giáo là tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân Đại Việt bấy giờ.

Lấy tư tưởng Phật giáo làm phương tiện giải thoát, dụng Nho để phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho Tam giáo đồng hành, hòa hợp. Điều mà không một nước nào có thể làm được kể cả Trung Hoa. Sự đan xen giữa nhiều thành phần tư tưởng đó đã góp phần hình thành nên nhân sinh quan mang dấu ấn Đại Việt thời Trần.



Đời sống

của Phật giáo và Nho giáo trong chính sách nội trị thời Trần

Dương Thụy

1. ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO

Trong ba tôn giáo, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo thì Phật giáo là tôn giáo được nhà Trần đề cao và coi trọng trong xã hội. Thời bấy giờ số người mộ Phật rất đông, cả trong tầng lớp vua quan quý tộc cũng như giới bình dân trong xã hội. Và do vậy, Phật giáo đã đóng một vai trò quan trọng, có ảnh hưởng và tác động lên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó có chính sách nội trị thời kì này.

Xây dựng mô hình thân dân

Chính trị thời Trần là chế độ chính trị quân chủ quý tộc chuyên chế. Phật giáo được coi là quốc giáo và có ảnh hưởng quan trọng đến chính trị đất nước, mặc dù các nhà sư chỉ tham gia chính sự chứ không tham gia chính quyền. Họ góp ý kiến và làm một số công việc phụ giúp vua như thảo văn thư, tiếp sứ thần nước ngoài. Mặt khác, tăng sĩ đời Trần không trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp chính trị nhưng Phật giáo thực sự một yếu tố liên kết nhân tâm quan trọng. Tinh thần Phật giáo đã khiến cho các nhà chính trị đời Trần áp dụng những chính sách bình dị, thân dân và dân chủ. Vua có quyền lực tối

cao nhưng do ảnh hưởng tư tưởng bác ái, vị tha của Phật giáo nên luôn xem dân như con, chính quyền hoạt động theo nguyên tắc “*dân chi phụ mẫu*” và “*quốc dĩ dân vi bản*”, đội ngũ quan lại nêu gương đạo đức để cai trị dân, chăm lo cuộc sống nhân dân. Triều đình hiểu rõ sức mạnh của dân và dựa vào dân mà đánh giặc. Năm 1284, trước thế xâm lăng vũ bão của quân Nguyên, vua Nhân Tông đã triệu tập hội nghị Diên Hồng. Tới dự hội nghị không phải là các vương tôn công thần mà là các bô lão trong dân gian.

Tinh nhập thế của Phật giáo tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội

Thiền phái Trúc Lâm ra đời và phát triển dưới triều Trần. Đặc tính của Trúc Lâm là nhập thế, Đạo Phật phụng sự cho đời sống tâm linh cũng như đời sống xã hội. Quốc sư Viên Chứng đã nói rõ về những nguyên tắc hướng dẫn đời sống của một nhà chính trị Phật tử: “*Đã làm người phụng sự dân thì phải lấy cái muốn của dân làm muốn của mình, phải lấy ý dân làm ý mình, trong khi đó không xao nhãng việc tu học của bản thân*” [1]. Lời khuyên của Quốc sư Viên Chứng đối với vua Trần Thái Tông, khi vua bỏ ngôi lên núi



Trong sức mạnh của tinh thần đoàn kết mà quân dân nhà Trần có được, thực tiễn đã chứng minh và khẳng định có tư tưởng của Đạo Phật, mà các vị vua Trần đồng thời là những Phật tử, những Thiền sư, đã sống và điều hành đất nước bằng tinh thần Phật giáo.

xuất gia mà nhà vua đã ghi trong bài tựa sách *Thiên Tông chỉ nam* như sau: “Phàm đã là người làm vua, tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm lòng của thiên hạ làm tâm lòng của mình. Nay muôn dân muốn rước bệ hạ về thì bệ hạ sao có thể không về được? Duy có việc nghiên cứu nội điển, xin bệ hạ chớ sao lãng mà thôi” [2].

Lời khuyên này của Quốc sư Viên Chứng đã thể hiện sự nhập thế sâu sắc của Phật giáo trong đời sống xã hội. Có thể nói đây là một trong những thành công nổi bật của Trần Thái Tông nói riêng, cũng như các vị vua nhà Trần nói chung trong việc trị nước. Trần Thái Tông nói rằng: “*Nhà chính trị phải thực hiện Đạo Phật trong xã hội*”. Sau này, Trần Nhân Tông cũng đã lĩnh hội rất tốt tinh thần này của Trần Thái Tông và có nhiều chính sách nhằm phát huy tính nhập thế tích cực của Đạo Phật trong xã hội. Trần Nhân Tông đi khắp thôn quê phá trừ các dâm từ, khuyên dân thực hành thập thiện...

Tinh thần Từ bi - Hỷ xả của Phật giáo trong chính sách nội trị thời Trần

Trong sức mạnh của tinh thần đoàn kết mà quân dân nhà Trần có được, thực tiễn đã chứng minh và khẳng định có tư tưởng của Đạo Phật, mà các vị vua Trần đồng thời là những Phật tử những thiền sư, đã sống và điều hành đất nước bằng tinh thần Phật giáo. Nhờ vậy đã hội tụ được những tướng sĩ tài ba thao lược, biết đồng tâm đoàn kết. Tinh thần Từ bi - Hỷ xả của Đạo Phật đã là cơ sở cho sự đoàn kết nhân tâm, đoàn kết tôn giáo, được kết hợp với tinh thần nồng nàn yêu nước của dân tộc Việt Nam, rõ ràng không chỉ làm nên một bản lĩnh ý chí chiến đấu mà còn là nền tảng của chính sách ngoại giao mềm dẻo, đức độ, cao thượng tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

Ta hãy nhớ chuyện Hoàng Cự Đà không ăn được xoài và chuyện vua Thánh Tông đốt tài liệu xin hàng của các quan để thấy thái độ “*từ bi chính trị*” trong đối sách của các vua Trần. Vua Thái Tông

một hôm cho các quan hầu cận ăn xoài, Hoàng Cự Đà không được ăn. Đến khi quân Nguyên đến bên Đông, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ trốn đi. Đến Hoàng Giang gặp Hoàng Thái Tử đi thuyền ngược lên, Cự Đà tránh sang bờ sông bên kia, thế thuyền đi rất gấp, quan quân hô to hỏi quân Nguyên ở đâu? Cự Đà trả lời không biết, hãy hỏi bọn được ăn xoài ấy! Sau khi phá được giặc, Thái Tử xin trừng phạt Cự Đà để răn đe những kẻ làm tội bất trung. Vua nói: “Cự Đà tội đáng giết cả họ, song đời xưa có việc Dương Châu không được ăn thịt dê đến nỗi làm quân nước Trịnh bị thua. Việc Cự Đà là lỗi của ta, tha cho tội chết, cho đánh giặc để chuộc tội” [3].

Khi quân Nguyên đang mạnh, triều thần lăm lăm kẻ hai lòng có giấy tờ giao thiệp với giặc. Sau giặc thua chạy về Bắc, triều đình bắt được một tráp biểu hàng của các quan. Đình thần muốn lục ra để trị tội, nhưng Thượng Hoàng nghĩ rằng làm tội những kẻ tiểu nhân cũng vô ích, bèn sai đem đốt cả tráp đi, cho yên lòng mọi người [4]. Vua Nhân Tông đã sử dụng được tiềm năng của Phật giáo để phục vụ chính trị. Sự kiện xuất gia của vua, cũng như những năm hành đạo trong dân gian của vua, đã khiến dòng thiền Trúc Lâm trở thành tôn giáo mạnh hỗ trợ cho triều đại. Cũng chính Thượng hoàng Nhân Tông là người thực hiện chuyến thăm Chiêm Thành (năm 1301) nhằm mục đích giao hảo, tạo mối quan hệ hữu nghị và thể hiện thiện chí hòa bình với Chiêm Thành. Chuyến viếng thăm còn góp phần xiển dương Đạo Phật ở một đất nước vốn có truyền thống Phật giáo như Chiêm Thành, đồng thời mở rộng ảnh hưởng của tư tưởng Thiền xuống phía Nam [5].

Các vị vua sau này của nhà Trần cũng đều chịu ảnh hưởng một phần từ tư tưởng “từ bi hỉ xả” của Phật giáo trong chính sách nội trị. Những năm mất mùa, nhiều người bệnh tật, triều đình hay khuyến cáo những nhà giàu dâng thóc gạo. Triều đình còn sai người chế thuốc để phát cho người bệnh. Năm 1362, vua Minh Tông ngự ở phủ Thiên Trường, nhân dân ai đói và bệnh có thể đến đây để xin hai viên thuốc Hồng Ngọc Sương, hai tiền và hai thăng gạo. Anh Tông sau khi nhường ngôi cho Minh Tông cũng đã có ý định xuất gia để nối tiếp sự nghiệp của Nhân Tông, nhưng chưa thực hiện được thì đã mất. Một điều ghi nhận là những ông vua ấy muốn sử dụng tiềm lực Phật giáo để liên kết nhân tâm, nhưng không phải vì vậy mà giả danh Tăng sĩ, Phật tử. Họ



Sự tương đồng giữa Phật giáo và Nho giáo là đều bàn về nhân, về cái tâm,... đều mong muốn, tìm cách giúp con người vượt qua khó khăn đau khổ để có được cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, nhưng mỗi bên lại có thế mạnh riêng.

là những Phật tử chân chính và có ý nguyện phụng sự Đạo Phật cùng chung với việc phụng sự quốc gia và triều đại của họ [6].

2. ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO

Thuyết thiên mệnh của Nho giáo dưới thời Trần

Trong quan niệm của người Trung Hoa các đế vương dựng nên triều đại là do mệnh trời, những biến cố xảy ra trong tự nhiên cũng được Nho giáo giải thích là do số trời. Nho giáo được truyền vào Việt Nam đã có những tiếp biến văn hóa cho phù hợp với truyền thống người Việt, nhưng các thuyết cơ bản của Nho giáo dùng để củng cố vương quyền vẫn được các triều đại tiếp nhận. Nho giáo được dùng để quản lý và tạo ra một xã hội yên bình, có trật tự trên dưới rõ ràng. Thuyết thiên mệnh của Nho giáo với quan niệm vua là thiên tử, mọi quyết định của vua được xem như là những quyết định của trời. Trong xã hội phong kiến giai cấp cầm quyền sử dụng tư tưởng mệnh trời như vũ khí sắc bén để củng cố chế độ quân quyền. Nhà vua tự nhận mình là người lĩnh mệnh trời, là người “*thế thiên hành đạo*” là người chịu trách nhiệm trước trời. Nên tư tưởng mệnh trời được phát triển nước ta thời kì nhà Trần nhằm phục vụ cho việc xây dựng chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

Thuyết thiên mệnh Việt Nam do những tiếp biến văn hóa nên mệnh trời trong tư tưởng Việt Nam còn gắn liền với lòng dân. Dựa vào ý chí của nhân dân để có những quyết định đúng đắn điều này cho thấy những điểm mới tiến bộ trong chế độ quân chủ

trung ương tập quyền thời Trần lẫn xã hội đương thời. Đến thời Trần với sự phát triển của xã hội phong kiến, nhân dân cùng với các vua trải qua các cuộc kháng chiến chống các thế lực phong kiến phương Bắc xâm lược nước ta. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành được độc lập dân

tộc. Ông chú trọng đến việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc, thực hiện “*khoan thư sức dân*” để có thể vận động được quần chúng nhân dân tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến, tranh thủ sự ủng hộ, đồng lòng của nhân dân. “*Khoan thư sức dân*” là cái đức cần có của bậc đế vương và là thượng sách để giữ nền độc lập của đất nước. Trong bài “*Hịch tướng sĩ*”, Trần Quốc Tuấn cũng dựa theo những điều trên hợp với mệnh trời dưới hợp với lòng người để nhằm thu phục nhân tâm về một mối: “*Mới rồi Toa Đô và Ô Mã Nhi bốn mặt bị bao vây, nhưng vì vua tôi đồng lòng, anh em hòa nhục, cả nước giúp sức nên giặc đã bị bắt, đó là do trời xui nên vậy*” [7].

Thuyết chính danh của Nho giáo trong đường lối trị nước

Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội dạy về cách hành xử của một “*chính nhân quân tử*” trong xã hội. Nho giáo lấy việc tạo sự ổn định và phát triển làm trọng bằng cách sử dụng đường lối đức trị và lễ trị từ nhà Chu. Khổng Tử xây dựng nên học thuyết: “*Nhân - Lễ - Chính danh*”, “*Nhân*” tức là nội dung, “*Lễ*” là hình thức và “*Chính danh*” là con đường đạt đến điều nhân.

Thời Trần, dân không chỉ là thần mà còn là một lực lượng xã hội. Trong tình hình đất nước luôn bị âm mưu xâm lăng thì những vị vua quan đầu triều luôn dựa vào dân, tìm nguồn gốc sức mạnh trong nhân dân. Có thể thấy tiêu biểu trong đường lối nhân chính ở thời Trần là “*khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc*” của Trần Quốc Tuấn và Lê Văn Hưu có khẳng định: “*Trời sinh ra dân để đặt vua mà chấn dất chứ không phải để cung phụng riêng cho nhà vua*” [8]. Vì thế, những Nho sĩ thời Trần đã rất hăm hở thực hiện trách nhiệm: “*kỷ cương nhà vua hồng thì phải bổ sung, pháp luật nhà nước đổ thì phải nâng đỡ, đẩy hơi mạnh vào đầu ngọn bút, lưu lời văn lại cho đời sau, để dẹp tắt lòng tà của kẻ tiểu nhân, răn vua chúa đời sau chớ nên rông rỡ*” [9]. Trong thời Trần, việc tu thân, sửa đức của nhà vua và những vị quan đầu triều là để làm gương cho mọi người, tức danh phải chính, để từ đó xây dựng mối quan hệ cho toàn xã hội.

Ảnh hưởng của Nho học trong chính sách đào tạo và tuyển chọn quan lại

Mở mang Nho học để xây dựng nước nhà cường thịnh, đó chính là mục tiêu mà các vua nhà Trần đặt



Trong ba tôn giáo, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo thì Phật giáo là tôn giáo được nhà Trần đề cao và coi trọng trong xã hội.

ra. Trần Thái Tông tự tay viết bài Minh Ban cho các hoàng tử, dạy về *trung, hiếu, hoà, tón, ôn, lương, cung, kiệm*. Trần Thánh Tông cho hoàng đệ Trần Ích Tắc mở trường dạy Nho học. Ông cũng chính là người chỉ đạo và tham gia giám sát quá trình làm bộ sử đầu tiên của nước ta là bộ Đại Việt sử ký do Bảng nhãn Lê Văn Hưu chủ biên. Vua Nghệ Tông trước khi nhường ngôi cho em đã soạn 14 chương Hoàng huấn trao cho em để học tập, trau dồi việc trị nước.

Vua Trần Thái Tông lên ngôi năm 1225, đến năm 1227 đã cho mở khoa thi Thông Tam giáo đầu tiên, chọn những người thông tuệ cả Nho - Phật - Đạo để bổ làm quan. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi lại: “*Để động viên, khích lệ Tăng sĩ, các vương hầu bổ quan Tăng đạo gọi là Tả nhai, vì không để cho đứng vào hàng ngũ các quan trong triều nên gọi là Tả nhai. Đây cũng là phẩm cao nhất của Tăng đạo, không phải là người thông thạo tôn giáo của mình thì không được dự càn. Tháng 3 năm Giáp Thìn phong cho Phùng Tá Khang và cha là Phùng Tá Chu làm Tả nhai đạo lục, tước Tả lang*” [10]. Đến năm 1232 lại mở khoa thi Thái học sinh, xếp những người đỗ đầu từ nhất giáp đến tam giáp. Năm 1246 định lại phép thi, theo lệ cứ bảy năm thi một khoa, gọi là khoa thi Tiến sĩ, người đỗ đầu không chia nhất, nhị, tam giáp nữa mà chia lần lượt từ cao xuống thấp là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Năm Đinh Mùi 1247 thi Tiến sĩ. Để tạo điều kiện cho các sĩ tử ở xa kinh thành được thi thố tài năng và cũng để khuyến khích kẻ sĩ, vua Thái Tông còn cho lấy Trạng nguyên kinh và Trạng nguyên Trại. Riêng dưới thời Trần Thái Tông đã tổ chức sáu khoa thi, trong đó có hai khoa thi thông tam giáo. Năm 1304, thi kẻ sĩ trong nước, có tất cả 44 người đỗ Thái học sinh và lần đầu tiên, triều đã tôn vinh cả về mặt học vấn lẫn danh dự cho những thí sinh trúng tuyển bằng việc cho “*dẫn ba người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phụng Thành đi du ngoạn đường phố ba ngày*” [11].

Về trường học, ngoài các trường do nhà nước quản lý như: Quốc Tử viện, Quốc Học viện, Thái học, Nhất toát trai, Tư thiện đường..., còn có các trường dân lập, như trường của Trần Ích Tắc, trường của Chu Văn An. Các loại trường này ngày càng mở rộng và thu hút được nhiều đối tượng từ các nơi đến học. Năm 1236, nhà Trần đặt chức Thượng thư trị Quốc tử viện, đưa con em văn thân và tòng thân (chức quan tư pháp) vào học. Năm Quý Sửu 1253

cho lập Quốc Học viện, cho đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh để thờ, lại cho vẽ tranh Thất thập nhị hiền để phôi thờ và làm gương cho đời sau noi theo. Nhà Trần cũng cho mời các nho sinh đến Quốc Học viện giảng Tứ thư, Ngũ kinh... có rất nhiều học trò đến nghe. Lại cho lập Giảng võ đường để luyện tập võ nghệ. Do đó mà anh tài, hào kiệt nhà Trần nở rộ, vẫn có Lê Văn Hưu, Trạng Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Hàn Thuyên... võ có Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng, Trần Nhật Duật... Đến 1397, việc nhà vua xuống chiếu đặt học quan, tổ chức việc học tập ở cấp châu huyện để hàng năm tiến cử những người ưu tú cho triều đình đã phản ánh sự phát triển về quy mô đào tạo của nền giáo dục Nho học thời Trần.

Càng về cuối thời Trần, Nho giáo càng nâng cao vị thế của mình thông qua con đường học tập, khoa cử. Có thể thấy điều đó qua việc nhà Trần cho lập Quốc Học viện, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền để thờ, và còn “*xuống chiếu vời nho sĩ trong nước đến Quốc Tử viện giảng Tứ thư Ngũ kinh*” [12], hay việc vua Trần Thánh Tông “*xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm tư nghiệp Quốc Tử giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của Tứ thư Ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách*” [13] vào năm 1272. Đặc biệt, năm 1304, nhà Trần còn quy định nội dung thi Thái học sinh: “*Về phép thi: trước thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục thiên từ để loại bớt. Thử đến kinh nghi, kinh nghĩa, đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) hỏi về “vương độ khoan mãn”, theo luật “tài nan xạ trị”, về phú thì dùng thể 8 vần “để đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm. Kỳ thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ tư thi đối sách*” [14]. Có thể thấy, đến thời Trần, Nho học đã thực sự phát triển, chi phối giáo dục, khoa cử phong kiến, tạo nên đội ngũ trí thức Nho sĩ đông đảo, thúc đẩy sự phát triển của học vấn nước nhà, tạo ra nền văn hóa mang dấu ấn Nho giáo.

Kết luận

Nhà Trần đã kết hợp vận dụng tư tưởng Phật giáo và Nho giáo trong chính sách nội trị, xem Phật giáo và Nho giáo là công cụ để phục vụ đặc lực cho việc xây dựng và quản lý đất nước. Các vị vua thời Trần đã rút tía những gì tinh túy từ Nho giáo và Phật giáo để áp dụng cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước để xây dựng một quốc gia phong kiến cường

thịnh, có tác dụng đoàn kết toàn dân chống lại kẻ thù xâm lược, phát triển kinh tế văn hóa đất nước đem lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân. Tinh thần khai phóng đã góp phần mở ra khả năng kết hợp Nho giáo, Phật giáo và cả Lão giáo. Có thể nói, ở thời kỳ này, Nho, Phật và Lão giáo đã phát huy tính ưu việt của mình trong tinh thần quốc học - đạo học của Trần Thái Tông cùng với nét độc đáo trong tư tưởng của Nhị Tổ Trúc Lâm Yên Tử để tạo nên dân khí, hưng khí cho quốc gia Đại Việt thời Trần.

Sự tương đồng giữa Phật giáo và Nho giáo là điều bàn về nhân, về cái tâm, ... đều mong muốn, tìm cách giúp con người vượt qua khó khăn đau khổ để có được cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, nhưng mỗi bên lại có thể mạnh riêng. Nếu thuyết *từ bi, hỷ xả* của Đức Phật gần gũi với nhân dân, tạo nên đức tính hiền hòa trong nhân dân, góp phần xóa bỏ sự ngăn cách trong mối quan hệ của mọi người với nhau trong xã hội, thì thuyết *Chính danh định phận, Tam cương, Ngũ thường, thuyết Thiên mệnh* của Khổng Tử lại nhắc nhở mọi người không quên vị trí, bổn phận của mình trong quan hệ xã hội. *Chính danh, Đức trị, Dưỡng dân* đều là những chính sách có lợi cho giai cấp phong kiến trong việc xây dựng một chế độ phong kiến thông suốt từ trung ương đến địa phương. Đồng thời chính sách đó cũng đã đào tạo được một đội ngũ quan lại tài năng, trung quân ái quốc phò vua giúp nước như Mạc Đĩnh Chi, Trần Thời Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Nguyễn Trung Ngạn, ...

Phật giáo đã từng là quốc đạo của thời Lý và tiếp tục đóng vai trò hết sức thịnh trị trong buổi đầu của thời Trần. Song, theo sự tiến hóa của lịch sử đòi hỏi nhà Trần phải ra sức đẩy mạnh chế độ quân chủ trung ương tập quyền, phù hợp với thời đại và có lợi cho sự phát triển của vương triều. Cho nên các vua Trần vừa tôn vinh Phật giáo, vừa tạo điều kiện cho Nho giáo phát triển trên tinh thần dụng Nho làm đạo trị nước, lấy Phật làm phương tiện giải thoát, tạo nên sắc thái đặc biệt trong tư tưởng thời Trần. Bên cạnh những tư tưởng tiến bộ của Phật giáo, nhà Trần cũng đã vận dụng tư tưởng Nho giáo trong việc xây dựng, củng cố vương triều. Để xây dựng một xã hội bình yên, có tôn ti trật tự, củng cố chế độ quân chủ nhưng đồng thời cũng tạo được đức tin cho mọi người, nhà Trần đã không ngần ngại kết hợp cả Nho, Phật, Lão trong chính sách nội trị của mình. Cả ba tôn giáo trên tồn tại trong không khí hòa đồng viên dung.

Sự kết hợp mật thiết ấy đã tạo nên Tam giáo đồng nguyên, cùng với những tín ngưỡng dân gian của người Việt trên tinh thần viên dung hòa hợp, tất cả như hòa quyện vào nhau để tạo ra một nền văn hóa thể hiện tư duy tổng hợp cao. Lấy tư tưởng Phật giáo làm phương tiện giải thoát, dụng Nho để phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho Tam giáo đồng hành, hòa hợp. Điều mà không một nước nào có thể làm được kể cả Trung Hoa. Sự đan xen giữa nhiều thành phần tư tưởng đó đã góp phần hình thành nên nhân sinh quan mang dấu ấn Đại Việt thời Trần.

Chú thích:

- [1] Nguyễn Lang (1994), *Phật giáo Việt Nam sử luận tập I*, Nxb. Văn học, tr.223.
- [2] Nguyễn Lang, Sdd, tr.225.
- [3] Viện Khoa học xã hội (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư (bản kỷ, quyển I)*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.29.
- [4] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.71.
- [5] Trần Thuận (2014), *Tư tưởng thời Trần*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.161.
- [6] Nguyễn Lang, Sdd, tr.507.
- [7] Huỳnh Công Bá (2012), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, tr.160.
- [8] Huỳnh Công Bá (2012), Sdd, tr.171-172.
- [9] Huỳnh Công Bá (2012), Sdd, tr.171.
- [10] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.20.
- [11] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.88.
- [12] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.25.
- [13] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.39.
- [14] Viện Khoa học xã hội (1998), Sdd, tr.88.

Tài liệu tham khảo:

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa thông tin.
2. Huỳnh Công Bá (2011), *Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại*, Nxb. Thuận Hóa.
3. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Học thuyết chính trị Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (từ thế kỷ XI - nửa đầu thế kỷ XIX)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
4. Trương Văn Chung (2008), *Tư tưởng Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb. Chính trị quốc gia.
5. Trần Hồng Đức (2010), *Vương triều Lý - Trần với kinh đô Thăng Long*, Nxb. Chính trị quốc gia.
6. Trần Trọng Kim (2008), *Nho giáo*, Nxb. Văn hóa thông tin.
7. Vũ Khiêu (chủ biên) (1997), *Nho giáo và sự phát triển của Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Nguyễn Đăng Thục (1994), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam tập I*, Nxb. Khoa học xã hội.
10. Nguyễn Tài Thư (1997), *Nho giáo và Nho học ở Việt Nam, Viện triết học*, Trung tâm khoa học và nhân văn quốc gia.

Bếp Lửa Mùa Xuân



NGUYỄN CHÍ NGOAN

Mẹ ngồi bếp lửa thênh thang,
Nhìn mùa qua ngõ muộn màng tháng năm.
Cơm sôi khói bếp lặng thầm,
Chiều xuân vọng tiếng xa xăm gọi về...

Mùa hoa nở thắm triền đê,
Hương xuân ngào ngạt, cơn mê thuở nào.
Cánh chuồn thập thoáng bờ ao,
Em thơ áo mới xôn xao ngõ nhà.

Tôi về từ buổi đi xa,
Cúi cầu tạ lỗi thật thà với sông.
Cha còn mưa gió trên đồng,
Lung trần khuya sớm nặng lòng với xuân.

Nghe trong nỗi nhớ tung bưng,
Người quê thơm thảo chia cùng khó khăn.
Đường về hoa nắng băng khuâng,
Miền xuân chan chứa, trong ngần lời quê...



Nhớ Mùa Hoa Cải



TRẦN VĂN THÁI

Miền quê ký ức vọng về,
Cuối mùa chớm lạnh triền đê đầu làng.
Hoa cải nồng thắm rực vàng,
Đi xa chạnh nhớ, chứa chan ngọt bùi.

Ngày đi mẹ tiễn ngậm ngùi,
Lòng con trĩu nặng chưa nguôi năm nào.
Nhớ mùa hoa cải xuyên sao,
Vàng ươm trong nắng dạt dào tiễn đưa.

Nồng nàn hoa cải ngày xưa,
Luyện lưu màu nhớ nhật thừa tìm về.
Êm đềm dân dã vùng quê,
Đậm tình của đất vỗ về đầy vui.

Sắc hoa đồng nội hương trời,
Chất chiu vất vả, một thời mẹ gieo.
Nhớ thương hoa cải xóm nghèo,
Mùa hoa ngồng trở luôn theo bên mình.

Đẹp thay buổi sáng bình minh,
Màu vàng hoa nở lung linh giữa trời.
Trải qua năm tháng cuộc đời,
Riêng mùa hoa cải khó rời trong tôi.





Thương nhau mà sống

SC. Thích Nữ Diệu Hoa

*“Thường nhin nhân giận hờn giữ sạch
Gắng bồi vui phẩm cách kiên cường
Sống là phải biết yêu thương
Từ bi hỷ xả thơm đường đóa sen”.*

Trong cuộc sống, khi thấy ai đó mắc sai lầm, phạm lỗi dù to lớn hay còn con, chúng ta cũng nên bao dung, mở lòng hoan hỷ, chia tay nâng đỡ như thể chính mình đang đối diện phiền phức cần được giúp đỡ. Dùng bạo lực hay lời lẽ nặng nề để trách phạt, kết tội đều không phải cách hay giải quyết vấn đề. Từ ngàn xưa, không có sự tàn nhẫn, lường gạt, giả dối mà được việc, được lòng, được tin tưởng, được quý mến hay thành công. Chỉ có lòng nhân từ và đức độ mới cảm hoá lòng người và giải quyết mọi vấn đề trong êm đẹp.

*“Lắng tâm nguyện bỏ tham tà
Mỗi ngày gột rửa xấu xa trong lòng”.*

Trong mỗi người, kể từ khi trưởng thành, biết phân biệt đúng sai đều ít nhiều lắng nghe hoặc chứng kiến bao nhiêu chuyện xảy ra, gây phiền lòng nhau đến mệt mỏi. Nào là căng thẳng vì công việc, áp lực và khó khăn về kinh tế, dịch bệnh nguy hiểm đang rình rập, cuộc sống bế tắc. Ai cũng bảo vệ cái tôi của mình

mà không lắng nghe, không thông cảm, không tha thứ cho nhau. Vậy nên mới xảy ra những chuyện không mấy vui vẻ. Nếu biết đặt mình vào vị trí người khác, chắc chắn sẽ bớt đi những câu chuyện đau lòng, nhà tù không đông đúc phạm nhân, cuộc sống của những trẻ thơ sẽ không nhuộm màu bất hạnh và trong tâm tâm mỗi người cũng không có sóng cuộn bão bùng. Tuy là sự đòi nhưng người xuất gia cũng cần chiêm nghiệm để biết những nỗi đau khổ đó bắt nguồn từ đâu, thì mới giúp người tháo gỡ được. Hoặc để rút ra bài học kinh nghiệm sống cho riêng mình. Nếu ai may mắn được gặp Phật pháp từ nhỏ hay được xuất gia khi còn trẻ, chắc chắn sẽ không phạm những sai lầm như người chưa từng nghe kinh học pháp.

*“Buông hờn sẽ được thanh thoi
Trừ ngăn phần nộ đau rời khổ tan
Sống vui tự tại thanh nhàn
Tâm mà thanh tịnh lòng an mỗi giờ”.*

Nếu mỗi người ươm hạt giống từ bi, biết lắng nghe và nhường nhịn, biết yêu thương và hướng thiện, cảnh thanh bình sẽ hiện diện khắp muôn nơi. Đâu đâu cũng bình yên, thanh tịnh như chốn thiên môn vậy. Để làm được điều này, chúng ta cần phải học Phật, quy y Tam bảo. Học Phật, trước để hoàn thiện mình,



sau góp phần làm đẹp đời. Có một nghịch lý mà hầu như nhiều người vấp phải, đó là siêng năng nhìn lỗi người nhưng lại lười xét lỗi ta. Cần phải tránh lỗi làm này, không nên uơng mồm cho nhân xấu nảy nở, phải ngăn ngừa ngay từ khi nó chưa mọc chồi.

*“Thường tinh tấn mỗi giờ chánh niệm
Xét soi mình hạnh kiểm đôi trau
Gìn tâm tránh để nát nhàu
Vun bồi kiến thức cùng nhau tĩnh thiền”.*

Quy luật là ai rồi cũng đến ngày từ già cõi đời. Tất cả những vật chất, của cải tiền bạc không thể nào đem theo xuống nấm mồ khi qua thế giới bên kia. Chúng ta chỉ có thể mang theo danh dự, tai tiếng, tội lỗi và phước báu mà sanh thời đã tạo ra. Vậy bon chen, tranh đoạt làm gì để đau khổ phiền muộn cả một đời? Hà khắc, miệt thị, khinh rẻ, chà đạp nhau làm chi để tâm vấy bẩn, cho mồm ác đậm chồi? Sự thật ở đời, dù có bêu rêu, đặt điều nói xấu người khác thì cũng không làm ta tốt đẹp hơn. Có chăng chỉ tự làm tổn thương, tự hạ thấp mình trong những hành động thô lỗ và những lời dèm pha, đàm tiếu đó. Nên thay vì gây tổn thương nhau thì hãy thương yêu, cảm thông nhau để cuộc sống có ý nghĩa hơn. Nếu người ghét ta mà ta cũng ghét lại người, xã hội

sẽ toàn hận thù đau khổ, là nhân xấu cho hiện tại và cả vị lai. Hãy tập sống bao dung, tuy có người ghét mình nhưng mình đừng ghét họ. Ghét mình là việc của họ, không ghét họ đó là việc của mình. Việc ai nấy làm sẽ bớt phiền não. Đừng để ý lỗi người, hãy siêng năng kiểm lỗi mình, sửa mình thì bản thân được an vui và góp phần làm cho thế giới hoà bình, cuộc sống thêm an lành hạnh phúc.

*“Siêng gột rửa bụi dơ ở dạ
Tránh hờn ganh hỷ xả nhân từ
Cửa thiền tĩnh lặng chân như
Quảng đi sâu muộn mọt như báy lâu”.*

Trong những giới cấm của Phật chế có quy định không nói dối, không nói lời thô ác, không nói lưỡi đôi chiều. Đó là nét đạo đức không thể thiếu của mỗi người. Người xuất gia càng phải giữ giới này như trong con mắt vậy. Lời nói tuy không phải là lưỡi kiếm bén nhọn, không phải là dao rựa cửa da nhưng có thể làm tan nát trái tim, hủy hoại cả thanh danh và tương lai một ai đó, có thể đẩy người ta đến đường cùng cũng chỉ vì lời nói phát ra từ tâm bất thiện. Nếu chúng ta dùng ái ngữ, không làm tổn thương người, chắc chắn sẽ giúp người từ vực thẳm lên khỏi hố sâu ngay lập tức. Cũng một câu nói nhưng có thể từ bạn thành thù, từ yêu thành hận, từ giận thành thương và cũng có thể từ bất mãn thành năng động, từ tuyệt vọng thành lạc quan. Tất cả chỉ nằm gọn trong một chữ thương.

*“Theo Bồ tát từ bi chí hạnh
Ủ tánh chân xa lánh mưu tà
Đã vào cửa Phật xuất gia
Sớm hôm chánh niệm sa đà phải kiêng”.*

Khi một trận cuồng phong hay sóng thần đi qua, chỉ còn lại những đống nát hoang tàn. Hoặc một trận đại dịch nguy hiểm như COVID-19 đã cướp đi hàng triệu sinh mạng khắp toàn cầu, nỗi tang thương mất mát không thể đong đếm bằng lời. Những lúc hoạn nạn như vậy, chỉ tình thương giữa người và người mới là thứ tuyệt vời nhất trên đời. Thiên tai, dịch bệnh rồi sẽ qua đi, kể cả thời gian, tuổi trẻ, nỗi khổ niềm đau cũng vậy. Chỉ có những gì chúng ta đã làm cho nhau để vượt qua khó khăn nghịch cảnh bằng tình thương mới tồn tại mãi mãi. Vậy nên, hãy thanh lọc tâm hồn bằng những hạt giống yêu thương, gieo hạt mầm tử tế vào đời và hãy thương nhau mà sống.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đán, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG



Luận về nguyên hình Bạch Cốt Tinh từ điểm nhìn lịch sử văn học tôn giáo Trung Hoa

Nguyễn Thanh Lộc

Dẫn nhập

Những ai tiếp xúc với bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân hay chỉ ít chi là chạm đến với tác phẩm điện ảnh cùng tên do đạo diễn Dương Khiết cải biên từ nguyên bản sẽ khó có thể quên được hình tượng yêu nữ *Bạch cốt phu nhân* hay gọi quen là *Bạch Cốt Tinh*. Đây không chỉ là một trong những nhân vật phụ có sức hút trong truyện ngoài phim mà còn là một mấu chốt quan trọng trong việc luận giải các vấn đề triết học - tôn giáo học thuộc nội - ngoại biên địa *Tây Du Ký*. Mặc dù là một trong những hình tượng có sức ảnh hưởng đối với người tiếp nhận. Tuy nhiên, việc tìm hiểu một cách tường minh, căn nguyên hình thành nên nhân vật *Bạch Cốt Tinh* đến nay vẫn chưa được hệ thống hóa và làm rõ một cách chuẩn xác. Theo những tư liệu có được mà chúng tôi nghiên cứu thì các luận đề nhận xét về *Bạch Cốt Tinh* chỉ mới làm nổi bật lên được một khía cạnh nhất định liên quan đến ý nghĩa biểu tượng của nhân vật này. Các luận điểm truy nguyên và phiếm đàm về *Bạch Cốt Tinh* chỉ dừng lại ở việc phân tích đơn thuần trong không gian của một tác phẩm văn học mà cụ thể là *Tây Du Ký*. Cho nên trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp tổng hợp cùng với phương pháp phiên dịch các nguồn tư liệu chính thống của Trung Quốc, nhằm làm rõ nguyên hình, hình tượng của nhân vật *Bạch Cốt Tinh* cũng như giới thiệu với độc giả một cách khái lược các ý niệm triết học được truyền tải từ nhân vật này, ngõ hầu mở rộng thêm một cái nhìn mới về một dữ kiện đã được văn học hóa trở thành biểu tượng văn hóa tôn giáo của Trung Hoa.

1. NGUYÊN LAI HÌNH TƯỢNG BẠCH CỐT TINH TRONG VĂN HÓA - VĂN HỌC CỔ ĐIỂN

Bạch Cốt Tinh 白骨精 hay còn gọi là *Bạch cốt phu nhân* 白骨夫人 theo nguyên tác *Tây Du Ký* có nghĩa là *Yêu quái xương trắng* hay *Người đàn bà xương trắng*. Bạch Cốt Tinh xuất hiện trong hồi thứ 27: “*Thi ma tam hí Đường Tam Tạng, Thánh Tăng hận逐美猴王*” (屍魔三戲唐三藏/ 聖僧恨逐美猴王 - Thầy ma ba lượt trêu Tam Tạng, Thánh



Tăng giận đuổi Mỹ Hầu Vương). *Bạch Cốt Tinh* là yêu quái ở động Bạch Hồ đã ba lần biến hóa để lừa bắt Đường Tăng cùng với đó là ba lần bị Tôn Ngộ Không đánh chết. Lần đầu tiên, *Bạch Cốt Tinh* biến thân thành một mỹ nữ đến đưa cơm hầu quyến rũ Đường Tăng cùng hai đồ đệ nhưng bị Ngộ Không kịp thời về từ phương Nam đập chết. Vì cả giận Hầu Vương giết người nên Tam Tạng liền niệm kim cô chú lên y, khiến y quằn quại xin tha mạng. Cũng nhân nể tình Ngộ Không hối lỗi nên Huyền Trang bèn tha bổng cho y. Lần thứ hai, *Bạch Cốt Tinh* lại hóa thân thành một cụ bà đi tìm con gái nhằm tạo sự chia rẽ nội bộ thầy trò. Bị Ngộ Không nhận ra và giết chết, *Bạch Cốt Tinh* lại hóa thành một làn khói ma bay về hang động chờ cơ hội. Đường Tăng lúc này phần nộ vô cùng, lại niệm chú khẩn thiết, định đuổi y đi nhưng vì nghiệm lại lời hứa với Quan Âm Bồ Tát nên đành để Hầu Tử ở lại. Đến lần thứ ba, *Bạch Cốt Tinh* lại hóa thành một ông cụ, tay lần tràng hạt, niệm nam mô kinh, ngồi chờ vợ con. Lần này Tôn Ngộ Không gọi Sơn Thần, Thổ Địa đến rồi vung gậy đánh chết yêu tinh, linh quang bị Sơn Thần Thổ Địa

giữ chặt không thoát được nữa. Vì hiềm Ngộ Không giết chết ba mạng người, lại thêm lời gièm pha của Trư Bát Giới nên Đường Tăng kiên quyết đuổi Ngộ Không đi, kết hội Hầu Vương bay về núi Hoa Quả Sơn, bái biệt thầy trò, chuyện dừng lại ở đó.

Để luận về nguyên hình *Bạch Cốt Tinh*, trước hết hãy luận về nơi mà loài yêu quái này cư ngụ. Theo nguyên tác, *Bạch Cốt Tinh* ngụ ở núi *Bạch Hồ*, khi hóa thân thành cô thôn nữ đến dẫn dụ Đường Tăng, yêu quái cho hay: “*Chốn này là núi Bạch Hồ, nhà tôi ở phía Tây, cha mẹ tôi tụng kinh làm phước.*” (師父，此山叫做蛇回獸怕的白虎嶺。正西下面是我家。我父母在堂，看經好善，廣齋方上遠近僧人。 - *Sư phụ, thử sơn khiêu tổ xà hội thú phạ đích Bạch Hồ linh. Chính tây hạ diện thị ngã gia. Ngã phụ mẫu tại đường, khán kinh hảo thiện, quảng trai phương thượng viễn cận tăng nhân*) *Bạch Hồ* vốn dĩ không phải là một kì danh kì sơn trong Phật giáo. Kì thực, *Bạch Hồ* nguyên là một linh thú được các vị tiên nhân trong đạo giáo chuyên cưỡi. Theo sách *Đạo pháp nguyên hội* 《道法元會》 có viết:

白虎凶星大神丁文仲。黑發，天丁冠，白面怒容，皂綽袍，白汗袴，皂履，騎白虎，右手執鐵槌，左手執鑽。金虎大神紫黑三日，散豎赤金髮，緋衣，左國印，右執金戟，騎白虎，有萬萬雷神列陣，屯駐黑云中，轟雷掣電，殺氣騰空。天靈陰上大將軍吳鬱壘。面白，福貌，綠衣，金甲，兜鑿，執斧，乘白虎。

Phiên âm:

Bạch Hồ Hung Tinh Đại Thần Đinh Văn Trọng. Hắc phát, thiên đĩnh quan, bạch diện nộ dung, tạo xước bào, bạch hãn khổ, tạo lý, kỵ Bạch Hồ, hữu thủ chấp thiết chùy, tả thủ chấp toản. Kim Hồ Đại Thần tử hắc tam mục, tán thụ xích kim phát, phi y, tả quốc ấn, hữu chấp kim kích, kỵ Bạch Hồ, hữu vạn vạn lôi thần liệt trận, truân trú hắc vân trung, oanh lôi xiết điện, sát khí đằng không. Thiên Linh Âm Thượng Đại Tướng Quân Ngô Uất Lũy. Diện bạch, phúc mạo, lục y, kim giáp, đầu giám, chấp phủ, thừa Bạch Hồ.

Dịch nghĩa:

Bạch Hồ Hung Tinh Đại Thần Đinh Văn Trọng, tóc đen, đội mũ Thiên Đĩnh, mặt trắng tỏ vẻ hung giận, mang túi Tạo Xước, mang quần Bạch Hãn, mang giày đen, cưỡi Bạch Hồ, tay phải cầm chùy sắt, tay trái cầm khoan. Kim Hồ Đại Thần ba mắt đen tím, tóc dựng đứng màu vàng đỏ, áo xanh, tay trái cầm quốc ấn, tay phải cầm kích, cưỡi Bạch Hồ, có muôn vạn thần sấm bày hàng theo sau, trốn trong lớp mây đen, gõ sấm rền vang kích điện đùng đoàng, sát khí đằng đằng. Thiên Linh Âm Thượng Đại Tướng Quân Ngô Uất Lũy. Mặt trắng, hình tướng phúc hậu, mang áo xanh lục, giáp vàng, đội đầu mâu, cầm rìu, cưỡi Bạch Hồ [1].

Hay như theo cuốn *Đăng chân ẩn quyết* 《登真隱訣》 có viết: “*Thái Nguyên Chân Nhân thừa Bạch Hồ dư, hữu bát sắc vân bình*” (太元真人乘白虎輿, 有八色云駟。- Thái Nguyên Chân Nhân cưỡi xe Bạch Hồ, có kiệu màn che bằng mây tám màu) [2]. Như vậy, có thể thấy Bạch Hồ là một dạng linh thú trong truyền thuyết được các vị thần tiên chuyên dụng để vân du thủy ngoạn. Cũng theo các sách trên, Bạch Hồ được các bậc thần nhân cưỡi dùng đều được thuần hóa từ các chủng Bạch Hồ trên núi Bạch Hồ. Lúc sống, Bạch Hồ là công cụ đắc lực được các tiên nhân chăm sóc sử dụng nhưng đến khi mất đi thì thi thể của chúng được an táng ngay trên đất tổ nơi mà Bạch Hồ được thuần hóa. Trải

qua thời gian lâu dài, thịt da máu xương của những loại Bạch Hồ đã chết ở đây bị phân hủy, biến dạng, song, vì được sự gia trì và chú nguyện từ thần tiên mà kinh qua ngàn năm vẫn không thể hóa hết. Do đó, theo nghiên cứu của những nhà đạo học, Bạch Hồ có khả năng đã hóa tinh và *Bạch Cốt Tinh* chính là một trong những hóa thân do Bạch Hồ biến hiện mà thành. Ngoài ra, hình tượng *Bạch Cốt Tinh* có khả năng sử dụng *thần thức* 神識 để có thể tự do thoát ra đi vào thân xác phạm nhân cũng là một loại phương thức tu hành trong đạo giáo. Phương thức này được gọi là *Thi giải* 屍解. Theo nghiên cứu của Bằng Nhĩ Thường 馮汝常, việc *Bạch Cốt Tinh* có thể sử dụng thần thức để biến giả dạng thành xác chết, gián tiếp tạo nên sự ly gián trong quan hệ giữa Đường Tam Tạng và Ngộ Không là một trong những đặc trưng thuật pháp quan trọng của đạo giáo thần tiên, tương tự như thuật pháp *Thi giải* 解屍 mà Hồng Hải Nhi từng sử dụng [3, Tr.121]. Cũng theo tác giả *Tuân Ba* 荀波 trong *Đạo giáo dữ thần ma tiểu thuyết* 道教與神魔小說 cũng có đề cập một vấn đề khá đặc sắc rằng: năng lực và bản lĩnh của các loại yêu ma và thần Phật trong các tiểu thuyết thần ma trên thực tế đều là những biến hiện và miêu tả văn học từ những thuật pháp có trong đạo giáo. Các loại thần thông biến hiện của các nhân vật trong tiểu thuyết đều có thể được tìm thấy trong kinh điển của đạo gia [4, Tr.248]. Theo sách *Vô thượng mật yếu* 《無上秘要》 quyển thứ 87, *phẩm Thi giải* 〈尸解品〉 có chép: “*Thi giải giả, hình chi hóa dã, bản chân chi luyện thúế dã, khu chất chi độn biến dã*” (尸解者, 形之化也, 本真之練蛻也, 軀質之遁變也。- Thi giải là sự biến hóa về mặt hình tướng, là việc tu luyện thoát xác khỏi bản chân, là sự biến hình của thân xác thông thường) [5]. Như vậy, từ những cơ sở nói trên cũng như những đặc tính về nhân vật *Bạch Cốt Tinh*, có thể tạm kết luận rằng đây là hình tượng có nguồn gốc từ trong Đạo gia và được các tác giả văn học hóa dụng trở thành một nhân vật kinh điển hoặc một biểu tượng điển hình trong các tác phẩm của họ.

Thực tế, thuật ngữ *Bạch Cốt Tinh* trong dòng chảy lịch sử văn học Trung Hoa còn được sử dụng để chỉ việc phục sinh hoặc hồi dương, nhưng trong hình hài trào phúng, dị hợm, mang tính kì quái và liêu trai. Trong *Mẫu đơn đình* 牡丹亭 của kịch tác giả Thang Hiển Tổ, có chi tiết Đỗ Lệ Nương sau khi mất ba năm được Liễu Mộng Mai quật mồ phá quan, lại trở



Nguồn: qi yuan.chaziwang.com

về sống đời sống như xưa, hai người kết hợp đoàn viên cùng nhau thành đôi phu thê. *Mẫu đơn đình đề từ* 牡丹亭記題詞 có chép:

仿佛晉武都守李仲文、廣州守馮孝將兒女事，至於杜守收考柳生，亦如漢睢陽王收考談生也。

Phiên âm:

Phảng phất Tân Vũ Đô Thủ Lý Trọng Văn, Quảng Châu Thủ Phùng Hiếu Tương nhi nữ sự, Chí ư Đỗ Thủ thu khảo liễu sinh, diệc như Hán Tuy Dương Vương thu khảo Đàm Sinh dã.

Dịch nghĩa:

Phảng phất như chuyện của Tân Vũ Đô Thủ Lý Trọng Văn, chuyện con gái của tướng Bàng Hiếu là Thái thú ở Quảng Châu, Thậm chí chuyện Đỗ Thái thú khảo hạch Liễu sinh, cũng như Tuy Dương Vương đời Hán tra khảo Đàm Sinh vậy [6].

Theo *Sưu thần hậu kí* 《搜神後記》 quyển bốn: 晉時，武都太守李仲文在都喪女，年十八，權假葬郡城北。有張世之代為郡。世之男字子長，年二十，侍從在廡中，夜夢一女，年可十七八，顏色不常，自言：“前府君女，不幸早亡。會今當更生。心相愛樂，故來相就。”如此五六夕。忽然晝見，衣服薰春殊絕，遂為夫妻，寢息衣皆有污，如處女焉。後仲文遣婢視女墓，因過世之婦相聞。入廡中，見此女一只履在子長床下。取之啼泣，呼言發冢。持履歸，以示仲文。仲文驚愕，遣問世之：“君兒可由得亡女履耶？”世之呼問，兒具道本末。李、張並謂可怪。發棺視之，女體已生肉，姿顏如故，右腳有履，左腳無也。自爾之後遂死，肉爛不得生矣。

Phiên âm:

Tân thời, Võ Đô Thái thú Lý Trọng Văn tại đô táng nữ, niên thập bát, quyền giả táng quận thành bắc.

Hữu Trương Thế Chi đại vi quận. Thế Chi nam tự Tử Trường, niên nhị thập, thị thung tại cứu trung, dạ mộng nhất nữ, niên khả thập thất bát, nhan sắc bất thường, tự ngôn: “tiền phủ quân nữ, bất hạnh tảo vong. Hội kim đương canh sinh. Tâm tương ái nhạc, cố lai tương tự. “Như thử ngũ lục tịch. Hốt nhiên trú kiến, y phục huân xuân thù tuyết, toại vy phu thể, tâm tức y giai hữu ô, như xử nữ yên. Hậu trọng văn khiển tỳ thị nữ mộ, nhân quá Thế Chi phụ tương văn. Nhập cứu trung, kiến thử nữ nhất chỉ lý tại tử trường sàng hạ. Thủ chi đề khắp, hô ngôn phát trùng. Trì lý quy, dĩ kỳ trọng văn. Trọng văn kinh ngạc, khiển vấn Thế Chi: “Quân nhi khả do đắc vong nữ lý gia? “Thế Chi hô vấn, nhi cụ đạo bản mặt. Lý, Trương tịnh vị khả quái. Phát quan thị chi, nữ thể dĩ sinh nhục, tư nhan như cố, hữu cước hữu lý, tá cước vô dã. Tự nhĩ chi hậu toại tử, nhục lạn bất đắc sinh hỹ.

Dịch nghĩa:

Vào thời Tấn, ở đô Vũ, Thái thú Lý Trọng Văn chôn con gái, tuổi vừa 18, tạm an táng ở phía Bắc thành. Có Trương Thế Chi đến thay ông làm quận chủ. Con trai của Thế Chi tự là Tử Trường, tuổi đã 20, coi nom trong chuồng ngựa, nửa đêm mơ thấy một người con gái, tuổi chừng 17, 18, dung mạo bất thường, nói rằng: “*Thiếp là con gái của quan phủ trước, chẳng may mất sớm, nhưng nay được tái sinh, trong lòng mừng vui cho nên tới đây để cùng chàng tề tựu*”. Cứ như thế 5, 6 đêm liền. Đột nhiên ban ngày thấy người con gái đó trang phục đẹp để kì tuyệt, bèn kết duyên chồng vợ, tuy nhiên, khi giao hoan quần áo của người con gái ấy tỏa ra mùi hôi cực kì ô tạp, như mùi tiết ra từ âm đạo. Về sau Trọng Văn sai người ti nữ đến mộ con gái, nhân đó tạt qua nhà vợ của Thế Chi hỏi thăm. Khi bước vào chuồng ngựa, cô thấy có một chiếc hài của người đàn bà ở dưới giường Tử Trường. Bèn cầm lên khóc nức nở, cho rằng Trương quật mồ trộm mộ. Sau đó mang giày trở về đưa cho Trọng Văn xem. Trọng Văn kinh ngạc, sai người hỏi Thế Chi: “*Con của người sao lại có giày của con gái đã mất của ta?*” Thế Chi đi hỏi, người con kể rõ hết đầu đuôi. Tử Trường đều cho là quái lạ. Mới quật mồ lên xem thì thấy thân thể người con gái đã mọc ra thịt da, nhan sắc như xưa, chân phải có một chiếc hài còn chân trái thì không. Sau chuyện đó thì người con gái đó chết hẳn, da thịt băng ôi không tái sinh được nữa.

Cũng theo *Sưu thần hậu kí*, truyện về con gái của Bằng Hiếu cũng có nét tương tự.

Nguyên văn:

晉時，東平馮孝將為廣州太守。兒名馬子，年二十餘，獨臥廄中。夜夢見一女子，年十八九，言：「我是前太守北海徐玄方女，不幸蚤亡。亡來今已四年，為鬼所枉殺。案生錄，當八十餘。聽我更生，要當有依憑，乃得生活，又應為君妻。能從所委，見救活不？」馬子答曰：「可爾。」乃與馬子剋期，當出。至期日，牀前地頭髮，正與地平，令人掃去，則愈分明。始悟是所夢見者。遂屏除左右，人便漸漸額出，次頭面出，又次肩項形體頓出。馬子便令坐對榻上，陳說語言，奇妙非常。遂與馬子寢息。每誡云：「我尚虛，君當自節。」問：「何時得出？」答曰：「出，當得本命生日，尚未至。」遂往廄中。言語聲音，人皆聞之。女計生日至，乃具教馬子出己養之方法；語畢，辭去。馬子從其言，至日，以丹雄雞一隻，黍飯一盤，清酒一升，醊其喪前。去廄十餘步，祭訖，掘棺出；開視，女身體貌全如故。徐徐抱出，著氈帳中，唯心下微暖，口有氣息。令婢四人守養護之，常以青羊乳汁瀝其兩眼，漸漸能開；口能咽粥，既而能語。二百日中，持杖起行，一期之後，顏色、肌膚、氣力，悉復如常，乃遣報徐氏。上下盡來，選吉日，下禮，聘為夫婦。生二兒一女。長男，字元慶，永嘉初，為秘書郎中；小男，字敬度，作太傅掾；女，適濟南劉子彥，徵士延世之孫云。

Phiên âm:

Tấn thời, Đông Bình Bằng Hiếu tương vi Quảng Châu Thái thú. Nhi danh Mã Tử, niên nhị thập dư, độc ngoạ cứu trung. Dạ mộng kiến nhất nữ tử, niên thập thất cửu, ngôn: “Ngã thị tiền thái thú bắc hải từ huyền phương nữ, bất hạnh tảo vong. Vong lai kim dĩ tứ niên, vy quý sở uống sát. Án sinh lục, đương bát thập dư. Thỉnh ngã canh sinh, yếu đương hữu y bằng, nãi đắc sinh hoạt, hựu ung vy quân thể. Năng thung sở uỷ, kiến cứu hoạt bất?” Mã Tử đáp viết: “Khả nhĩ.” Nãi dĩ Mã Tử khắc kỳ, đương xuất. Chí kỳ nhật, sàng tiền địa đầu phát, chính dữ địa bình, linh nhân tảo khứ, tắc dĩ phân minh. Thủy ngộ thị sở mộng kiến giá. Toại bình trừ tả hữu, nhân tiện tiệm tiệm gạch xuất, thử đầu diện xuất, hựu thử kiên hạng hình thể đón xuất. Mã Tử tiện linh toạ đối tháp thượng, trần thuyết ngữ ngôn, kỳ diệu phi thường. Toại dĩ Mã Tử tâm tức. Mỗi giới vấn: “Ngã thượng hư, quân đương tự tiết.” Vấn: “Hà thì đắc

xuất?” Đáp viết: “Xuất, đương đắc bản mệnh sinh nhật, thượng vị chí.” Toại vãng cứu trung. Ngôn ngữ thanh âm, nhân giai văn chí. Nữ kế sinh nhật chí, nãi cụ giáo Mã Tử xuất kỳ dưỡng chi phương pháp; ngữ tất, từ khứ. Mã Tử tòng kỳ ngôn, chí nhật, dĩ đan hùng kê nhất chích, thử phạn nhất bàn, thanh tửu nhất thăng, chuyết kỳ táng tiền. Khứ cứu thập dư bộ, tế cật, quật quan xuất; khai thị, nữ thân thể mạo toàn như cố. Từ từ bão xuất, trước chiên trưởng trung, duy tâm hạ vi noãn, khẩu hữu khí tức. Linh tỳ tứ nhân thủ dưỡng hộ chi, thường dĩ thanh dương nữ hiệp lịch kỳ lưỡng nhân, tiệm tiệm năng khai; khẩu năng yết chúc, ký nhi năng ngữ. Nhị bách nhật trung, trì trọng khởi hành, nhất kỳ chi hậu, nhan sắc, cơ phu, khí lực, tất phục như thường, nãi khiển báo từ thị. Thượng hạ tận lai, tuyển cát nhật, hạ lễ, sinh vi phu phụ. Sinh nhị nhi nhất nữ. Trưởng nam, tự Nguyên Khánh, Vĩnh Gia sơ, vi Bí thư lang trung; tiểu nam, tự Kính Độ, tác Thái phó duyên; nữ, thích Tế Nam Lưu Tử Ngạn, chinh sĩ duyên thế chi tôn vãn.

Dịch nghĩa:

Vào thời Tấn, ở Đông Bình có Bằng Hiếu sắp làm Thái thú ở Quảng Châu. Con trai tên là Mã Tử, tuổi đã hơn 20, một mình nằm trong chuồng ngựa. Nửa đêm mộng thấy một người con gái, tuổi chừng 18, 19, nói rằng: “Ta là Từ Phương Huyền sống ở Bắc Hải là con gái của vị Thái thú trước, không may chết sớm. Từ khi chết đến nay đã 40 năm, bị quỷ bắt oan. Căn cứ vào số Sinh, ta phải sống đến hơn 80 tuổi. Nếu muốn ta sống lại, phải tìm nương tựa người, mới có thể sống lại được, lại cùng người làm vợ chồng. Người có thể trở thành chỗ dựa, cứu sống ta được không?” Mã Tử đáp rằng: “Được vậy”. Bèn cùng với Mã Tử cùng hẹn ước, nói xong rồi rời đi. Đến ngày hẹn, trước giường thấy một nắm tóc, nằm ngay ngắn trên mặt đất, mới sai người quét đi, nhưng càng quét càng sáng rõ. Chợt nhớ lại giấc mộng ngày trước, kêu gia nhân xung quanh ra khỏi phòng, người dần dần lui hết, kể đến một cái đầu dần lộ ra, sau đó phần vai rồi các bộ phận thân thể dần dần hiện ra. Mã Tử liền nói người con gái đó ngồi đối diện trên chiếc giường, người con gái đó nói rõ mọi lời, dung nhan kì diệu phi thường. Rồi sau mới cùng Mã Tử nghỉ ngơi. Lại dặn Mã Tử rằng: “Ta vẫn còn là người từ hư vô, chàng nên tự biết tiết yếu”. Mã Tử hỏi rằng: “Khi nào mới thoát ra khỏi (địa ngục).” Đáp rằng: “Sẽ ra thôi, chỉ là phải đến

ngày sinh thân, hiện tại vẫn chưa đến kì”. Bèn đi đến chuồng ngựa. Lời nói của hai người, người nhà đều nghe hết thảy. Người con gái dự trừ hết những việc khi ngày sinh thân đến, bèn dặn dò cho Mã Tử hết phương pháp dưỡng thân, nói xong liền rời đi. Mã Tử theo lời, đến ngày, lấy một con gà trống, nấu một mâm cơm, một thăng rượu ngọt, lấy rượu rưới xuống trước mộ. Đi đến chuồng ngựa chừng hơn 10 bước, tế xong, bèn quật mồ lên, mở ra thì thấy người con gái thân thể vẫn như xưa. Y mới từ từ ôm ra, an trí trong màn the, lúc này tâm khí có vẻ ấm lên, miệng đã toát hơi thở. Lại sai người tỉ nữ bốn người trông nom chăm sóc, thường lấy sữa dê xanh nhỏ vào hai mắt của nàng ta, dần dần có thể mở ra; miệng có thể húp cháo, lại có thể nói năng. Trong hai trăm ngày, đã có thể cầm gậy bước đi, sau một thời gian, nhan sắc, cơ thịt, khí lực, tất cả đều phục hồi như thường, lại sai người báo họ Từ. Trên dưới đều đến, chọn ngày lành, hạ lễ, gả làm vợ chồng. Sinh được hai con trai một con gái. Người trưởng nam, tự là Nguyên Khánh, đầu năm Vĩnh Gia, là Bí thư lang trung; người con trai nhỏ, tự là Kính Độ, làm quan Thái Phụ; người con gái, gả đến Lưu Tử Ngạn ở Tế Nam, con cháu làm chinh khách nối đời này sang đời khác [7].

Lại theo *Liệt dị truyện* 《列異傳》 chép rằng: 漢談生，四十無婦，夜半讀書，有女子來就生為夫婦，約三年中不能用火照。後生一子，已二歲，生夜伺其寢，以燭照之，腰上已生肉，腰下但有枯骨。婦覺，以一珠袍與生，並裂取生衣裾而去。後生持袍詣市，睢陽王家買之。王識女袍，以生為盜墓賊，乃收拷生。生以實對。王視女冢如故。發現之，得談生衣裾。又視生兒正如王女，乃認談生為婿。

Phiên âm:

Hán Đàm Sinh, tứ thập vô phụ, dạ bán độc thư, hữu nữ tử lai tựu sinh vy phu phụ, ước tam niên trung bất năng dụng hỏa chiếu. Hậu sinh nhất tử, dĩ nhị tuế, sinh dạ tứ kỳ tâm, dĩ chúc chiếu chi, yêu thượng dĩ sinh nhục, yêu hạ đãn hữu khô cốt. Phụ giác, dĩ nhất châu bào dư sinh, tịnh liệt thủ sinh y cứ nhi khứ. Hậu sinh trì bào nghệ thị, tuy dương vương gia mãi chi. Vương thức nữ bào, dĩ sinh vy đạo mộ tặc, nãi thu khảo sinh. Sinh dĩ thực đối. Vương thị nữ trung như cố. Phát hiện chi, đắc Đàm sinh y cứ. Hựu thị sinh nhi chính như vương nữ, nãi nhận đàm sinh vi tế.

Dịch nghĩa:

Hán Đàm Sinh, bốn mươi mà không có vợ, nửa đêm đọc sách, có người con gái tới nguyện làm vợ y, giao hẹn rằng trong ba năm không được dùng lửa chiếu sáng, sau đó sinh ra một người con trai, đã hai tuổi, nửa đêm Sinh rình họ ngủ, lấy đèn chiếu vào họ thì thấy phần trên eo có da có thịt nhưng phần dưới eo người đàn bà nọ chỉ là một bộ xương khô. Người đàn bà tỉnh giấc, lấy một túi ngọc giao cho Sinh, đồng thời cất lấy vạt áo của sinh mà rời đi. Về sau Sinh cầm cái túi ngọc ấy ra chợ bán, gia đình Tuy Dương Vương mua được túi ấy. Vương biết đó là túi nữ, cho rằng Sinh là kẻ trộm mộ bèn thâm giữ để khảo hạch sinh. Sinh mang hết sự thực ra đối chất. Vương thấy người mộ người nữ đó vẫn như cũ, phát hiện ra được miếng vạt áo của Đàm sinh. Lại thấy con của Sinh giống với con gái của Vương, mới bèn nhận Sinh là con rể [8].

Từ những dẫn chứng trên, có thể biết được rằng ý nghĩa của nguyên hình *Bạch Cốt Tinh* thực ra đã có từ rất lâu, tiềm tàng trong lịch sử văn học cổ điển Trung Hoa với ý niệm đặc trưng mang tính liêu trai; được vận dụng vào tác phẩm như một chất liệu văn hóa và đặc biệt nổi cộm trong thể loại tiểu thuyết chí quái như *Sưu thần ký*, *Sưu thần hậu ký*, *Liệt dị truyện*, *U minh lục*... Về sau được các tác giả văn học sử dụng như một dạng điển tích được cài cắm nhằm truyền tải một ngụ ý mang tính triết luận.

2. BẠCH CỐT TINH - Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG LUẬN TỪ LẬP TRƯỜNG PHẬT HỌC

Bản chất của nhân vật *Bạch Cốt Tinh* ngay khi sinh ra từ vòng lịch sử đến khi được *Ngô Thừa Ân* tạo dựng và phát triển trở thành một hình mẫu điển hình trong văn học vốn dĩ đã mang một đặc trưng ý nghĩa mang tính thiên học. Trong kho tàng văn học Phật giáo, hình tượng bộ xương có mối liên hệ chặt chẽ với *cái đẹp xác thịt* và là biểu hiện cho sự đối nghịch giữa *tuổi trẻ* và *cái chết*. Ngoài nghĩa những hiện thân *Bạch Cốt Tinh* hóa hiện thành tương hợp với ý niệm *ý - dục - tình* trong Phật giáo mà hơn hết hình tượng xương trắng ở trên còn mang nhiều nét nghĩa thâm sâu và tinh mật. Đứng dưới góc độ nghiên cứu từ nguyên, chữ cốt 骨 theo *Giáp cốt văn* vốn là một từ tượng hình dùng để miêu tả hình dạng của các khớp xương, về sau được thêm vào bộ nhục 肉 để bổ thêm ý nghĩa bộ phận trên cơ thể con người. Cũng vì vậy chữ *cốt* về sau được sử dụng như một từ với nghĩa chỉ

xác phàm của con người. Còn chữ *bạch* 白 nguyên để chỉ hình dạng của cây đèn và được sử dụng với nghĩa là sáng sủa, rõ ràng. Về sau lại phái sinh thêm nghĩa *màu trắng* hoặc chỉ sự trần trụi. Như vậy, nếu hiểu một cách sâu hơn về hai chữ *bạch cốt*, cụm từ này còn mang nghĩa chỉ thân xác trần trụi, trần tục của con người. Như vậy, ngay từ khi thiết lập tên gọi, cụm từ "*Bạch Cốt Tinh*" đã ám chỉ loại yêu ma này có căn nguyên từ chính nhục thể của con người.

Vì nhục thể trong mắt con người bao giờ cũng là thứ 'tượng đài' hoàn thiện và tinh khôi nhất cho nên nhân loại thường bị niệm ái dục chi phối, từ đó sản sinh nên cái mà trong Phật giáo gọi là *ngã chấp* 我執. Đây vốn là một từ khởi nguyên từ tiếng Phạn आत्म ग्राह *ātma-grāha* có nghĩa là sự chấp trước vào cái tôi có thực, cái tôi đẹp đẽ và cái tôi hoàn mỹ. Thứ con người thường truy cầu là *cái đẹp*, vì đắm nhiễm vào *cái đẹp* nên nảy sinh lòng phân biệt và ham muốn. Vì có ham muốn nên có vô minh, tam độc thâm sâu si cũng từ đó mà khởi phát. Tuy nhiên, suy xét cho cùng thì người đẹp hay cái đẹp trước mắt thực ra cũng chỉ là *giả*. Trong muôn bộ kinh điển Phật giáo do cô đức kết tập giảng nghĩa, tất cả đều khẳng định rằng xác thịt con người chẳng qua chỉ là một túi da bọc lấy những tạp chất ô uế và xương cốt nhầy nhụa bên trong. Mọi hình tướng con người nhìn thấy được bằng mắt thường chẳng qua chỉ là giả tướng nảy sinh từ sự vô minh. Hiện tượng người nữ, người mẹ và người cha do *Bạch Cốt Tinh* hóa thành thực ra cũng chỉ là một dạng giả tướng không thực, được tạo ra chỉ để đánh lừa đôi mắt phàm nhân của Đường Tam Tạng. Có thể xem đây là một trong những ý niệm triết luận minh bạch mang tính thiên học trong *Tây Du Ký*. Không chỉ trong *Tây Du Ký*, ý niệm triết học thông qua hình tượng bộ xương trắng cũng xuất hiện nhiều trong các loại hình nghệ thuật văn hóa, không chỉ riêng Trung Quốc mà ngay cả nước ngoài. Điển hình như trong bộ tiểu thuyết *Hồng Lâu Mộng* được viết bởi tiểu thuyết gia Mạt Thanh Tào Tuyết Càn ra đời sau *Tây Du Ký*, chi tiết về bộ xương được sử dụng cũng để truyền tải một ý nghĩa tương tự. Trong số hơn 400 nhân vật được đề cập trong tác phẩm, có một nhân vật phụ tuy chỉ xuất hiện trong vài hồi ngắn ngủi nhưng lại truyền tải một luận đề nhân sinh sâu sắc - là khơi mào của muôn trùng biến cố trong phủ Giả - Giả Thụy. Giả Thụy tự là Thiên Tường, vốn là cháu nội của Giả Đại Nho, một trong số những chi tương đối lép vế trong phủ Giả. Y là người chủ quản trông nom trường học của dòng họ



Một hồi trong Hồng lâu mộng, dưới đất là tấm gương Phong Nguyệt bảo giám.

tuy nhiên vì đắm mê vào dục lạc lại lêu lổng chơi bời nên nơi này trở thành nơi tình tự của các nam sinh lại thường xuyên xảy ra những trò mâu thuẫn xích mích. Từ khi gặp được Vương Hy Phương, trong tâm Giả Thụ thường xuyên nghĩ về những cuộc “mưa Sở mây Tần” với ả ta. Sau khi bị Vương Hy Phương lừa mấy lần, Giả Thụ không chỉ tủi nhục vì bị Giả Đại Nho trừng phạt, bị rút xuống hầm phân, bị roi xuống hố xí mà còn chịu cảnh dèm pha, tương tư tốt độ, lâu ngày thành bệnh. Giả Thụ từ bị người khác dày vò nay lại thành ra chính mình tự dày vò mình. Thấy y vô minh, Mang Mang đạo sĩ mới gửi cho Giả Thụ tấm gương Phong Nguyệt Bảo Giám hầu chữa hẳn căn bệnh tương tư: *Bèn cầm gương mang mặt trái ra soi, thấy trong có bộ xương người. Giả Thụ sợ quá, vội giấu gương đi, mắng: “Đồ lão! Làm sao lại dọa ta! Ta hãy soi mặt phải xem sao?” Bèn soi mặt phải, thấy Phượng Thư đứng ở trong, vẫy tay gọi. Giả Thụ mừng lắm, mê mẩn đi vào trong gương, cùng Phượng Thư vui*

cuộc mây mưa, rồi Phượng Thư lại đưa ra nằm trên giường. Giả Thụ kêu “ái chà” một tiếng, bưng mắt ra, cái gương tự nhiên lật lại mặt trái, vẫn thấy một bộ xương người đứng sừng sững ở trong. Giả Thụ mở hôi đăm đăm, dưới quần tinh thoát ra một đồng. Dục tình vẫn chưa được thỏa, hấn lại quay mặt phải ra soi, thấy Phượng Thư lại vẫy tay gọi, hấn lại đi vào trong gương, cứ thế ba bốn lần. Đến lần cuối cùng vừa mới ở trong gương ra, thấy hai người chạy lại mang xích sắt khóa tay lôi đi, Giả Thụ kêu “Để cho tôi lấy cái gương đã”. Rồi im bật, không nói được nữa [9].

Trong triết học phương Tây, bộ xương người là motif thường bắt gặp trong những memento mori - sự nhắc nhở về tính hữu hạn của đời người. Tác phẩm “All is vanity” của Charles Allen Gilbert vẽ hình tượng một thiếu nữ trước tấm gương nhưng toàn bộ khung gương hoàn toàn là hình dạng của cái đầu lâu. Trong kinh Đại Trang Nghiêm cũng có nói

chi tiết một vị đại Sư trong lần giáo hóa các môn đồ đã hóa thân thành một bộ xương khô để các đệ tử nhìn rõ ràng được bản chất của sắc dục. *Bạch Cốt Tinh* trong *Tây Du Ký* mặc dù biến hóa thành nhiều hình hài nhưng cốt tủy cũng chỉ là bộ xương khô. *Vương Hy Phượng* trong *Hồng Lô Mộng* dù có đẹp đến đâu cũng chỉ là một bộ xương trắng. Thay vì nhìn vào mặt trái của hiện tượng, Giả Thụ lại chấp trước nhìn vào mặt phải của cõi mộng, bởi vậy nên cuối cùng y phải đành bỏ mạng.

Như vậy, từ hình tượng *Bạch Cốt Tinh* cho thấy, đây không chỉ là một nhân vật phụ chỉ được tạo dựng với chức năng gia cố tính thú vị cho tác phẩm mà còn là một hình tượng có sức gợi có nguồn gốc từ lịch sử và hình thành phát triển trong môi trường văn học nghệ thuật; chứa đựng đầy đủ các ý niệm liên quan đến tôn giáo học mà cụ thể là Phật học. Không chỉ biểu tượng cho vấn đề dục tính và đại diện cho bản chất của thế gian mà *Bạch Cốt Tinh* còn là trực lý luận cho mối tương quan giữa tuổi trẻ, sự trường thọ và cái chết. Trong *Tây Du Ký*, khi mô tả hình ảnh cụ ông - hóa thân của *Bạch Cốt Tinh* - trong tác phẩm có viết: “Bạch phát như Bành Tổ, Thương nhiệm tái Thọ Tinh” (白髮如彭祖, 蒼髯賽壽星。 - Tóc trắng như Bành Tổ, Râu xanh sánh Thọ Tinh). Bành Tổ theo *Thần tiên truyện* thì ông tên thật là Điền Khanh, sống tới 767 tuổi, trải qua nhà Hạ đến cuối nhà Ân. Còn Thọ Tinh hay còn gọi là *Nam cực tiên ông* lại đại diện cho sự trường thọ trong bộ ba Phúc - Lộc - Thọ. *Sử Ký Sách Ẩn* (史記索隱) có giải thích rằng: “Thọ Tinh, cái Nam Cực Lão Nhân tinh dã; kiến tắc thiên hạ lý an, cổ từ chi dĩ kỳ phước thọ (壽星、蓋南極老人星也、見則天下理安、故祠之以祈福壽 - Thọ Tinh là sao Nam Cực Lão Nhân; thấy sao này tất thiên hạ được yên; cho nên thờ phụng sao này để cầu phước thọ) [10]. Đây là hai nhân vật đại diện cho sức khỏe, tuổi trẻ và sự diên trường thanh xuân của con người. Cái mà người đời mong cầu là sự trường thọ thực tế chỉ mang tính vô thực, huyền hoặc, thuộc phạm trù ngã chấp về phần sinh mạng mà thôi. Cái ham muốn chấp trước vào sinh mệnh, vào sự trường cửu của hiện thời khiến con người dễ sa vào lầm lạc hưởng thụ, ao ước tận thọ mọi thú vui trong đời, như trong tác phẩm đó là cái thú vui con cháu vợ chồng. Nói như kinh điển Phật giáo thì đó là các phước hữu lậu vô thực. Do vậy hiện tượng *Bạch Cốt Tinh* với cái vẻ trường thọ

vốn thấy thực ra cũng chỉ là giả, là *huyễn* và là *ảo*; mục đích là để cảnh tỉnh con người sự huyễn hoặc của đời sống luân hồi. Chung quy có thể xem hình tượng *Bạch Cốt Tinh* hay *xương trắng* chính là mô thức cụ thể giúp con người soi rọi ra bản chất của thế giới. Và cũng chính vì thấu tỏ được chân lý vạn pháp hư huyễn cho nên Đức Phật cùng các bậc giác ngộ ngày xưa đã đề ra học thuyết *tam pháp khắc dục* bao gồm “vô kiến”, “tâm kiến tự nhân thân” và “quán bất tịnh - quán vô thường” đặc biệt phải kể đến phương pháp thiền hành *quán thân bất tịnh* 觀身不淨 hay còn gọi là *bạch cốt thân tu hành pháp* 白骨觀修行法. Đây là một trong những phương pháp quán chiếu suy niệm về sự biến hoại của thân xác. Vì biết thân xác rồi sẽ hoại nên hiểu lẽ vô thường, thông đạt tính không của vạn pháp. Đại sư Đạo Ân trong “*Hiển mật viên thông thành Phật tâm yếu tập*” 《顯密圓通成佛心要集》 có chép: 應先觀想自身額上，皮肉爛墜，見於白骨，乃至全身皆見白骨。既見自身一具骨鑠分明現已，復觀餘人爛墜亦爾，觀第二具已，漸次觀於一房一寺一城一國，乃至遍地。以海為邊，骨鑠充滿，為令觀心增長，復卻從寬至狹漸略而觀，唯見一國皆是骨鑠，漸見一城一寺一房一具，又於一具中。乃至漸漸唯見眉間少許白骨，見眉間已。專注一緣，湛然而住，如是修習，乃至得定，此觀成就一切貪愛自然消亡。

Phiên âm:

Ứng tiên quán tướng tự thân gạch thượng, bì nhục lạn truy, kiến u bạch cốt, nãi chí toàn thân giai kiến bạch cốt. Ký kiến tự thân nhất cụ cốt toả phân minh hiện dĩ, phục quan dư nhân lạn truy diệc nhĩ, quan đệ nhị cụ dĩ, tiệm thứ quan u nhất phòng nhất tự nhất thành nhất quốc, nãi chí biến địa. Dĩ hải vi biên, cốt toả sung mãn, vi linh quan tâm tăng trưởng, phục khước thung khoan chí hiệp tiệm lược nhi quan, duy kiến nhất quốc giai thị cốt toả, tiệm kiến nhất thành nhất tự nhất phòng nhất cụ, hựu u nhất cụ trung. Nãi chí tiệm tiệm duy kiến mi gian thiếu hứa bạch cốt, kiến my gian dĩ. Chuyên chú nhất duyên, trạm nhiên nhi trú, như thị tu tập, nãi chí đắc định, thử quan thành tựu nhất thiết tham ái tự nhiên tiêu vong.

Dịch nghĩa:

Đầu tiên nên quán tướng từ thân cổ trở lên, xa thị lụn tiêu, thấy cả xương trắng lòi ra, kể đến là thấy toàn thân đều là xương trắng. Đã thấy toàn bộ thân

mình là xương trắng rõ ràng rồi lại quán tưởng những người còn lại cũng lụn bại tiêu ôi như vậy, quán tưởng xong lần thứ hai lại dần dần quán tưởng từng thứ một từ phòng ốc đến chùa chiền, từ thành quách đến quốc gia, sau đó quán chiếu ra khắp thủy thể gian. Lấy biên làm bờ, xương cốt đầy rẫy, phải quán tâm tăng trưởng, rồi lại từ rộng đến hẹp dần dần quán xét hết thủy, chỉ thấy cả một quốc gia đều là xương khô, lại thấy thành quách, chùa chiền, phòng ốc, đồ đạc, lại những thứ ở trong đồ đạc đó. Lại quán dần dần đến trong một kẽ hở của mi mắt, một phần xương trắng, chỉ thấy trong một kẽ mi mắt mà thôi. Chuyên chú nhất duyên, sâu kỹ mà đi qua, như là đang tu tập, thì sẽ đạt được đến định, cách quán tưởng này nếu thành tựu thì mọi tham ái tự nhiên tiêu vong [11].

Hay như trong *Khóa hư lục* của Trần Thái Tông có đoạn: “*Khô lâu thược tháp hoa trâm ngọc; xú bì đại đới xạ huân lan. Tiển la ý khóa nùng huyệt năng, điều diên hoa ngự thi niệu thung. Như tư ngoạ sức, chung thị uế căn. Bất năng giá lý tự tâm; phản hưởng cá trung trước ái.*” (Đầu sọ khô cài hoa giặt ngọc, túi da hôi ướp xạ xông hương, cắt lụa là che đậy máu tanh, giồi sơn phần át thùng phân thối. Trang sức như thế trọn là gốc nhớp. Không thể nơi đây tự then, lại hướng trong ấy mền yêu) [12, chương 2, đoạn 1]. Như vậy, từ lập luận của những bậc cổ đức, chúng tôi có thể nhận định rằng: 333 việc tái dựng một hình tượng cũ là *Bạch Cốt Tinh* cốt yếu để truyền tải một thông điệp chứa đựng giáo lý Phật Gia - ngã chấp và vô ngã. Ngã chấp là con người. Đạt được vô ngã là bậc giác ngộ. Trong chấp bao gồm ngũ dục, phá bỏ được chấp ngũ dục là đáng thánh siêu phàm. Điều này lý giải tại sao trên con đường thánh kinh của Tam Tạng lại có nhiều trùng, độc, tình như vậy. Để đến được bến bờ giác ngộ, đòi hỏi phải trải qua quá trình tu luyện khổ ải và cam go. *Bạch Cốt Tinh* chỉ là một phần trong số muôn trùng các loại cổ trùng khác ngự trị trong tâm thức con người. Mỗi một loại tinh lại là một đại diện chói lọi cho ham muốn quần quanh của con người từ thất tình lục dục đến tiền tài vật chất, từ khao khát trường thọ đến ăn ngon mặc đẹp, tất cả đều phải được giải trừ trên đường tu thì họa may mới có thể chạm được ngõ Linh Sơn. Thực tế *Bạch Cốt Tinh* chỉ là kẻ khơi mào và dự báo cho một tương lai tu tập đầy thử thách phía trước của năm thầy trò Đường Tăng mà thôi...

3. Kết luận

Tóm lại xét từ lịch sử nguyên hình đến ý nghĩa truyền tải, hình tượng *Bạch Cốt Tinh* đã mang đến một điểm nhìn sâu sắc đến với người đọc trước vấn đề nông nã tính triết học Phật giáo - tiêu trừ ngã chấp và nhận chân sự vô thường của thế gian. Không chỉ vậy phương thức quán tưởng thân bất tịnh, xem vạn vật chỉ như một bộ xương điểm phần tô son cũng là ngụ ý mà có thể Ngô Thừa Ân vận dụng để chuyên chở cũng như để thức tỉnh sự vô minh trong thế giới quan hiện thời - nơi mà ông sinh sống sáng tạo. Giá trị của *Bạch Cốt Tinh* không còn nằm ở sự hí lộng trong ngòi bút của tác giả mà đã vươn ra ngoài, trở thành một hình mẫu điển hình trong việc giúp con người nhận chân nên bản chất của thế giới. Đến thời điểm hiện tại, ý nghĩa cũng như giá trị mà bản thân nhân vật này đem đến cho người đọc vẫn còn giữ nguyên.

Tài liệu tham khảo:

- [1] *Đạo pháp hội nguyên* 道法会元, quyển 125. Trích xuất từ trang <http://www.cngdwx.com/zhonghuadaozang/dao26-1382-1406.html>.
- [2] *Thái bình ngự lãm* 太平御覽, phần *Đạo bộ* 道部, quyển 19. Trích xuất từ trang <https://ctext.org/wiki.pl?if=en&chapter=607081>.
- [3] 馮汝常 (2009): 《中國神魔小說文體研究》, 上海: 上海三聯書店. Bảng Nhữ Thường (2009), *Trung Quốc thần ma tiểu thuyết văn thể nghiên cứu*, Thượng Hải: Thượng Hải tam liên thư điểm.
- [4] 苟波 (1999): 《道教與神魔小說》, 成都: 巴蜀書社. Tuấn Ba (1999), *Đạo giáo dữ thần ma tiểu thuyết*, Thành Đô: Ba Thục thư xã.
- [5] *Thi giải* 尸解. Trích xuất từ trang <https://baike.baidu.com/item/尸解/1848149>.
- [6] *Mẫu đơn đình đề từ* 牡丹亭记题词. Trích xuất từ trang https://m.gushiwen.com/mingju/juv_12b40651ee2e.aspx.
- [7] *Sưu thần hậu ký* 搜神后记, quyển 4. Trích xuất từ trang <http://www.gushicimingju.com/dianji/soushenhouji/5436.html>.
- [8] *Liệt dị truyện* 列异传, *Đàm Sinh Tống Định Bá* 谈生宋定伯. Trích xuất từ trang <https://www.pinshiwen.com/yuexie/wxjx/20190729161363.html>.
- [9] Tào Tuyết Cần, *Hồng Lâu Mộng*, hồi 12. Trích xuất từ trang <https://www.sachhayonline.com/tua-sach/hong-lau-mong/hoi-12/2207>.
- [10] *Nam cực tiên ông* 南极仙翁. Trích xuất từ trang [https://www.wanweibaike.net/wiki-壽星%20\(神祇\)?551](https://www.wanweibaike.net/wiki-壽星%20(神祇)?551).
- [11] 道殷大師 (1981): 《顯密圓通成佛心要集》, 台北: 總持出版社, 頁 20-21. Đạo Ân đại sư (1981), *Hiển mật viên thông thành Phật tâm yếu tập*, Đài Bắc: Tổng trì xuất bản xã, Tr.20-21.
- [12] Thích Pháp Như (2011), *Giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật bài Phổ thuyết sắc thân trong tác phẩm Khóa Hư Lục của Trần Thái Tông*, đăng trên trang daophatngaynay.com.

Một số pháp môn tu học của người cư sĩ trong Kinh Tăng Chi Bộ



SC. Thích Nữ Huệ Cảnh*

Kinh Tăng Chi Bộ là một bộ kinh thuộc văn hệ Pāli của kinh tạng Phật giáo Nguyên thủy, tập hợp những bài kinh ngắn theo hệ thống pháp số. Trong đó, không những đức Phật và các vị Thánh đại đệ tử khuyến tấn giới xuất gia mà còn giảng dạy nhiều pháp môn cho hàng cư sĩ (tại gia) tu học hoàn thiện đạo đức tự thân, xây dựng một gia đình hạnh phúc và lợi lạc cho xã hội.

TỔNG QUAN VỀ KINH TĂNG CHI BỘ

Kinh Tăng Chi Bộ là bộ kinh thứ tư trong năm bộ kinh Nikāya [1], được Hòa thượng Minh Châu dịch sang Việt ngữ vào năm 1976, xếp vào *Đại Tạng Kinh Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đổi tên thành *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền* vào năm 2018. Đầu năm 2021, Viện đã biên tập và đổi tên lại thành *Tam Tạng Thánh Điển Phật Giáo Việt Nam* [2].

Số lượng các bài kinh trong *Kinh Tăng Chi Bộ* không đồng nhất. Một số học giả cho rằng đó là do sự biên tập và quan điểm tính toán bài kinh có sự khác nhau. Tiêu biểu như bản dịch của Hòa thượng Minh Châu có 7.231 bài kinh, nhưng trên thực tế



Ngoài việc quy y Tam bảo, đức Phật còn khuyến tấn hàng cư sĩ nên: *“Tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; ... tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí;...”*



Kinh Tăng Chi Bộ là bộ kinh thứ tư trong năm bộ kinh Nikāya [1], được Hòa thượng Minh Châu dịch sang Việt ngữ vào năm 1976, xếp vào Đại Tạng Kinh Việt Nam.

chỉ có 2.202 bài, còn lại là những bài kinh lặp lại. Nhưng theo tính toán của Ui Hakuju thì có khoảng 2.308 - 2.363 bài kinh [3]. Nội dung các bài kinh thì phong phú, đa dạng và được triển khai trên nhiều phương diện khác nhau như triết học, đạo đức, gia đình, xã hội,...

KHÁI NIỆM VỀ CƯ SĨ

Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang* ghi rằng: “*Cư sĩ (Sanskrit. Grhapati; Pāli. Gahapati) là chỉ cho Trưởng giả, gia chủ, gia trưởng thuộc dòng Phệ-xá là 1 trong 4 họ giàu có ở Ấn Độ hoặc chỉ người tại gia tu theo đạo Phật*” [4]. Người nam cư sĩ gọi là Ưu-bà-tắc (Upasaka), còn người nữ thì gọi là Ưu-bà-di (Upasika). Hai chúng này thuộc bốn chúng đệ tử (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) hoặc bảy chúng đệ tử (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) của Đức Thế Tôn.

Theo *Kinh Thích Tử Mahānāma* trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, đức Phật định nghĩa về cư sĩ như sau: “*Này Mahānāma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahānāma, là người nam cư sĩ*” [5]. Ngoài việc quy y Tam bảo, đức Phật còn khuyến tấn hàng cư sĩ nên: “*Tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới;... tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí;...*” [6].

PHÁP MÔN TU TẬP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG KINH TĂNG CHI BỘ

Thứ nhất là nhận thức bản chất cuộc sống là vô thường và khổ đau

Con người và vạn vật trong cuộc đời đều chịu quy luật là sanh, lão, bệnh, tử; hoặc thành, trụ, hoại, không. Đức Phật đã thuyết về năm sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma vương hay Phạm Thiên, hoặc bất kỳ ai trong cuộc đời này đều phải đối diện là già, bệnh, chết, hoại diệt và tiêu diệt [7]. Năm điều này được Đức Phật thuyết cho vua Pasenadi trong *Kinh Người Kosala* đã khắc họa về sự khổ đau khi yêu thương phải xa lìa và chỉ phương pháp tu tập để chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc cao thượng [8]. Trong *Kinh Trước Khi Giác Ngộ*, Đức Phật nhắc nhở: “*Cái gì ở đời là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đầy là nguy hại ở đời*” [9]. Ngoài ra, người cư sĩ phải luôn cảnh tỉnh chính mình về sự vô thường [10] để diệt trừ những lo buồn đau khổ, hướng tâm tu tập các thiện pháp, vun bồi phước đức và công đức để được an lạc trong hiện tại và tương lai. Bên cạnh đó, người nào tùy quán về vô thường với tầng thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh về cõi trời Tịnh Cư [11].

Thứ hai, nhân quả nghiệp báo

Nghiệp (Kamma) là hành động có tạo tác của thân, khẩu, ý. Tiêu biểu như trong *Kinh Sự Kiện Cần Phải Quan Sát*, Đức Phật dạy rằng: “*Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy*” [12]. Vì thế, quả báo hành động tạo tác của mỗi người sẽ sai khác nhau: “*Người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ*” [13]. Bởi vì: “*Nếu với ý thanh tịnh, nói lên hay hành động, an lạc bước theo sau, như bóng không rời hình*” [14].

Người làm thiện sẽ được an lạc trong cả hiện tại và tương lai. Ngược lại, người gây tạo nghiệp bất thiện về thân, khẩu, ý, sẽ cộng hưởng những điều xấu ác, bất hạnh, hiện tại đau khổ, sau khi thân hoại, mạng chung sẽ tái sinh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Đó là lý do Đức Phật khuyến hóa người cư sĩ phải thực hành Mười điều thiện và Tám điều trai giới chứ không phải chỉ có Năm điều căn bản đạo đức.

Nghiệp của mỗi người có sự sai khác, có khi trở qua ngay hiện tại như *Kinh Hai Loại Tội*, Đức Phật dạy: *“Do nhân các ác nghiệp như vậy, vua chúa bắt được kẻ ăn trộm, kẻ vô loại, áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, ... họ lấy gươm chặt đầu. Nếu ta làm các ác nghiệp như vậy, vua sẽ bắt ta và áp dụng các hình phạt”* [15].

Thứ ba là lòng tin đối với Tam bảo

Lòng tin (Saddhā) là điều kiện cơ bản trước khi vào đạo không chỉ người xuất gia mà cả người tại gia. Nhưng không được tin mù quáng như trong *Kinh Các Vị Ở Kesaputta*, Đức Phật dạy: *“Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe theo người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāmā, khi nào tự mình biết rõ. Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp này bị các người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau; thời này Kālāmā, hãy từ bỏ chúng!”* [16].

Vì thế, niềm tin rất quan trọng trong tiến trình tu tập; người tin vào Chánh pháp, với Chánh tri kiến sẽ đem lại an lạc cho tự thân. Ngược lại, nếu pháp đó đem lại khổ đau thì hãy từ bỏ chúng. Vì vậy, lòng tin phải luôn đi kèm với thực hành các pháp là tri giới, bố thí, trí tuệ, như lời Đức Phật dạy: *“Này gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, ... Thế nào là bốn? Đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ”* [17].

Thứ tư là trì giới

Tri giới (Sīla) là nền tảng cho định (Samādhi) và tuệ (Paññā) phát triển. Giới là nấc thang căn bản của các



Đức Phật dạy rằng: *“Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điếm tựa. Phạm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy”*

thiện pháp tối thượng, là ngăn ngừa điều ác và thực hành điều thiện. Người cư sĩ khi quy y Tam bảo tùy theo khả năng mà phát tâm lãnh thọ và nguyện hành trì [18] từng giới trong năm giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, để không bị khổ đau, phiền não cho chính tâm mình. Trong *Kinh Con Đường Đến Địa Ngục* nói về giữ giới trong việc tái sinh như sau: *“Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say trong rượu men, rượu nấu, ... như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục”* [19].

Bên cạnh đó, người cư sĩ phát tâm lãnh thọ Mười giới hoặc thực tập một ngày trai giới để được phước báo thù thắng như các vị xuất gia, như lời Đức Phật dạy cho nữ cư sĩ Tỳ Xá Khư: *“Ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rỡ lớn, có biến mãn lớn”* [20].

Thứ năm là bố thí

Bố thí (dāna) có hai loại là: “*Bố thí tài vật và bố thí pháp*” [21]. Những vật thực được bố thí như: thức ăn, đèn đuốc, thuốc men, y áo, sàng toà, ... Bố thí pháp là giảng dạy phương pháp thực hành nhận thức được những phiền não và chuyển hóa khổ đau [22] như Thiền định, Tứ vô lượng tâm, Bát chánh đạo, ... để người nghe tu tập giác ngộ và giải thoát. Lợi ích của sự bố thí là hưởng được năm điều vi diệu: “*Được nhiều người ái mộ, ưa thích, được bậc Thiên nhân, Chân nhân thân cận; tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi; không có sai lệch pháp của người gia chủ; khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, Thiên giới*” [23].

Thứ sáu là trí tuệ

Trí tuệ (Paññā) ở đây không phải là trí thức thế gian, qua những việc học hành. Người không có trí tuệ thì thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác; tức là ba nghiệp gây tạo bất thiện. Ngược lại, bậc trí hay bậc chân nhân sẽ thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện và ý nghĩ thiện [24]. Với lập trường sống vị tha, lợi ích cho mình, cho người và toàn thể giới, mới chính là mục đích thù thắng khi tu học Chánh pháp: “*Bậc Hiền trí, Đại tuệ, không có nghĩ tự làm hại mình, không có nghĩ tự làm hại người, không có nghĩ tự mình làm hại cả hai, có suy nghĩ điều gì thời suy nghĩ lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể thế giới*” [25].


Người có trí tuệ khác người tri thức (Vijnana) ở chỗ biết phân biệt thiện và ác, đúng và sai. Như người tri thức dù biết rượu là độc hại nhưng vẫn uống và bị rượu làm cho khổ đau, tàn hại. Người có trí tuệ biết rượu có hại cho thân và tâm nên dù nơi có người hay vắng người, họ cũng sẽ không bao giờ uống. Vì vậy, Đức Phật không những khen ngợi những người nam cư sĩ mà đối với nữ cư sĩ tu tập cũng có khả năng thành tựu trí tuệ, tự mình đoạn diệt khổ đau như sau: “*Này Visākhā, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ*” [26]. Điều này thể hiện sự bình đẳng trong sự tu tập chuyển hóa khổ đau, khai mở trí tuệ.

Tóm lại, với các hệ thống pháp số và số lượng các bài kinh ngắn trong *Kinh Tăng Chi Bộ* đã toát lên những lời dạy của Đức Phật và các Thánh đại đệ tử

về phương pháp tu tập cho hàng xuất gia và tại gia. Giáo pháp này là phương thuốc lành chuyển hóa khổ đau, mở ra một chân trời an vui và hạnh phúc. Dù cuộc đời có mong manh, người cư sĩ nói riêng và mọi người nói chung biết an trú trong những Thiên pháp nhằm hoàn thiện nhân cách đạo đức tự thân, xây dựng một gia đình hạnh phúc và một xã hội tốt đẹp. Chính vì thế, đạo Phật hiện hữu giữa cuộc đời này như dòng suối mát thanh lương tưới tắm những tâm hồn đang khổ đau, lạc lõng và bế tắc, mang hơi ấm của tình thương và sự hiểu biết đến với nhân loại.

Chú thích:

- * SC. Thích Nữ Huệ Cảnh: Học viên Thạc sĩ khóa III, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.
- [1] Năm bộ kinh Nikāya (Pañca Nikāya): 1. *Kinh Trường Bộ (Dīgha Nikāya)*; 2. *Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)*; 3. *Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya)*; 4. *Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya)*; 5. *Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikāya)*.
- [2] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *Kinh Tăng Chi Bộ*, Dẫn luận, Nxb. Hồng Đức, tr.32.
- [3] Thích Phước Sơn và Thích Hạnh Bình (dịch) (2015), *Lịch sử Biên tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy*, Nxb. Phương Đông, tr.1038.
- [4] Thích Minh Cảnh (chủ biên) (2016), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 1, Nxb. Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.792.
- [5] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *Kinh Tăng Chi Bộ*, Nxb. Hồng Đức, tr.972. Chánh văn: “*Yato kho, mahānāma, buddhamm saranam gato hoti, sangham saranam gato hoti; ettāvata kho, mahānāma, upāsako hoti*” ti.
- [6] ĐTKVN (2015), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 3, Chương Tám pháp, Phẩm gia chủ, *Kinh Thích Tử Mahānāma*, Nxb. Tôn Giáo, tr.586.
- [7] ĐTKVN (2015), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Năm pháp, Phẩm Vua Munda, *Kinh Sự Kiện Không Thế Có Được*, Nxb. Tôn Giáo, tr.658.
- [8] ĐTKVN (2015), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Năm pháp, Phẩm Vua Munda, *Kinh Người Kosala*, Nxb. Tôn Giáo, tr.396.
- [9] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Ba pháp, Phẩm Chánh giác, *Kinh Trước Khi Giác Ngộ*, VNCPHVN, tr.468.
- [10] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Một pháp, Phẩm Thiền định, *Kinh Thật Sự Là Vây*, VNCPHVN, tr.81.
- [11] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Bốn pháp, Phẩm Sợ hãi, *Kinh Hạng Người Sai Khác*, VNCPHVN, tr.54.



Người có trí tuệ khác người tri thức (Vijnana) ở chỗ biết phân biệt thiện và ác, đúng và sai.

- [12] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Năm, Phẩm Thiên cái, *Kinh Sự Kiện Cần Phải Quan Sát*, VNCPHVN, tr.422.
- [13] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương 10, Phẩm Lớn, *Kinh Con Sư Tử*, VNCPHVN, tr.291.
- [14] ĐTKVN (1999), *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, *Kinh Pháp Cú*, VNCPHVN, tr.32.
- [15] ĐTKVN, (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Hai pháp, Phẩm Hình phạt, *Kinh Hai Loại Tội*, VNCPHVN, tr.95.
- [16] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Ba pháp, Phẩm Lớn, *Kinh Các Vị Ở Kesaputta*, VNCPHVN, tr.336.
- [17] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Bốn pháp, Phẩm Nghiệp công đức, *Kinh Bốn Nghiệp Công Đức*, VNCPHVN, tr.677.
- [18] Thích Chơn Thiện (2009), *Khái niệm Phật học*, Nxb. Phương Đông, tr.330.
- [19] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Năm pháp, Phẩm Tikandaki, *Kinh Con Đường Đến Địa Ngục*, VNCPHVN, tr.589.
- [20] ĐTKVN (2005), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Tám pháp, Phẩm Ngày trai giới, *Kinh Ngày Trai Giới*, Nxb. Tôn Giáo, tr.630.
- [21] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Hai pháp, Phẩm Bồ Thái, *Kinh Bồ Thái*, VNCPHVN, tr.168.
- [22] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, tr.517.
- [23] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, chương Năm pháp, phẩm Sumana, *Kinh Lợi Ích Và Bồ Thái*, VNCPHVN, tr.353.
- [24] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, Chương Ba pháp, Phẩm Người ngu, *Kinh Người Ngu*, VNCPHVN, tr.182.
- [25] ĐTKVN (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, Chương Bốn pháp, Phẩm Chiến sĩ, *Kinh Con Đường Sai Lạc*, VNCPHVN, tr.159.
- [26] ĐTKVN (2005), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 3, Chương Tám pháp, Phẩm Ngày trai giới, *Kinh Visākhā*, Nxb Tôn Giáo, tr.647.

Ứng dụng Tứ nhiếp pháp trong đời sống thường nhật



SC. Thích Nữ Diệu Hải*

Dẫn nhập

Đạo Phật là con đường dẫn đến giải thoát khỏi khổ đau, luân hồi. Những người con của đấng Từ phụ có mặt để tô thắm cho cuộc đời thêm sắc màu tươi sáng, để người người rộn rã niềm vui trong an lành, bình yên. Và trong đó, Bồ-tát, những người sống với lý tưởng vì tha nhân, đi vào đời bằng hành trang đong đầy yêu thương và hiểu biết của lòng từ bi cùng trí tuệ ngời sáng. Những hành trang đó phải đâu tự nhiên Bồ-tát có được, mà trên hết là một nỗ lực tu dưỡng, rèn luyện huân tập trong muôn ngàn tế hạnh của cuộc sống thường nhật, trong vô vàn ưu tư cho hướng đi về tuệ giác vô thượng mà Đức Phật đã ân cần truyền trao cho tất cả chúng sanh, hầu mong mọi loài sống trong an vui, hạnh phúc trong ánh đạo vàng. Bồ-tát vào đời với bốn pháp nhiếp phục tâm người, hầu đưa người vào đạo. Đó chính là *Tứ nhiếp pháp*.

TỨ NHIẾP PHÁP TRONG SỰ TU TẬP CỦA BỒ-TÁT

Khái niệm *Tứ nhiếp pháp*

Đức Phật dạy như sau về Tứ nhiếp pháp:

“Này các Tỳ-kheo, có bốn nhiếp này. Thế nào là bốn?”

Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự

Này các Tỳ-kheo, có bốn nhiếp pháp này” [1].



Chia sẻ cho người nghèo.
(Ảnh: *sưu tầm*)

Sống chan hòa với mọi
người, chân thành đầy
tình thương.
(Ảnh: *sưu tầm*)



(Ảnh: sưu tầm)



(Ảnh: baobinhduong.vn)

Tứ nhiếp pháp hay còn gọi là Tứ nhiếp sự, Tứ sự nhiếp pháp, Tứ tập vật, hay gọi đơn giản là Tứ nhiếp, Tứ sự, Tứ pháp, gồm bốn pháp cao quý là:

Bố thí: Bò-tát chia sẻ cho người những gì người cần về vật chất lẫn tinh thần, bố thí trong nhà Phật bao gồm: tài thí, pháp thí, vô úy thí [財施, 法施, 無畏施].

Ái ngữ: Bò-tát chan hòa với người bằng ý hướng thiện lành, bằng lời nói nhẹ nhàng, từ tốn với sự chân thành, đầy tình thương.

Lợi hành: Bò-tát đem lại lợi lạc thiết thực, giúp ích cho người qua những việc làm của thân, khẩu, ý.

Đồng sự: để thực hiện được mục đích giúp người, cứu đời, Bò-tát luôn đặt mình vào tình huống, hoàn cảnh của tha nhân để hiểu được người và yêu thương người nhiều hơn. Từ đó, sự san sẻ của Bò-tát dành cho người sẽ đông đầy và ý nghĩa hơn.

Vai trò của Tứ nhiếp pháp trong hạnh tu tập

Bố thí [布施]: Bò-tát khi bố thí như thế, trao cho như thế, là tất cả niềm vui của tự thân. Bố thí không chỉ đơn giản là cho đi, mà với nghĩa cử san sẻ tình thương đó, Bò-tát mong đưa người về ánh sáng của đạo. Bố thí phải luôn luôn đi với bi tâm mới là sự bố thí của Bò-tát. Bố thí thiếu vắng yếu tố bi tâm, thì sự lệch lạc có thể xảy ra, hậu quả bất thiện có thể phát khởi một cách khôn lường.

Khi bố thí, Bò-tát quan sát muôn người và thế giới chung quanh, để hiểu những nỗi khổ của người khác

nhiều hơn, thông cảm với người khác nhiều hơn, từ đó, lòng từ bi càng được trưởng dưỡng, lan tỏa đến tâm thức mọi người. Phương thức cho của Bò-tát phải thấm đượm yêu thương, chân thành với người trong hoạn nạn, cơ nhỡ. Đã là thân phận một con người, một sinh linh, ai dám chắc bản thân sẽ vĩnh viễn sống mãi trong cảnh đầy đủ, dư thừa suốt cuộc đời giả tạm luôn thay đổi, biến chuyển này. Cho nên, chính trong bố thí, Bò-tát chiêm nghiệm được cuộc đời, hiểu rõ hơn nữa thân phận mong manh, nhỏ bé biết bao của con người, cũng như muôn loài vạn hữu chung quanh. Sự mong manh, nhỏ bé ấy trước mọi bão tố, phong ba của thực tế cuộc sống phức tạp, muộn phiền, nhiều nhương, vẫn luôn tồn tại, luôn hiện hữu đó đây, luôn biến chuyển như một dòng nước chảy không dừng.

Đối với Pháp thí [法施], Bò-tát học Phật không phải chỉ cho riêng mình, mà còn học để hướng dẫn tha nhân có hướng đi đúng trong cuộc sống, trên con đường đạo chơn chánh, xác thực với chí nguyện hướng về cứu cánh Vô thượng Bồ-đề, thâm nhập vào bản chất hiện hữu của vạn pháp, để có cái nhìn đúng đắn, hiểu được bản chất như huyễn của vạn hữu, với một tâm thức hợp lý với bản thân, với mọi người và vạn sự vạn vật chung quanh. Bò-tát hiểu được vạn hữu đổi thay khôn lường, biến chuyển không ngừng. Để không tham đắm, không say mê theo đuổi những ảo tưởng viển vông, lạc lối. Từ sự hiểu biết của bản thân, Bò-tát truyền trao cho người phương pháp để thoát khổ. Cho nên, nhiệm vụ hoằng dương Chánh pháp của Đức Phật là việc làm không thể thiếu trên bước đường hành đạo của Bò-tát.

Chia sẻ những gì mình có, đặt mình vào hoàn cảnh người khác để cảm thông, thương yêu và trao tặng những gì có thể để cuộc sống tốt đẹp hơn.
(Ảnh: phatsuonline.com)



Với hạnh nguyện Pháp thí cho người, Bồ-tát sẽ là người hoằng dương Chánh pháp cho đời một cách dễ dàng, với các hoạt động như: Tổ chức buổi giảng pháp tại tu viện, hay tại một đạo tràng trang nghiêm với tất cả sự hiểu biết sâu sắc của bản thân để truyền trao cho người thật thỏa đáng, hữu ích. Như trong Kinh Duy-ma-cật sơ thuyết, cư sĩ Duy-Ma-Cật, người đã làm vô lượng thiện lành giúp ích cho bao người, nay bằng phượng tiện thiện xảo, ông hiện thân có bệnh và mọi người đến viếng thăm ông, từ những vị Trưởng giả quyền quý cho đến giai cấp cùng đinh, nhân đây, ông giảng pháp cho mọi người. Bằng khả năng thuyết pháp, Duy-ma-cật muốn mọi người thâm nhập Phật pháp để hiểu đạo, tu đạo và hành đạo. Ông thuyết giảng một chân lý muôn đời là vạn hữu, kể cả tâm pháp và sắc pháp, đều biến dịch thay đổi khôn lường, tất cả là sự thể hiện của một quy luật vận hành vũ trụ, quy luật đó chi phối toàn bộ cuộc sống con người, cả về nhân sinh quan lẫn vũ trụ quan. Khi nào chúng ta còn tồn tại, thì chúng ta vẫn bị luật tắc ấy chi phối. Đó chính là luật tắc Duyên khởi, một định luật khách quan. Nó tự vận hành theo quy tắc của chính nó, như quả đất quay quanh mặt trời, mùa xuân hoa nở thơm tươi, đông về hoa lá rụng rơi đầy thềm. Không ai có quyền lực bảo trái đất ngừng quay, không ai có đủ uy lực sai sử để đông về ngàn hoa vẫn tươi thắm, chim én vẫn lượn bay.

Vì như Bồ-tát biết rằng: “Xuân đi trăm hoa rụng, xuân đến trăm hoa cười” (Cáo tật thị chúng - Thiền sư Mãn Giác) chỉ là hiện tượng biến dịch [vô thường], thường chứ không gì khác. Ở đây, chúng biểu trưng cho việc sống chết của con người mà lý vô thường luôn được hiện hữu một cách tự nhiên,

thể hiện quy luật “*Duyên khởi trong hiện tượng [trong Thành-trụ-hoại-không] của các Pháp*” [2]. Bồ-tát hiểu vô thường là một sự thật miên viễn, một chân lý không bao giờ dịch chuyển, nhưng Bồ-tát vẫn luôn tâm niệm giữ vững thế nguyện của mình để sống đời hiền dăng, để hy sinh, phục vụ cho đời được trọn vẹn. Đối với Vô úy thí [無畏施], Bồ-tát vững vàng trong ý chí, kiên định trong tâm tư, Bồ-tát bước những bước đi tự tại, an nhiên, không sợ hãi trước những ma lực viễn vông. Bồ-tát giúp người có được nội lực vô úy, khiến người vững chãi trong niềm tin đạo, để trải nghiệm vào cuộc sống thể trần trong bình an và hạnh phúc.

Ái ngữ [愛語]: Bồ-tát đích thân đi bố thí với lời nói yêu thương, bằng những lời nói nhã nhặn, nhu hòa để người đối diện bình tâm, để người nhận xóa tan đi mặc cảm bản cùng vì phải nhận bố thí của người khác mà mưu sinh. Lời nói thân thương ấy, thoát nghe tưởng chừng rất đơn giản, nhưng không dễ thực hiện chút nào. Đó là kinh nghiệm mà bất kỳ ai trong đời đều trải qua, một lần được thấy bản thân ứng xử đem lại đau thương cho người, chỉ vì một lời nói buông ra trong cơn nóng giận, không kiềm thúc được. Thậm chí không hẳn là trong phút nóng giận, mất tự chủ, mà điều đó vẫn dễ dàng xảy ra trong giây phút rất bình tĩnh, sáng suốt. Chỉ vì một lý do nào đó, muốn người đau khổ, ta lại thân nhiên làm đau người đối diện. Bản chất con người vốn thế, từ bao đời nay, muôn kiếp không đổi. Bản chất của tham lam, sân hận, ngu si ngự trị trong chúng sanh như một giấc ngủ triền miên, không bao giờ tỉnh thức, nên ta cứ thích làm khổ người, làm

đau người không chút đắn đo, không một giây phân tâm. Cuộc sống thực tế cho thấy, phải đâu chỉ có những tác động bên ngoài hoặc vô tình đem đến đau khổ, mà có khi chỉ do một lời nói, ta đã gieo mầm đau thương đến cho người.

Lợi hành [利行]: Với tất cả trải nghiệm ấy, Bồ-tát vào đời cẩn trọng trong từng lời nói, ý tứ trong từng tế hạnh nhỏ nhiệm nhất để đem yêu thương đến cho tha nhân, làm lợi ích cho người qua nghiệp thân, khẩu, ý. Bồ-tát hiểu rằng: *“Trên tất cả sự cứu giúp bằng lợi hành, là dẫn người ra khỏi đường ác, để không sa đọa vào cảnh khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói cách khác, người ít tịnh tín, ta khuyến khích tăng trưởng tín. Người hay phá giới, ta tìm phương tiện ngăn chặn không để người sa ngã. Người xan tham keo kiệt ta khuyến khích cho thấy ích lợi của thí xả”* [3].

Đồng sự [同事]: Bồ-tát không dừng lại ở sự chia sẻ những gì mình có, mà luôn đặt mình vào hoàn cảnh người khác để cảm thông, thương yêu và trao tặng những gì có thể để cuộc sống tốt đẹp hơn. Muốn thế, Bồ-tát đặt mình vào hoàn cảnh người khác để hiểu và chia sẻ nhiều hơn. Khi muốn cứu người, muốn cho người niềm vui, Bồ-tát luôn tự xem mình như người đối diện để biết những yêu cầu cấp thiết của người đối diện. Tâm Bồ-tát phải đủ độ lượng, đủ từ tâm để bao dung tất cả mức độ tâm thức từng người, trong muôn vạn tư tưởng và hành động thực tiễn của cuộc sống, đi vào đời với chí nguyện giúp đời, đem an lành đến cho mọi người trong sự bình đẳng, không phân chia, không tính toán, không so đo, với tinh thần đồng cảm, thâm nhập hài hòa trong thư thái nhẹ nhàng. Như lời Đức Phật dạy: *“A-nan, ông xem Như Lai, khi xưa tu hạnh lành, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự; dùng căn lành này thấu giữ chúng sinh chẳng có phân biệt, đây là cha ta, đây là mẹ ta, anh em ta, chị em ta, bạn bè thân thích của ta. A-nan, ta đối với chúng sinh chỉ có một vị bình đẳng, tâm không phân biệt sai khác”* [4].

Tâm Bồ-tát luôn giữ sự đồng đẳng trong ứng xử với tất cả mọi người, vì Bồ-tát hiểu rằng chính thái độ phân biệt của mình sẽ mang lại buồn đau cho người. Thái độ sống đúng là một yếu tố vô cùng hệ trọng trong cuộc sống tập thể và quan hệ xã hội. Muốn đạt được thái độ đúng đắn trong giao tiếp ấy, Bồ-tát phải tự huân tập cho chính mình một hiểu biết đúng đắn,



một nhận định chính xác trong từng mối giao lưu, để sống hài hòa với tất cả, tạo niềm hạnh phúc cho người khác, mà trước hết là cho chính mình được hạnh phúc. Bồ-tát không chỉ đem lại niềm vui cho người, mà còn cho chính mình. Bởi nếu muốn giúp tha nhân sống đời hiền thiện, bản thân Bồ-tát phải là một hình ảnh điển hình, thì mới thu phục được lòng người. Vì vậy, chúng ta hãy đồng hành cùng nhau để hành trình tu tập ngày càng hanh thông và nói rộng thêm vòng tay nhân ái, nương tựa, giúp đỡ nhau trên bước đường cùng hướng đến cứu cánh Vô thượng Bồ-đề. *“Đồng sự cao cả nhất là cùng đồng đẳng mục đích”* [5], khi ấy, Bồ-tát với lòng bi mẫn, hòa quyện cùng tâm tư luôn muốn hiểu người để yêu người, sẽ đạt được mục đích hướng đi mà Bồ-tát hướng tới.

LỢI LẠC NHÂN SINH KHI ÁP DỤNG TƯ NHIỆP PHÁP

Tâm Bồ-tát luôn hướng đến cứu cánh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong mọi tế hạnh của Tứ nhiếp pháp. Cho nên nhất nhất mọi hành động của thân, khẩu, ý, Bồ-tát luôn ở trong chánh niệm, trong sự tỉnh thức của một người sống vì mọi người, của một tâm nguyện vì an lạc, hạnh phúc cho nhân quần xã hội. Ví như Bồ-tát đang thực thi hạnh lắng nghe. Chỉ nghe thôi, chuyện ấy tưởng chừng rất đơn giản, nhưng nghe thế nào để người người ngoài niềm đau,

nổi khổ; nghe thế nào để người thức tỉnh con mê, nghe thế nào để người tìm được chỗ sống trong hào quang chư Phật, trong sự nhiệm mầu của Chánh pháp. Bồ-tát nghe bằng cách tôn trọng ý kiến của người, cần trọng khi đưa ra ý kiến, bình nghị khách quan, không cố chấp, không vị kỷ, không tranh đua thắng bại, chon chánh trong tư duy, chính trực trong ý nghĩ, đứng đắn trong hành động, để người người cùng hướng về chân, thiện, mỹ, cùng đưa nhau đến bến bờ an vui. Vì dù cuộc đời vốn dĩ nhiều đau thương nhưng những người con Phật vẫn đem lại cho đời nhiều niềm vui, tìm thấy ý nghĩa chon thường giữa vô thường.

Với thế nguyện đã in sâu trong tâm trí, Bồ-tát giữ vững tâm Bồ đề đi vào khắp chốn nhân gian này như đi vào đất Phật, cõi an lành cho muôn loài. Với Tứ nhiếp sự, Bồ-tát sẽ thông tay vào đời trong buông thư, an lành, vì nhất cử nhất động đều thực thi trong chánh niệm, trong tinh thức cần trọng của Bồ-tát. Bồ-tát biết rằng dù không phải mọi việc sẽ êm xuôi, nhưng qua tất cả, với sức mạnh của tâm nguyện và nội lực của Bồ-đề tâm, Bồ-tát vẫn vượt qua mọi chướng ngại và tiếp tục tiến lên phía trước. Điều thành tựu ở đây là trong mọi phương tiện thiện xảo để hoàn thiện mục đích hướng đến của Bồ-tát, tất cả hòa quyện, đan xen vào nhau một cách nhuần nhuyễn, nhịp nhàng đến diệu kỳ. Đó chính là sự dung thông với nhau của Tứ nhiếp pháp. Như qua bố thí, Bồ-tát càng phát triển mạnh mẽ lòng bi mẫn. Khi bố thí để người nhận an lạc, niềm vui không bao giờ bị che khuất vì mặc cảm nghèo hèn, thì niềm vui được chia sẻ của Bồ-tát càng giúp cho lời nói, âm thanh phát ra là những ái ngữ trao tặng cho người. Và muốn có được ái ngữ đó, Bồ-tát sẽ đặt mình vào chỗ đứng của người khác. Vì có hiểu mới có thương, như thế ái ngữ và đồng sự hòa quyện trong nhau để thành tựu nhiều lợi ích lợi hành cho tha nhân, đưa đến nhân cách tuyệt vời của Bồ-tát. Cho nên, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự ở trong nhau, tương thông, nương tựa nhau. Chúng tương tác, tương duyên, tương thuộc nhau mà thành tựu để đạt được tâm nguyện cao thượng của Bồ-tát, những người tâm nguyện sống vì người, vui theo niềm vui của người. Cho nên, khi thực hành một pháp là chúng ta thực hành cả bốn pháp.

Lịch sử Phật giáo cho thấy sự thành tựu quý giá của hạnh Bồ-tát với Tứ nhiếp pháp: “Trong các đệ tử tại gia hành bốn nhiếp sự để duy trì đoàn kết đại chúng, không phải duy chỉ Thủ Trưởng giả, mà

những đệ tử tại gia nổi tiếng như Cấp Cô Độc [Đại và Tiểu], Úc-già, Chát-đà, Pháp Dữ, và Tì-xá-khur; bảy vị này đều được nói là thủ chúng một chúng hội đông đảo và duy trì sự đoàn kết bằng bốn nhiếp sự” [6]. Cho nên: “Bốn nhiếp pháp là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh nào được tiếp thọ bởi giải thoát sẽ tái sinh vào đó” [7].

Kết luận

Qua tất cả, Bồ-tát thực nghiệm bốn pháp lành ấy. Trong ấy, bố thí không đơn giản chỉ là trao cho; ái ngữ, không thuần nhất là những lời nói dịu dàng đối diện tha nhân; lợi hành, không chỉ là những lợi lạc nhỏ nhặt qua thân, khẩu, ý; đồng sự, không phải ngần ấy sự đặt mình vào tâm tư, tình huống của người để giúp đỡ người vượt qua những khó khăn cuộc đời, những bất trắc của tâm tư buồn thương. Trên tất cả, Tứ nhiếp pháp là cả một phương pháp khéo léo, phương tiện thiện xảo thu phục lòng người một cách năng động, hữu hiệu, đưa người về với đạo. Thực tế, khi chúng ta gần gũi người, yêu thương người chân thật, hướng người theo cùng một hướng đi để quay về với chánh pháp nhiệm mầu, khi ấy, kết quả lợi lạc cho người sẽ hiển lộ và người sẽ song hành với chúng ta về hướng chân, thiện, mỹ của đạo. Như thế, chúng ta xây dựng được một Tịnh độ nhân gian ngay trong kiếp sống này. Như mùa xuân ấm áp lại về, sau những ngày mùa đông rét mướt. Tịnh độ là đây, cõi Phật là đây, chúng ta đang thực hiện bản hoài của chư Phật và cùng nhau báo đáp hồng ân chư Phật trong muôn một, ngõ hầu là đàn con xứng đáng của đấng Từ phụ tôn kính muôn thuở.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Diệu Hải: Học viên Cao học khóa III tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[1] HT. Thích Minh Châu (Việt dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, chương Bốn pháp, phẩm Vagga (22-28), *Kinh Nhiếp Pháp* (số 253, mục III).[2] Đại Lãn (2007), *Thông tay vào chợ*, NXB. Văn Hóa Sài Gòn, tr. 138.

[3] Tuệ sỹ (2010) *Bodhisattvabhūmāv adhāre yogasthāne daśamaṁ Śīlapaṭalam*, Du Già Bồ-tát giới (Bodhisattvabhūmāv adhāre yogasthāne daśamaṁ Śīlapaṭalam), NXB. Phương Đông, tr.30.

[4] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 49 - Bộ Niết Bàn III - Số 376 đến 396, Kinh Đại Bi - Quyển V - Phẩm 13: Trồng Căn Lành*, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn (Đài Loan), 2000, tr. 488.

[5] Tuệ Sỹ (2010), Sdd, tr.30.

[6] Tuệ Sỹ (2010), Sdd, tr.31

[7] Sdd, *Duy-Ma-Cật Sở Thuyết*, Tuệ Sỹ dịch, tr.79.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



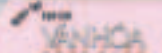
BẢN TIN PHÁT SỰ 20H



BẢN TIN PHÁT SỰ TẾ NGỌC ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CHAI HOA



CHUYỆN CỬA THIÊN



ĐƯƠNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP SỬ ĐẠI



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SÔNG NHƯ NHUNG NGÀ HOA



CHỦ NỘI TIÊN TRÍCH HOA



ĐÔNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LÊ CON ĐANG, PHẬT
TRƯỞNG THẮNG TV



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LÊ PHẬT EM

Liên **Live** và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÂN - 0944 020802

Email: PSOMiennam@phatsuoonline.com



PHẬT GIÁO
**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**

VỀ TÂM TỪ và rải tâm từ



SC. Thích Nữ Trung Tâm

Nghiên cứu về tâm từ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về một trong những phương pháp thuần phục, rèn luyện tâm. Thực tập tâm từ và từ vô lượng tâm giúp chúng ta tiến gần hơn trên con đường giải thoát. Vậy tâm từ là gì?

1. TÂM TỪ ĐƯỢC HIỂU QUA KINH ĐIỂN

Tâm từ được hiểu là không phải sự yêu thương xác thịt, thân thể, không phân biệt thân sơ mà sự thương yêu bao trùm cả vạn loại, không bờ bến, không hạn định. “Trạng thái cao thượng đầu tiên là tâm ‘từ’, tiếng Pāli là *Mettā*, Sanskrit là *Maitri*” [1]. Tâm từ như là điều hiển nhiên được nhận định dành cho người xuất gia hay thậm chí cả Phật tử tại gia khi am hiểu giáo lý. Ngay cả với Đức Thế Tôn, hội chúng cũng cho rằng mục đích Ngài xuất hiện ở đời không vì y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thành bại mà “vời từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ, Thế Tôn thuyết pháp” [2]. Vậy từ tâm của Ngài được hiểu như thế nào?



(Ảnh: suu tâm)

Với người tại gia

Trong Kinh Pháp Cú có câu:
“Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu” [3].

Từ trong các mối quan hệ hàng ngày, đặc biệt là gia đình, từ tâm đóng vai trò cấp thiết giúp gia đình hạnh phúc, không bị đổ vỡ. Mỗi thành viên đều chứa đựng tâm yêu thương lẫn nhau, từ đó sẽ dễ dàng tha thứ lỗi lầm hay những khuyết điểm của nhau. Như *Tăng Chi Bộ Kinh*, Đức Phật dạy các thiếu nữ: “*Đối với những người chồng nào, mẹ cha cho các con, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên, đối với vị ấy, chúng ta sẽ thức*

dậy trước, chúng ta sẽ đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận làm mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương” [4]. Trong *Tăng Chi Bộ Kinh*, Đức Thế Tôn cũng đã khen ngợi Sàmvati là vị trú tâm từ tối thắng trong các vị nữ đệ tử của Ngài [5]. Cho thấy, Đức Phật rất xem trọng sự tu tập tâm từ trong các hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia.

Với người xuất gia

Đức Phật luôn định hướng và đặc biệt lưu tâm đối với sự thực tập, hành trì của chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni về tâm từ trong đời sống hàng ngày. Khi vị Tỳ-kheo buộc tội vị khác trên tinh thần can gián lẫn nhau, giúp vị kia tốt hơn cũng phải quan sát rằng: “*Ta có an lập từ tâm, không sân hận đối với các*

đồng phạm hạnh hay không?” [6]. Cho thấy, chỉ có từ tâm mới khiến chư vị sống trong Tăng đoàn hòa hợp như nước hòa với sữa. Cụ thể như trường hợp Đức Phật dạy: “*Có hạng người thấp kém về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỳ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ lân mẫn*” [7]. Khi có lòng từ, hành giả sẽ nhìn sự việc rộng hơn vì nghĩ rằng không bao lâu nếu vị này tinh cần tu tập sẽ đạt được thắng trí. Cách để tu tập Thánh đệ tử, hiện pháp lạc trú, không bị đọa ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chấm dứt khổ đau, hành giả cần thực hành năm pháp hoàn hảo. Trong năm pháp này, *Kinh Trung A-hàm* cũng dạy rõ trong

pháp thứ nhất là người tu phải có tâm từ luôn sẵn sàng đem đến lợi ích chúng hữu tình, không bao giờ khởi lên ý niệm cũng như hành động thân, khẩu về các việc giết hại chúng sanh [8].

2. ĐỨC PHẬT LÀ HÌNH TƯỢNG RÕ NÉT NHẤT VỀ RẢI TÂM TỪ BI

Cả cuộc đời Ngài từ khi hoằng truyền chánh pháp đến lúc nhập Niết bàn, tâm Ngài luôn tràn đầy lòng từ bi đối với chúng sanh. Ngài luôn cân nhắc lời nói khi thuyết giảng. Cụ thể trong kinh, Ngài nói rõ chỉ giảng những lời như sự thật, như chân lý, tương ứng với mục đích thì dù người nghe có ưa thích hay không, Ngài vẫn sẽ giảng thuyết. Điều này được Đức Như Lai khẳng định vì Ngài có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình [9]. Cho thấy, lòng từ của Ngài rộng lớn, vô biên, luôn đặt lợi ích an lạc, giải thoát cho chúng sanh lên trên hết. Điều này giống như hình ảnh minh họa có đứa nhỏ vô tình nuốt vật gì trong miệng, người cha sẽ tìm mọi cách như đưa tay vào móc ra dù có bị chảy máu, đây là vì lòng thương tưởng đứa trẻ. Cũng vậy, điều Ngài thuyết giảng dù chúng hữu tình không thích nghe và bực tức, khó chịu nhưng vì lợi ích sau này, Ngài vẫn sẽ thuyết.

Với tâm từ bi rộng lớn, Ngài đã cảm hóa rất nhiều đệ tử hữu duyên từ xuất gia đến tại gia, dù các tầng lớp đệ tử khác nhau trong xã hội, từ vua chúa, quan lại đến giai cấp thấp ngoài rìa xã hội. Điển hình, đối với Angulimāla - tướng cướp hung hãn đã quy y Tam bảo, xuất gia nương tựa Ngài. Thế Tôn lại “*nhiep phục được người không thể nhiep phục,*



(Ảnh: sưu tầm)

làm cho an tịnh được người không thể an tịnh, làm cho tịch diệt được người không thể tịch diệt” [10]. Đặc biệt, Ngài đã giáo hóa với tâm từ, không gậy, kiếm. Lòng từ chan hòa đến khắp nơi mà Ngài du hành đặt chân đến để giáo hóa, tất cả đều chính do nhờ phước báo tu tập bồ tát hạnh của Ngài, được ghi chép ở Jataka, chuyện tiền thân Đức Phật trong *Tiểu Bộ Kinh*. Như câu chuyện nai chúa, chính là tiền

thân Đức Phật với “*đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi*” [11], sẵn sàng hy sinh thân mạng để xin vua tha mạng cho cả bầy nai. Cho thấy, không chỉ Đức Thế Tôn trong kiếp sống này đã tu tập từ tâm lập vô số công hạnh Bồ-tát trước khi thành quả vị Phật mà chư vị Phật trong nhiều kiếp trước cũng vậy. Điển hình sự toàn hảo về từ ái của Đức Bồ-tát Suvaṇṇasāma: “*Sāmo yadā vane āsiṃ sakkena abhinimmito*

pavane sīhabyaggehiva mettāya-m-upanāmayim”. (Vào lúc ta là Sāma ở trong khu rừng đã được (Chúa Trời) Sakka hóa hiện ra. Ở trong khu rừng lớn, ta đã rải tâm từ ái đến các loài sư tử và cọp) [12].

3. TÂM TỪ ĐI CÙNG VỚI TRÍ TUỆ

Tâm từ vốn là căn bản, nền tảng trong đời sống hằng ngày. Như trong *Kinh Hạt Muối* [13], Đức Phật đã dạy sự khác nhau giữa bỏ một nắm hạt muối nghiệp vào trong chén đựng nước hay vào sông Hằng, tiêu biểu cho công đức mình tạo nhiều hay ít mà trở nên mặn hay không mặn, uống được hay không uống được. Hành giả tu tập ban rải tâm từ càng rộng lớn, phước lành đạt được cũng lớn dần, dẫn đến muội lực dần nghiệp xấu ác đã lỡ tạo trong kiếp này hay nhiều kiếp trước. Dù pháp môn niệm tâm từ đem đến quả báo lành lớn nhưng tâm từ phải luôn có mặt của trí tuệ nếu không chúng ta có thể có những hành động, ý nghĩ ngược lại với tâm từ. Có những trường hợp cho rằng thực hiện với mục đích thiện tốt nhưng chỉ đem lợi ích cho bản thân hay một số ít người nào đó, không phải vì số đông. Hoặc người thực hiện lòng từ đối với mọi người nhưng theo tà kiến ngoại đạo.

Trong cuộc sống, mọi người luôn cần quân bình giữa lý trí và tình cảm, đó cũng là sự đi đôi giữa trí óc và con tim. Hành giả cần tuệ tri nhận rõ những vị kỷ, hẹp hòi, nhỏ nhen cần buông bỏ, từ đó hướng tâm đến muôn loài, vạn vật. Cho nên, đạo Phật luôn được mệnh danh là đạo từ bi và trí tuệ. Người có trí sẽ thấy rõ thực tướng các pháp, thấy rõ hiện tượng vô thường, vô ngã. Họ nhìn nhận

các vấn đề theo nhiều phương diện khác nhau nên không dễ dàng tin những sự việc chỉ thấy, nghe theo phiên diện. Trí tuệ thật sự khi thấy và hiểu biết với tâm mở rộng, khách quan, không theo cảm tính bản thân mà theo hiểu biết chơn chánh. Từ những điều này, hành giả thực tập tâm từ mới đạt được lợi ích chân thật, đồng thời có được đức tin can đảm, mềm dẻo, chịu đựng.

4. LỢI ÍCH KHI TU TẬP TÂM TỪ

Thực hành rải tâm từ mang rất lợi ích thiết thực trong cuộc sống hiện tại. Trong *Kinh Tăng Chi Bộ VI*, Đức Phật đã chỉ ra mười một lợi ích chuyên hành trì tu tập tâm từ mà sau khi miên mật, tinh cần sẽ đạt được như: “ngủ an lạc; thức an lạc; không ác mộng; được phi nhân ái kính; được chư thiên báo hộ; không bị lừa, thuốc độc, đao kiếm xúc chạm; được thiên định mau chóng, sắc mặt tươi sáng; khi mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập thượng pháp được sanh lên phạm thiên giới” [14]. Tâm từ là một trong những yếu tố thuộc các pháp tác thành hạnh Sa môn [15]. Là vị Sa-môn chân chánh và như thật, hành giả phải thọ trì và thực hành như giới hạnh, chánh niệm trong các căn, tiết chế tri túc trong ăn uống, luôn phòng hộ tâm, tinh thức giác ngộ trong từng sát na, đoạn trừ các triền cái, bốn tầng thiên-na, ba minh, bậc A-la-hán. Trong các pháp đoạn trừ các triền cái, hành giả phải từ bỏ sân hận, sống với lòng từ mẫn, thương xót tất cả chúng hữu tình, dần gột rửa hết sân hận. Nhờ đạt được tâm từ mẫn, không còn sân hận, hành giả dễ dàng đoạn trừ dần những pháp triền cái khác,

tiến nhanh trên lộ trình tu tập. Từ đó, hành giả thọ nhận đồ cúng dường như thực phẩm, y phục, dược phẩm,... mới có kết quả, phước báu lớn cho chúng ta và người dâng cúng.

Ngoài ra, chính tâm từ cũng là nhân duyên tác động đến nghiệp quyết định nơi tái sanh thiện thú hay ác thú sau khi thân hoại mạng chung hay người liệt, kẻ ưu trong đời sau. Điều này được Đức Phật dạy người tu tập phải từ bỏ và tránh sát sanh, bỏ đao, gậy, kiếm, đồng thời phải biết tâm quý và đặc biệt có lòng từ, sống thương yêu, nghĩ đến hạnh phúc cho cả ba giới bốn loài, đặc biệt là chúng hữu tình [16]. Đức Phật nhấn mạnh: “Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa” [17]. Từ đó, hành giả tu Phật nên lưu tâm đến sự tu tập, hành trì miên mật tâm từ để đạt được quả Thánh, vì công năng tâm từ rất lớn, định hướng rõ con đường cần hướng đến của người tu theo Phật. Qua *Kinh Du Hành*, người học Phật hiểu hơn về sáu pháp bất thối pháp khiến Phật pháp hưng thịnh, trường tồn hơn, trong đó có ba pháp vận dụng tâm từ. Đó là thân phải luôn hành động, ứng xử một cách từ ái, không bao giờ có ý niệm gây tổn hại chúng sanh; miệng nói lời ái ngữ, không bao giờ phát ra lời ác độc; ý luôn niệm niệm gắn với từ tâm [18]. Do vậy, hành giả càng chú trọng hơn về thân, khẩu, ý trong tu tập để khiến cho chánh pháp ngày càng trường tồn và đặc biệt luôn phát khởi và gìn giữ tâm từ trong ba nghiệp. Chánh pháp có trụ ở Ta-bà hay không chính do mỗi cá nhân quyết định.



(Ảnh: sưu tầm)

Đức Thiện Thệ cũng giảng về phước báu thù thắng sẽ đến với chính người hành trì khi chuyên tâm hành từ tâm. Người ấy, trong khoảnh khắc thời gian một mũi tên bắn đi, sẽ được sanh đến cõi Phạm Thiên [19]. Ở bản kinh khác, Đức Thế Tôn cũng dạy tương tự, đó là hành giả đạt được phước tối thắng khi nghĩ nhớ chúng sanh với tâm từ với khoảnh khắc vắt sữa bò [20]. Song song với lợi ích thực tập tâm từ, Đức Phật cũng nhấn mạnh trong *Trường A-hàm, Kinh Tam Tụ* về một pháp đưa đến cõi ác thú, đó là do tâm chưa bao giờ có nhân từ và chỉ luôn ôm ấp tâm niệm độc hại. Con người khi không có lòng từ, tình yêu thương đến đồng loại là con đường dễ nhất thẳng đến ác thú, ba cõi ác.

5. ĐIỀU KIỆN ĐỂ HÀNH TRÌ, TU TẬP TÂM TỪ BI

Để phát triển và hành trì miên mật tâm từ, hành giả cần dung hòa giữa từ bi và trí tuệ. Cần hiểu theo trí tuệ rồi mới thương bằng lòng từ. Hành giả cũng cần hiểu rõ bản thân về khả năng và năng

lực chính mình, đồng thời đi đôi với điều này, người tu tập cũng cần am tường điểm yếu của mình. Đôi khi vì quá thương người theo cảm tính, dần dần hành giả đẩy người được giúp đỡ luôn dựa dẫm, không tự mình vươn lên và ngày càng nhiều những người chuyên sống dựa vào người khác, trong khi mình vẫn có khả năng.

Con đường tu tập tâm từ luôn phải song hành cùng tinh thần phụng sự, độ tha nếu không hành giả trở thành người nhu nhược, yếu đuối lấy từ bi che chắn khi đối diện chướng duyên. Tùy từng người tu mà có những cấp từ bi khác nhau. Tâm chưa đủ rộng lớn, bao dung thì không nên ngượng ép, điều này không đem đến lợi ích mà ngược lại tạo nên áp lực nặng nề lên chính mình. Vì vậy, mỗi hành giả cần luyện tập từng giờ, từng phút, từng ý niệm đến mỗi câu nói hành động đều toát lên từ bi, trí tuệ. Dù biết từ bi luôn có sẵn trong tâm mỗi người, nhất là những ai đã hướng đến con đường Thánh vị nhưng khi bắt đầu hành trì, áp dụng

trong cuộc sống đòi hỏi nhiều thử thách. Chúng ta trên cuộc này đều có biệt nghiệp riêng, người hành trì và những người được hưởng đến đều bị chi phối ít nhiều, dễ khiến họ thay đổi hành động của họ là điều không hề đơn giản khi họ chưa thực muốn đổi. Tâm từ bi của người hành trì có thể đạt đến mức độ nào đó nhưng không thể sánh như Đức Phật, người đã đạt cảnh giới cao tột. Khi không nhận định điều này, chúng ta dễ nhầm lẫn và dẫn đến rơi vào ảo tưởng. Để đạt được như Đức Phật cần nhiều yếu tố. Điển hình, khi đã có tâm từ nhưng điều quan trọng không thể thiếu đó chính là năng lực duy trì năng lượng từ bi đó không ngăn mé, không điều kiện vụ lợi, vượt không gian, thời gian, không thoái thất tâm ban đầu, điều này không hề đơn giản. Điều cần nhận rõ rằng chính bản thân chúng ta vẫn còn nhiều chướng ngại, niệm chấp thân ta, người thân thuộc, người ghét ta, người ta không thương vẫn luôn hiện hữu trong ý niệm khởi lên. Khi rải tâm từ luôn đòi hỏi phải giữ tâm Bồ đề, hai điều này phải luôn song hành, nếu không sự việc trở nên vô nghĩa.

Điều kiện không thể thiếu khi hành tâm từ đó là tâm bi, tâm hỷ và tâm xả tức là sự kết hợp Tứ vô lượng tâm. Sự kết hợp này mới đem đến kết quả tốt đẹp trong các trường hợp trong cuộc sống khi rải tâm từ. Đức Thế Tôn dạy: *“Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh”* [21]. Tâm tùy hỷ, vô cầu, vui với thành công người khác, hoan hỷ chơn chánh, không phải vì tài vật, đau khổ người khác hay tự cao về chiến thắng của mình. Niềm hoan hỷ sâu lắng, tận đáy lòng với thành

tự từ tu tập tâm từ cộng với niệm xả không còn vướng mắc. Khi còn những niệm chúng sanh trong tâm, thật khó thoát khỏi tam độc (tham, sân, si) chi phối khiến tâm ta không chỉ bị kẹt vào các niệm triền cái như nghi, mạn, kiêu mạn mà còn vướng chấp vào phước thiện đạt được do công phu, tu tập, kết quả đạt được do rải tâm từ. “*Hoan hỷ chỉ có đến/ Với người tâm sâu muộn/ Sâu muộn chỉ có đến/ Với người tâm hoan hỷ...*” [22]. Hành giả sống với niệm xả, không ôm ấp những hoan hỷ hay sâu muộn, cũng không hoài tưởng quá khứ, mơ tưởng tương lai. Chính tâm xả góp phần thành tựu tâm từ, chánh niệm, tỉnh giác, hiện tại lạc trú. Từ vô lượng tâm từ, bi, hỷ, xả là những tố chất căn bản tạo nên phẩm hạnh người tu Phật.

Kết luận

Rải tâm từ cũng là phương pháp tu tập, pháp môn hành trì của người con Phật, đặc biệt là hàng xuất gia. Đức Phật giảng dạy: “*Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân*” [23]. Sau khi giảng về phương pháp tu tâm từ, Đức Phật cũng giảng tương tự như vậy với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả. Nhờ bốn tâm này kết hợp với nhau, sự tu tập dễ dàng thăng tiến, Bồ đề tâm ngày càng quảng đại, rộng lớn, muội lực tham, sân, si. Tu tập tâm từ đối với người thân, người ta kính mến, sau đó hành giả thực tập rải tâm này hướng

đến những người khác, đến chúng sinh, muôn loài. Dựa vào công phu chuyên nhất, huân tập trong từng sát na qua thân, khẩu, ý, từ đó mở rộng từ tâm, yêu thương, không sân hận để chuyển hóa hữu tình có duyên với chúng ta. Năng lực có được nhờ tâm từ rộng lớn có thể chuyển hóa chính người tu tập và cả chúng hữu tình được hướng đến, điều này hoàn toàn tương ứng với thuyết nhân quả nghiệp báo trong Phật giáo. Những nghiệp bất thiện mà chúng ta đã gây ra hay nghiệp bất thiện do mỗi chúng hữu tình đã gây tạo sẽ muội lực dần vì nghiệp báo vốn không phải là định mệnh. Do đó, công đức, phước báu nhờ ban rải tâm từ, mở rộng yêu thương, niệm lành có thể chuyển các nghiệp đã tạo theo hướng tốt hơn. Tâm từ luôn có mặt hiện hữu đối với chư Phật, Bồ-tát và từ bi cũng chính là nguồn cội của các pháp lành cần tu tập đối với tất cả đệ tử Phật dù là xuất gia hay tại gia. Giữ tâm luôn an vui, không cho khởi lên những niệm sân, hành giả rải tâm từ đến người khác ngay cả người ác ý với mình. Khi chính ta có từ bi mới ban rải đến người khác và như vậy họ mới cảm nhận được và chuyển hóa.

Chú thích:

- [1] Nārada Mahā Thera – Phạm Kim Khánh (dịch), *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2019, tr.423.
- [2] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ II, Kinh Như Thế Nào*, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr.295.
- [3] Thích Thiện Siêu (dịch), *Kinh Pháp Cú*, Nxb. Hồng Đức, 2014, tr.21.
- [4] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong Kinh Tăng Chi*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.18.
- [5] Thích Hạnh Bình, *Sđđ*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.21.

- [6] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ IV*, chương 11, phẩm Tùy niệm, *Kinh Từ*, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.684.
- [7] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tăng Chi*, chương 3, phẩm Người, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr.113.
- [8] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong Kinh Trung A hàm*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.162.
- [9] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ I, Kinh Vương Tử Abhaya*, Nxb. Tôn giáo, 2012, tr.484.
- [10] Bhik. Samādhipunno Định Phúc (biên soạn), *Cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật*, tập 2, Nxb. Hồng Đức, 2017, tr.87.
- [11] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tiểu Bộ*, tập IV, Nxb. Tôn giáo, 1999, tr.49.
- [12] Suttantapitake Khuddakanikāye, Buddhavamsapāli & Cariyāpitaka Pāli, *Tạng Kinh – Tiểu Bộ, Phật Sử và Hạnh Tạng*, Venerable Kirama Wimalajothi, Giám Đốc Buddhist Cultural Centre, Nedimala, Dehiwala, SriLanka, tháng Nikini 2550 - 2006, tr.322.
- [13] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ*, Nxb. Hồng Đức, 2020, tr.223.
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tăng Chi Bộ IV*, chương 11, phẩm Tùy niệm, *Kinh Từ*, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.684.
- [15] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ I, Đại Kinh Xóm Ngựa*, Nxb. Tôn giáo, 2012, tr.339.
- [16] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong Kinh Trung Bộ*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.98.
- [17] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A-hàm*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.62.
- [18] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong Kinh Trường A-hàm*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.16.
- [19] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trường A hàm*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.99.
- [20] Thích Hạnh Bình, *Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A hàm*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.91.
- [21] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ II*, chương 5, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.644.
- [22] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tương Ứng Bộ I*, chương 2, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.124.
- [23] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ I, Kinh Vi Dụ Tầm Vài*, Nxb. Tôn giáo, 2018, tr.63.



Hành vi tổ chức & lý thuyết

TRAO ĐỔI

Lãnh đạo - Thành viên trong một tổ chức

Tạ Hoàng Giang*, Lê Thị Quỳnh Hảo**, Tạ Thị Hoàng Hà***

Hành vi tổ chức là khoa học nghiên cứu về những ảnh hưởng của cá nhân, nhóm và cấu trúc đến hành vi trong các tổ chức với mục đích áp dụng những kiến thức này vào việc nâng cao hiệu quả của tổ chức. Thông qua hành vi tổ chức, công ty có thể thấy được nhu cầu động viên và thái độ của người lao động diễn ra thế nào, giá trị đã định hình hành vi trong tổ chức ra sao, làm thế nào để bố trí một công việc phù hợp với tính cách, khả năng để gia tăng mức độ hài lòng cho nhân viên và tăng hiệu quả của tổ chức, cũng giải thích được mối liên quan giữa hành vi cá nhân với nhóm tổ chức nơi họ làm việc. Tóm lại, hành vi tổ chức cho chúng ta biết được những yếu tố ảnh hưởng đến các hành vi như năng suất, tỉ lệ vắng mặt, mức chuyển đổi với sự hài lòng trong công việc. Đây là những phương cách tác động đến chúng nhằm đạt được những hành vi như mong đợi.

Môi trường kinh doanh ngày nay, ngày càng mang tính cạnh tranh cao độ, điều này buộc các công ty để có thể tồn tại trước nhiều đối thủ cạnh tranh, cần phải trang bị cho mình một nội lực thực sự vững chắc. Nội lực ở đây không chỉ là nguồn vốn lớn mạnh, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại làm sức mạnh, sự thành công còn đến từ lực lượng nhân sự bên trong tổ chức. Làm thế nào để xây dựng kết cấu tổ chức



(Ảnh: sưu tầm)

chặt chẽ từ trên xuống dưới, xây dựng niềm tin và lòng trung thành cho nhân viên để họ có thể đóng góp hết sức mình cho sự phát triển của tổ chức? Để đưa ra câu trả lời thỏa đáng cho các vấn đề trên, trong lĩnh vực Hành vi - Tổ chức, tác giả xin giới thiệu một số lý thuyết được xem là những công cụ hỗ trợ đắc lực cho các nhà quản trị cấp cao:

Lý thuyết Trao đổi Lãnh đạo -Thành viên (LMX - Leader-Member Exchange Theory) Dansereau, Graen & Haga, 1975) đã mô tả cách thức người lãnh đạo trong nhóm duy trì vị trí của mình bằng các thỏa thuận trao đổi ngầm với các thành viên trong nhóm.

Lập trình Ngôn ngữ Tư duy (Neuro-linguistic Programming - NLP) là lý thuyết về sự kết hợp giữa ngôn ngữ, giao tiếp và suy nghĩ cộng với những phương pháp tâm lý, chứng minh được rằng con người có thể tăng cường khả năng tương tác với thế giới xung quanh thông qua những nguyên lý và kỹ thuật nhất định liên quan tới việc sử dụng ngôn ngữ như thế nào. Lập trình Ngôn ngữ Tư duy được phát triển vào đầu thập niên 1970 bởi Richard Bandler và John Grinder.

Ngoài ra, lý thuyết Bốn khung của Bolman và Deal (1991) đã mô tả một cách tiếp cận đa chiều hay đa khung trong việc tìm hiểu thuộc

tính và các trường hợp mang tính chất tình huống trong lĩnh vực hành vi tổ chức. (McCabe, 2003).

Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin phân tích về lý thuyết Trao đổi Lãnh đạo -Thành viên (LMX - Leader-Member Exchange Theory) trước đây còn có tên là lý thuyết Liên hệ Sóng đôi Chiều dọc (Vertical Dyad Linkage Theory) mô tả cách thức người lãnh đạo trong nhóm duy trì vị trí của mình bằng các thỏa thuận trao đổi ngầm với các thành viên trong nhóm được nghiên cứu bởi Dansereau, Graen & Haga (1975). Đây là một trong những lý thuyết quan trọng về phong cách lãnh đạo, bởi vì nó tập trung



(Ảnh: suu tâm)

vào mối quan hệ sóng đôi chiều dọc giữa lãnh đạo và nhân viên. Theo lý thuyết Trao đổi Lãnh đạo - Thành viên, trong hầu hết trường hợp lãnh đạo không đối xử với các nhân viên như nhau, điều này dẫn đến sự xuất hiện hai nhóm gọi là nhóm “Bên trong” và nhóm “Bên ngoài”.

NHÓM “BÊN TRONG”

Các thành viên nhóm này nhận được sự ưu ái, quan tâm của lãnh đạo và có nhiều cơ hội tiếp cận với những nguồn lực của tổ chức. Với những người này, họ được trao cho nhiều trách nhiệm, quyền ảnh hưởng trong các quyết định. Đây là những đối tượng được tổ chức xem như lực lượng kế thừa nên được tham gia các chương trình đào tạo, tiếp cận các thông tin và chiến lược phát triển quan trọng nên bất kỳ tình trạng chảy máu chất xám hay rò rỉ thông tin là điều không mong đợi. Nói cách khác, những người này được chờ đợi sẽ cam kết trung thành tuyệt đối với người lãnh đạo của mình.

NHÓM “BÊN NGOÀI”

Các thành viên nhóm này không nhận được sự ưu ái, quan tâm của lãnh đạo vì thế có ít hơn cơ hội tiếp cận với những nguồn lực của tổ chức. Họ không được đánh giá là đối tượng tiềm năng nên không được tổ chức trao cơ hội để thể hiện bản thân, không được tiếp cận các chương trình huấn luyện hoặc các chiến lược quan trọng của công ty. Ngoài ra, theo *Đông và các cộng sự* (2021), các nhà quản lý cần lưu ý, việc xây dựng mối quan hệ trao đổi Lãnh đạo - Nhân viên chất lượng cao với nhân viên sẽ giúp hạn chế những cảm giác tiêu cực của nhân viên, từ đó làm giảm mâu thuẫn quan hệ giữa nhân viên với đồng nghiệp.

Những yếu tố để lựa chọn các cá nhân vào nhóm, gồm: Mức độ hợp tác với lãnh đạo, mức độ lãnh đạo hợp tác với họ, vai trò trách nhiệm, tính cách cá nhân, năng lực và thành tích đạt được. Những mối quan hệ mô tả ở trên sẽ hình thành rất nhanh theo ba bước ngay

khi một người tham gia vào nhóm “Bên trong” của người lãnh đạo: Nhận vai trò, thiết lập vai trò và hình thành thói quen. Như đã giải thích, những thành viên thành công qua ba bước trên thường là những người có nhiều điểm tương đồng với người lãnh đạo. Họ làm việc chăm chỉ, duy trì niềm tin và sự kính trọng, nhạy cảm, kiên nhẫn, hợp lý trong tư duy, có khả năng đồng cảm và giỏi nắm bắt cách nhìn nhận của người lãnh đạo (Hayward, B.A., 2005).

Phong cách lãnh đạo truyền thống trước đây gồm nhiều cách tiếp cận nhưng không còn được ưa chuộng, vì không được kiểm tra linh động trong thực tiễn và quá cụ thể cho từng lĩnh vực. Có ba cách tiếp cận được xem là tiêu biểu cho trường phái lãnh đạo truyền thống đều có những hạn chế riêng: (1) Cách tiếp cận dựa trên tính cách của người lãnh đạo chủ yếu tập trung vào đặc điểm nội tại của người lãnh đạo mà không quan tâm đến các yếu tố khác; (2) Cách tiếp cận dựa trên hành vi cho rằng một phong cách lãnh đạo có thể áp dụng cho mọi tình huống mà không xét đến yếu tố con người, môi trường kinh doanh,...; (3) Cách tiếp cận dựa trên tình huống lại không thể có mối liên hệ chặt chẽ với quan hệ nhân quả (Tng, C.S., 2009).

Trong khi đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhà lãnh đạo, Thuyết LMX, một phần của phong cách lãnh đạo chuyển giao - phong cách lãnh đạo mới, đã thể hiện được ưu điểm của mình và nhiều lợi ích đem lại cho tổ chức:

Ưu điểm: Khi lãnh đạo và cấp dưới có sự trao đổi tốt với nhau,

họ sẽ cảm thấy thoải mái hơn, đạt được nhiều thành tựu hơn và tổ chức cũng sẽ phát triển hơn. Cụ thể lãnh đạo và cấp dưới sẽ đạt được: Sự tin tưởng lẫn nhau, sự tự tin, hài lòng đối với công việc, cam kết với tổ chức, trao đổi mở, tôn trọng và ghi nhận...

Lợi ích: Một khi mối quan hệ giữa lãnh đạo và cấp dưới đạt được sự trao đổi ở mức cao, sẽ có nhiều lợi ích đối với sự phát triển của tổ chức: Sáng tạo, trao quyền, không khí làm việc tích cực và cam kết, lòng trung thành, tin tưởng của nhân viên với tổ chức. Vì thế, ngày nay Thuyết LMX được ứng dụng nhiều và đã chứng minh được tính hiệu quả trong thực tiễn. Vai trò của Thuyết LMX đã cố gắng xây dựng sự tôn trọng và niềm tin, làm cho các nhân viên mới cảm thấy mình cũng thuộc nhóm “Bên trong”. Điều này không những để họ có thể hăng hái thực hiện không chỉ các công việc quy định trong hợp đồng lao động mà còn giúp họ hiểu được họ sẽ có lợi ích gì khi gia nhập nhóm.

Lợi ích này không chỉ là khả năng thăng tiến cao mà là lòng tin tưởng từ cấp lãnh đạo, tạo cho nhân viên cảm nhận được sự khác biệt về mặt giá trị giữa họ và các nhân viên còn lại. Các bước thực hiện như sau:

- **Nhận vai trò:** Lãnh đạo sẽ đánh giá năng lực của các thành viên mới bằng cách đề xuất dành cho họ những cơ hội để chứng tỏ năng lực. Bên cạnh đó, mỗi bên sẽ tìm hiểu cách mà bên còn lại muốn được người khác đối xử.

- **Thiết lập vai trò:** Người lãnh đạo

và thành viên mới sẽ tham gia vào một quá trình đàm phán để xác định một vai trò cho thành viên và những cam kết ngầm về lợi ích và quyền lực để đánh đổi cho sự tận tâm và lòng trung thành. Xây dựng niềm tin là một công đoạn rất quan trọng, nếu bất kỳ thành viên mới nào có biểu hiện gây cảm giác không hết mình, phản bội, đặc biệt là cảm giác của chính người lãnh đạo, sẽ bị xếp vào nhóm “Bên ngoài”. Thông thường, thành viên nào có nhiều điểm tương đồng với người lãnh đạo sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn.



- **Hình thành thói quen:** Quan hệ giữa lãnh đạo và thành viên sẽ được hình thành dần dần và cải thiện theo thời gian thông qua sự trao đổi. Kết quả công ty nhận được là thông qua thử thách, đánh giá đã chọn được một số người đủ tiêu chuẩn để tham gia vào nhóm bên trong. Họ hiểu được lợi ích có được, từ đó hết lòng đóng góp cho chiến lược kinh doanh mới của công ty. Vì vậy, nếu bạn là một người lãnh đạo, hãy lựa chọn người vào nhóm nội bộ của mình một cách cẩn trọng. Dành cho họ những phần thưởng xứng đáng

cho sự chăm chỉ và lòng trung thành, đồng thời cẩn thận trong việc duy trì tinh thần cam kết làm việc của những người khác.

Tóm lại, lý thuyết Trao đổi Lãnh đạo - Thành viên là một trong những công cụ quản lý quan trọng và hiệu quả, giúp người quản lý xác định những đối tượng “Tiềm năng trung thành” với mình, từ đó tập trung đào tạo và phát triển, nâng cao lòng trung thành của họ. Tuy nhiên, việc này vô hình sẽ hình thành cảm giác đố kỵ từ đó thiếu sự nỗ lực từ nhóm nhân viên bị cho là “Bên ngoài”.

* TS. Tạ Hoàng Giang, ** TS. Lê Thị Quỳnh Hào, **ThS. Tạ Thị Hoàng Hà.

Tài liệu tham khảo:

1. Bandler, Richard; Grinder, John (1975). *The Structure of Magic I: A Book about Language and Therapy*. Science and Behavior Books Inc. tr.5-6. ISBN 978-0-8314-0044-6.
2. Bolman, L. G., & Deal, T. E. (1991). *Reframing organizations: Artistry, choice and leadership*. San Francisco: Jossey-Bass.
3. Dansereau, F., Graen, G. G., & Haga, W. (1975). A Vertical dyad linkage approach to leadership in formal organizations: *Organizational Behavior and Human Performance*, 13, 46-78.
4. *Đông và các cộng sự* (2021) *Khai phá mối quan hệ trao đổi lãnh đạo - nhân viên đến sự chia sẻ kiến thức và sự mâu thuẫn quan hệ với đồng nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á năm thứ 31, số 9 (2020), 05-2.
5. Hayward, B. A., (2005), *Relationship between Employee Performance, Leadership and Promotional Intelligence in a South African Parastatal Organization*, Rhodes University.
6. McCabe, P., (2003), *Bolman and Deal's Four-frame Analysis: Case Study*, New Jersey, The Paper Store Enterprises Inc.
7. Tng C.S, (2009), *An Educational Leadership Framework Based on Traditional and Contemporary Leadership Theories*, Malaysia, School of Business Monash University.



Ứng dụng
THIỆN PHẬT GIÁO
trong việc chuyển hóa cảm xúc

ĐD. Thích Chánh Đức*

*T*ất cả mọi người đều mong có một cuộc sống bình an và hạnh phúc, chẳng ai muốn sinh ra phải chịu khổ đau cả. Những hoạt động của tâm ý, cảm xúc và hành vi của con người thiên biến vạn hoá dưới nhiều mức độ thô, tế khác nhau mà khổ đau, hạnh phúc được lưu lộ. Thành công nằm trong sợi tơ của sát na vô thường nên chuyện sống chết của con người phải đối diện trong từng khoảnh khắc, từ đó mới hiểu giá trị hơi thở của Thiện trong sự sống hiện tại. Trong ba biểu hiện của đời sống (tâm ý, cảm xúc và hành vi), tâm ý giữ vai trò quan trọng nhất, vậy con người cần ứng dụng Thiện vào đời sống để được bình an lạc hạnh phúc.

ỨNG DỤNG THIỀN TRONG VIỆC KIỂM SOÁT TÂM Ý

Vai trò của tâm thức chiếm một vị trí đặc biệt và được triển khai nhiều trong kinh tạng, bởi lời Đức Phật dạy chú trọng chuyển hoá từ tâm phàm thành thánh. Tâm ý luôn tồn tại các cặp phạm trù đối lập, tâm thiện-ác, tâm hoan hỷ-giận dữ... gọi chung là tâm tích cực và tiêu cực. Tâm thuộc về tinh thần (danh), thế giới nội tâm; các trạng thái và thuộc tính của nó luôn chiêu cảm con người và thế giới. Sự vận hành của tâm qua nhận thức, cảm xúc và ý chí khá phức tạp, tâm lý học Phật giáo đã phân tích ra nhiều dạng thức gồm tám Tâm vương, năm mươi một Tâm sở... Vậy, tâm không có hình tướng nhưng công năng thì bất khả tư nghì. Giải thoát hay khổ đau đều do tâm quyết định.



Theo Phật giáo, nguyên nhân đau khổ xuất phát do dục cầu khởi lên từ khát vọng, ghét hận, vô minh và vọng tưởng, các căn bệnh về tâm đều do điên đảo vọng tưởng từ tâm bất thiện phát sinh.



Việc ứng dụng thiền Phật giáo trong việc chuyển hóa cảm xúc của mỗi cá nhân là nền tảng xây dựng hạnh phúc cho mình và người.

Việc ứng dụng “*thiền chi*” để tâm vững chãi, Tâm ô nhiễm hay thanh tịnh là hai mặt của một bản thể, nếu sống chánh niệm tỉnh giác thì tâm trong sáng, an lạc; tâm ô nhiễm, vọng tưởng thì khổ đau. Vì vậy, *Kinh Pháp Cú* bài đầu tiên đề cập với người tâm ý nghĩ ác thì khổ đi liền, nếu tâm nghĩ thiện thì điều tốt có mặt [1]. Thực hành “*thiền chi*” làm chủ tâm bằng phương pháp theo dõi hơi thở vào, ra; quán sát các yếu tố sinh khởi và hoại diệt của thân thể từ đó vọng tưởng khổ đau không sinh khởi. Vận dụng “*thiền quán*” với nhiều đề mục, năm trói buộc tâm, năm thủ uẩn, sáu giác quan và sáu đối tượng của nó, bảy yếu tố giác ngộ và bốn chân lý; nhằm cởi trói các ràng buộc, không chấp ngã và ngã sở, không kẹt vào giác quan và các đối tượng của nhận thức. Bản năng tham dục cố kết trong tạng thức nhiều đời nên ứng dụng thiền quán thấy rõ, sâu, quán triệt về các chuỗi mắt xích mười hai nhân duyên hay năm thủ uẩn đang vận hành trong quy luật vô thường, khổ, vô ngã để thấy nguyên nhân và gốc rễ của khổ đau. Khi ấy, người thực hành thiền làm chủ được tâm ý thì các tâm lý tích cực như tâm từ bi, hỷ xả, bao dung, biết chia sẻ và nhiệt tâm trong cuộc sống hiện tại được trưởng.

Bài *Kinh Tứ Niệm Xứ (Satipatthana sutta)* nhấn mạnh đến con đường thanh tịnh đưa đến an lạc chấm dứt chuỗi mắt xích của năm triền cái, bởi năm triền cái là chướng ngại cho việc thực tập thiền; cần thấy rõ “*với tâm có tham, tuệ tri: “Tâm có tham” hay với tâm không tham, tuệ tri: “Tâm không tham”; sân, si...*” [2]. Lợi



Vai trò của tâm thức chiếm một vị trí đặc biệt và được triển khai nhiều trong kinh tạng, bởi lời Đức Phật dạy chú trọng chuyên hoá từ tâm từ phạm thành thánh.

ích của thiền nhấn mạnh trên phương diện tuyệt đối làm cho đối tượng nghe xa lìa tham ái, chấp trước “*...người thực hành thiền định có công năng thoát ly được sự chi phối của năm dục trưởng dưỡng; nghĩa là đoạn trừ năm món dục lạc thế gian*” [3]. Người đắc thiền thì đoạn trừ năm triền cái, đạt được năm thiền chi; nhất tâm đối trị và đoạn trừ tâm tham dục. Trong quá trình chuyển hoá thấy rõ “*tâm*” bám dính vào tâm, gắn tâm trên đối tượng; nhiệm vụ chung của “*tâm*” là hướng tâm và tâm sở đến đối tượng. “*Tâm*” có bất thiện tầm và thiện tầm. Khi kết hợp với tâm bất thiện như tham sân si hoặc năm triền cái, “*tâm*” trở thành bất thiện tầm gồm dục tầm, sân tầm và hại tầm, không ức niệm, không tác ý những tầm ấy, thì các bất thiện tầm diệt vong. Bất thiện tầm được chuyển hoá trở thành thiện tầm, gồm viễn ly tầm, vô sân tầm và bất hại tầm [4]. Vì vậy, theo Phật giáo, nguyên nhân đau khổ xuất phát do dục cầu khởi lên từ khát vọng, ghét hận, vô minh và vọng tưởng, các căn

bệnh về tâm đều do điên đảo vọng tưởng từ tâm bất thiện phát sinh. Nhận thức rõ về tâm khi tiếp xúc tịnh tướng, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, tâm tinh cần thì người ấy chế ngự được tham ưu ở đời, tâm kiên cố như núi đá trước gió. Dòng chảy của tâm có liên hệ đến thân; tâm bệnh thì thân bất an, thân bệnh thì tâm sàu não, vì thế tâm nhu nhuyễn, vững chãi khéo điều phục các tâm sở bất thiện thì thân, tâm an trú trong pháp lạc. Đức Phật có dạy trong *Kinh Tăng Chi* “*Này các Tỳ kheo, nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn... không bao lâu, do thân đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt, và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vậy thế nào là năm? Sống quán bất tịnh trên thân, với ghê tởm đối với các món ăn, với tướng không thích thú với thể gian, quán vô thường trong tất cả hành, và nội tâm khéo an trú trong tướng về chết... năm pháp không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn, ngay trong hiện tại với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt*

và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát” [5]. Các trạng thái và biểu hiện của tâm chúng ta luôn tỉnh giác trong tu tập mới đưa đến thanh tịnh giữa thân và khẩu. Vì thế, có thể khẳng định rằng trong ba nghiệp tham, sân và si thuộc về tâm ý có tính quyết định đời sống của con người.

ỨNG DỤNG THIỀN TRONG ĐIỀU CHỈNH CẢM XÚC

Cảm xúc là một hiện tượng tâm ý của con người về một đối tượng nào đó gắn liền với những suy nghĩ mà năng lực của cảm xúc chi phối rất lớn đến hành vi của con người. Từ cảm xúc có thể tạo ra những thay đổi về sinh lý, hành vi và nhận thức khác nhau. Cảm xúc rất phức tạp nên trong giáo lý Ngũ uẩn và giáo lý Mười hai nhân duyên đề cập đến cảm xúc, (cảm thọ vedana) như là thuộc tính về tâm lý người, vận hành trong dòng chảy nhân duyên của một cá thể gồm vật chất và tinh thần. Cảm xúc theo Phật học được chia thành ba hoặc năm loại cảm thọ, cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ trung tính.

Đối với con người nói chung, theo tác giả có hai phạm trù chi phối lớn nhất đó là vừa ý và không vừa ý hay ghét và thương. Con người rơi vào tình huống yêu thích thì khởi lên cảm xúc say đắm, hài lòng. Cảm xúc khổ đau xuất hiện khi con người tiếp xúc những sự vật, sự việc và các tình huống không vừa lòng; cảm xúc trung tính là không thể hiện rõ khuynh hướng khổ hay lạc nên cảm xúc này thường rơi vào tâm si. Hai loại cảm xúc như hai thái cực chi phối con người thông thường nhất trong cuộc sống hằng ngày, nếu không nói dòng cảm xúc này

kéo dài trở thành nghiệp lực tiềm ẩn trong tâm thức chi phối rất lớn đến đời sống cá nhân.

Con người khi thỏa mãn cảm xúc hạnh phúc thì sinh tham ái, cảm xúc không hạnh phúc sinh sân hận; thương, ghét quá mức chi phối đến hành động đôi khi làm ta đánh mất tự chủ. Một người bị vọng tưởng, cảm xúc tiêu cực điều động qua ngôn ngữ và hành vi thì ngôn ngữ và hành vi đó trực tiếp làm khổ đau cho mình và người khác. Vì vậy, người thực hành thiền cần giữ chánh niệm, thực tập hạnh kham nhẫn, sống bằng tâm từ bi để trí tuệ sáng tỏ không chạy theo và bị chi phối bởi các khuynh hướng cảm xúc tham ái, giận dữ và si mê đó; Chánh niệm với tâm biết rõ như lý tác ý (yoniso manasikāra), như lý tư duy ở trạng thái không phân biệt mà Đức Phật đã dạy cho ông Bāhiya và vị sư già Malunkyaputta [6]: “*Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng (cảm giác) sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri (nhận thức) sẽ chỉ là cái thức tri. Thực tập như thế, không vì điều đó mà có thì xa lìa đối đãi các phạm trù thì đoạn tận được khổ đau*” [7]. Thực tập thiền quán với đời sống hiện tại mà không phán đoán, không can thiệp, cái thấy không bị bóp méo bởi dữ liệu.

Tâm lý học hiện đại cho biết những gì chúng ta chú ý đến, như thấy thì nó đã biến dạng bởi những ham muốn và ác cảm của mình; tiến trình bóp méo này xảy ra trước khi có sự nhận thức, đây như là sự lẩn quẩn bắt đầu của sự nhận thức. Đây cũng chính là việc bẻ cong sự nhận thức

để phù hợp với quan điểm của mình. Như Ajahn Brahmavamso nói trong bài viết “*Lời dạy cho bāhiya - trong cái thấy chỉ là cái thấy*”, nhận thức tạo ra bằng chứng cho tư tưởng; rồi tư tưởng lại biện hộ để hỗ trợ quan điểm của mình. Nó là vòng tròn lẩn quẩn tự biện minh cho chính nó. Đây là quá trình ảo tưởng. Đối tượng tạo sự ảo giác, làm đánh mất chánh niệm trong đó là năm triền cái: “*Năm triền cái là thức ăn nuôi dưỡng si mê, là chương ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ*” [8].

Tham dục là những gì mình muốn thấy, nghe, cảm giác và nhận thức, nó thường tô vẽ sự thật, đem vào ý thức những sản phẩm của vọng tưởng. Sân hận là triền cái thứ hai ngăn che sự thấy nghe, biết. Ở đây, sân là một dạng phủ định, không hài lòng. Triền cái thứ ba là hôn trầm, thù miên can thiệp và vào tiến trình, nghe thấy, cảm giác và nhận biết khiến ta không nhận thức đúng đắn, khiến trí ta bị mù mờ. Trạo cử, hối quá làm ta bị lung lạc, các giác quan luôn bị cuốn theo nên ta không đủ bình tĩnh, chánh niệm về nghe, thấy, nhận biết một cách rõ ràng. Hoài nghi khiến ta lung lạc, tâm không vững, không tăng trưởng niềm tin vào thiện pháp. Vậy, năm triền cái là chủ nhân của sự bóp méo nhận thức, lung lạc cảm xúc dẫn đến cái thấy không rõ ràng; nó còn duy trì si mê, tăng trưởng điên đảo. Người thực hành thiền quán là làm chủ cảm xúc, chánh niệm tỉnh giác, mà qua lời dạy của Đức Phật chuyên hóa cảm xúc đưa đến nhận thức chân thật cho Tỳ kheo Mālunkyaputta đạt một trong các tầng thiền và đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, sau chứng được quả A-la-hán.

Như vậy thiền quán giúp chúng ta an trú trong chánh niệm để thấy cái sâu sắc về thực tại, chân lý trong vô điều kiện tính, cảm xúc tiêu cực thì liền biết chúng, như thể chánh niệm từ bản chất đến các hiện tượng tương thuộc của cảm xúc. Nguồn năng lượng tinh thần giúp ta làm việc một cách chân chính, thu thúc sáu căn, tránh các ác bất thiện pháp trởi dậy. Nên tâm an trú thực tại giải phóng lo âu, sầu muộn và sợ hãi tạo cảm xúc hoan hỷ, thân tâm đồng điệu hoà kính với mọi người và môi trường xung quanh.

ỨNG DỤNG THIỀN TRONG VIỆC CHUYÊN HOÁ TÂM THỂ HÀNH VI CỦA CÁ NHÂN

Hành vi cá nhân là hệ quả xuất phát từ tâm ý và cảm xúc, chúng biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Hành động thiện hay bất thiện đều do tâm ý gây nên. Yếu tố tâm lý và ý chí tác động mạnh trên điều kiện sống, trên sự biểu hiện của nghiệp quả. Vì vậy gọi “*ngiệp (kamma) là hành động có tác ý, một hành động không có tác ý thì chỉ là hành động, mà không gọi là nghiệp*” [9].

Mục đích thực hành thiền chuyển hoá ba nghiệp bất thiện để tâm nuôi dưỡng đức tánh tốt, thúc đẩy sự phát triển tinh thần mẫn nhuệ của nhân cách. Từ tâm ý thanh tịnh đến cảm xúc tiêu cực được hóa giải, nhận thức được tính tương thuộc và hệ nhân quả giữa người với người, giữa người với môi trường xung quanh. Từ đó hành vi được tái cấu trúc theo hệ nhân quả chuẩn mực cho hiện tại và tương lai trong chiều hướng tích cực. Nên giá trị của hành vi tích cực mang trong mình một nền

tảng đạo đức hoàn thiện, một giá trị nhân văn cao cả; là tâm điểm kết nối và hoà giải cho cá nhân và cộng đồng trở nên ổn định.

Trên phương diện đại thể mà xét, nhìn vào hành vi biểu hiện của một cá nhân thì biết một phần tâm thức của họ “*nội u trung tức hình u ngoại*”. Một xã hội có những hành động bạo lực, sống với xu thế tâm lý tiêu cực của đám đông, phe nhóm, đình đám thì nó tác động đến vấn đề đạo đức, giá trị văn hóa an sinh xã hội. Những biểu hiện đó xuất phát từ con người thiếu bình tĩnh, không làm chủ tâm, hành động nông nổi và thiếu trách nhiệm nên hậu quả khó lường. Phật giáo chú trọng đến con người, giá trị con người xuất phát từ tâm thức; tiến trình và biểu hiện hành vi cũng từ tâm thức mà có. Những cảm xúc cơ bản, giận hờn, khinh khi, buồn rầu và sợ hãi thường dẫn đến hành động hại mình, hại người và hại môi trường xung quanh. Người thực hành thiền thường có những chuẩn mực cơ bản về đạo đức theo phương châm “*Không làm mọi điều ác, thành tựu các hạnh lành, tâm ý giữ trong sạch, chính lời chư Phật dạy*” [10]. Hành vi bất thiện thì sẽ tạo nghiệp xấu cho đời này và đời sau, giáo lý Bát chánh đạo đưa ra các chuẩn mực đạo đức hành vi. Đó là chánh ngữ, lời nói chân thật; chánh nghiệp, thực hiện các hành vi chân chánh, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục và chánh mạng, từ bỏ tà mạng, lừa đảo, gian trá, và nuôi sống không chân chánh.

Tôn giả Ananda dạy: “*Người có tham chinh phục, tâm mất tự*

chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi tham được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm; người bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, có mắt như mù, không phân biệt được đúng sai, không có trí tuệ, luôn khổ não và không đạt Niết bàn” [11]. Vì vậy đối với con người thì hành động về thân và khẩu là tác nhân gây ra nghiệp, mỗi yếu tố nghiệp tương ứng với hành động mà tác ý tạo ra. Đức Phật dạy: *Này Ràhula, khi con muốn làm một hành động về thân, con hãy soi chiếu về hành động ấy như thế này: “Hành động về thân mà ta muốn làm có đưa đến tổn hại cho chính mình, hay làm tổn hại người khác, hay làm tổn hại cả hai không? Đây có phải là một hành động bất thiện về thân đưa đến hậu quả khổ đau, quả báo đau khổ? Khi con soi chiếu, nếu con biết rằng: ‘hành động về thân mà ta muốn làm đưa đến tổn hại cho chính mình, hoặc làm tổn hại người khác, hoặc làm tổn hại cả hai; đây là một hành động bất thiện về thân đưa đến khổ đau, với quả báo đau khổ’ thì con phải nhất định không làm hành động về thân ấy. Nhưng khi con soi chiếu, con biết rằng: ‘hành động về thân mà ta muốn làm sẽ không đưa đến tổn hại cho chính mình, hoặc không làm tổn hại người khác, hoặc không làm tổn hại cả hai; đây là một hành động thiện về thân đưa đến an vui, với quả báo an vui’, vì vậy con có thể làm hành động về thân ấy*” [12]. Vì vậy giá trị lâu dài cho



Việc ứng dụng thiền chỉ để tâm vững chãi, tâm ô nhiễm hay thanh tịnh là hai mặt của một bản thể, nếu sống chánh niệm tỉnh giác thì tâm trong sáng, an lạc; tâm ô nhiễm, vọng tưởng thì khổ đau.

việc đạt các tầng thiền một cách nhanh chóng thì yếu tố đạo đức hỗ trợ rất lớn đến tiến trình giải thoát; các giá trị đạo đức được người thực hành thiền nói chung thực hiện là “*từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu men, rượu nấu và các chất gây nghiện, vì đó là nguồn gốc của sự bất cần. Như vậy gọi là thành tựu giới hạnh*” [13]. Áp dụng các thiết chế đạo đức cơ bản của đạo Phật cho cá nhân và mỗi thành phần xã hội, thiết nghĩ tuy duyên để ứng dụng thiền mỗi ngày sẽ rất có ích và hiệu quả trong cách điều chỉnh cảm xúc, kiểm soát tâm ý và chuyển hóa tâm thể hành vi của chúng ta trở nên tốt hơn.

Kết luận

Việc ứng dụng thiền Phật giáo trong việc chuyển hóa cảm xúc của mỗi cá nhân là nền tảng xây dựng hạnh phúc cho mình và người. Kiểm soát tâm ý tăng cường nhận thức như thật, tư duy

tích cực để có thể biến hoàn cảnh khổ đau thành hạnh phúc; điều chỉnh cảm xúc từ yếu mềm, thụ động đến phát triển nội lực trong thân thể để nâng giá trị bền bỉ của thân tâm và phát khởi tinh thần năng động sáng tạo. Chuyển hoá hành vi để huân tập định lực sâu nơi tâm, nhận rõ sự vận hành và tin tưởng vào thuyết nghiệp lực để biết rằng chúng tác động đến bản thân, gia đình và xã hội trong hiện tại và tương lai. Nếu biết vậy, chúng ta hãy sống đầy tinh thần trách nhiệm với những suy nghĩ, lời nói và hành vi của mình dù nhỏ nhất. Như vậy, có thể nói đạo đức xã hội chỉ dừng lại trên bề mặt điều chỉnh hành vi; nhưng ứng dụng thiền Phật giáo tiến sâu chuyển hoá dứt trừ tận gốc rễ căn nguyên tham, sân và si của con người một cách toàn triệt.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Chánh Đức: Học viên cao học khóa I (2019-2021), Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

[1] Thích Minh Châu (2000), *Kinh Pháp Cú*, Nxb. Tôn Giáo, tr.7.

[2] Thích Minh Châu (2012), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.85.

[3] Thích Minh Châu (2012), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.209.

[4] Thích Minh Châu (2012), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.160.

[5] Thích Minh Châu (2015), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng Chi Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.734.

[6] Thích Minh Châu (2012), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tiểu Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.529.

[7] Thích Minh Châu (2015), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tiểu Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.115.

[8] Thích Minh Châu (2015), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng Chi Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.664.

[9] Thích Chơn Thiện (1999), *Phật học khái luận*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.279

[10] Thích Minh Châu (2000), *Kinh Pháp Cú*, câu 183, Nxb. Tôn giáo, tr.54.

[11] Thích Minh Châu (2015), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng Chi Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.247.

[12] Thích Minh Châu (2012), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Trung Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.509.

[13] Thích Minh Châu (2015), *Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng Chi Bộ* tập 1, Nxb. Tôn Giáo, tr.445.



Nhọc nhằn mùa lũ

NGÔ VĂN CƯ

Con lũ đã đi qua. Mẹ còn ngồi lại với những đồ nát, hoang tàn, thần thờ nhìn dòng nước mà xót xa, tiếc rẻ. Ba giấu tiếng thở dài vào lòng, băng khuâng nhìn khói thuốc bay vòng mà lo lắng cho ngày mai. Lũ trẻ con khắp khời mong được đến trường sau những ngày dài nghỉ học. Trên đường, ngoài ruộng, trong vườn vẫn còn dây bunn non bám vào lá, vào hoa khiến cho hàng cây méo mó và cúi oằn xuống. Đạo quanh một vòng khắp xóm thấy nhà cửa chẳng còn thứ gì khô ráo, kể cả những đôi mắt lõm sâu cũng chứa đầy nước mắt và hằn sâu nỗi buồn...

Miền Trung quê tôi năm nào cũng thế, hết nắng nóng cháy da đến mùa bão lụt. Cứ mỗi lần nghe đài báo mưa bão là người dân đứng ngồi không yên. Đêm thì chập chờn không thể nào chợp mắt. Ngày lại tất bật lo thu hoạch lúa ngoài đồng theo phương châm: *"Xanh nhà hơn già đồng!"*; chuyển những vật dụng nặng và ít sử dụng lên cao. Tất cả đã sẵn sàng đợi tai họa thiên nhiên giáng xuống. Ai cũng lo lắng, đứng ngồi không yên nhưng không hề hoảng hốt, bối rối mà vẫn bình tĩnh đối phó. Có lẽ, việc sống chung với thiên nhiên khắc

nghiệt đã tôi luyện cho người dân quê tôi sức chịu đựng gian khó mà các vùng miền khác khó thể sánh bằng. Những ngày lũ, nép vào đâu cũng thấy lạnh cóng, vậy mà ba tôi vẫn dầm nước lo chuyện nhà; chia sẻ cùng hàng xóm đang chật vật chống lũ. Ba chống ghe nhỏ qua từng nhà, trao cho nhau ít chai nước suối, vài gói mì ăn liền... mà ấm lòng. Mọi người dường như chỉ ăn để cầm cự qua ngày nhưng vẫn chia sẻ và trao nhau một niềm tin sẽ thắng lũ. Rồi các đoàn từ thiện vượt qua mưa gió để mang hàng cứu trợ đến phát tận tay mỗi người tránh lũ. Chúng tôi thấy lòng mình ấm áp lạ thường; ít ra đã không bị lãng quên. Ai nấy nhận quà mà lòng rung rung. Cái nghĩa đồng bào đã giúp mọi người vượt qua những ngày bão lũ. Trong khó khăn mới thấy sự đùm bọc của dân mình. Trong hoạn nạn, tình người càng tỏa sáng. Lúc đó, mới thấy được cái tình của đồng bào đối với người dân miền Trung mình lớn lao biết chừng nào.

Tin lũ về làm người dân trong thôn thao thức suốt đêm. Nhìn ở đâu cũng thấy nước. Nước lên trong đêm khùng khiếp lắm. Điện đều đã cúp hết; nhà nhà chỉ leo lét ánh đèn dầu mờ ảo, khuôn

mặt mọi người hiện lên đầy vẻ lo âu. Chỉ nghe tiếng chân lội bì bõm trong nước; thấy ánh đèn pin lóe ngang... thì trong bóng tối đã vọng ra giọng lo lắng: *"Nước đã rút được chút nào không?"*. Bầu trời đêm vẫn đen hun hút; cơn gió ùa về như tiếng thở dài của đất trời hòa cùng tiếng cầu nguyện của con người liệu có làm vơi đi những âu lo! Mẹ tôi là người bao giờ cũng tiếc rẻ những đồ đạc đã hư hỏng hoặc bị cuốn trôi theo dòng nước nên lâu lâu lại xuyết xoa, thút thít; ba thì cười và động viên: *"Mình còn khỏe và đủ chân tay thì qua cơn lụt này sẽ sắm cái mới, lo gì"*.

Rồi mọi người lại động viên nhau cùng vượt qua những ngày gian khó. Bọn trẻ ngo ngác nhìn mọi thứ ngổn ngang mà nghĩ đến khoảng trời rực rỡ của riêng mình; tin tưởng nắng sẽ hừng lên trên từng mái nhà yêu dấu... Chắc hẳn những đứa con xa quê nghe tin tức trên báo, đài mà lòng thấp thỏm mong tin tức cụ thể ở quê nhà. Chỉ nghĩ đến điều ấy lại thương người dân quê tôi mùa bão lụt quá!

Con lũ đã đi qua, nhưng tình người vẫn đọng mãi. Tình nghĩa chòm xóm láng giềng trong



những ngày này gần bó hơn bao giờ hết. Mọi người không chỉ động viên nhau cùng vượt qua khó khăn mà còn san sẻ vật chất ít ỏi. Nhờ đó, sinh hoạt hằng ngày cũng đỡ bớt khó khăn và âm áp. Người ở thành phố hoặc nơi không có bão lụt không thể tưởng tượng nổi những khó khăn của người trong vùng bão lũ. Ở đâu đó vẫn rất nhiều người ngồi trong quán cà phê thích thú tận hưởng những giọt mưa đông đang chảy tràn qua phố; biết đâu ở một vùng nào đó, người dân đang phải vật lộn khổ sở với gió mưa. Cũng không thể nói người dân ở vùng lũ ấy đã quen sống như đã từng sống. Bây giờ đủ đầy vật chất và có điều kiện xây dựng nhà cửa vững chắc, cao ráo tránh lũ để một lần gặp lại những mộng mơ kỳ diệu của một thời thiếu thốn. Còn tôi, biết bao lần

ước mơ một chiếc áo ấm mới, một cặp sách để đến trường mà không có được. Tôi chỉ được mặc chiếc áo ấm mẹ cất giấu kỹ trong rương còn sức nức mùi long não trong ngày gió rét. Ôi! Một thời mà sau cơn lũ dù vô tư cùng cha mẹ dọn dẹp nhà cửa lấm lem mà lòng vẫn buồn rười rượi vì trường ngập, sách vở ướt hết, chẳng còn sử dụng được. Cơn lũ đi qua để lại biết bao khó khăn cho bà con nông dân. Bà con dọn dẹp những vật dụng bị lũ cuốn trôi dạt khắp nơi, những đồ dùng hư hỏng... còn phải tắt bặt các hoạt động mưu sinh. Ở nông thôn, bà con chủ yếu dùng nước giếng đào để nấu nướng, tắm giặt. Lũ về, nguồn nước này ô nhiễm nặng. Nước vây quanh làng nhưng lại chẳng dùng được. Nhiều đoàn y tế, từ thiện về giúp dân vượt qua khó khăn. Mẹ tôi không nói

gì nhưng đôi mắt cứ ngân ngán nước đầy về biết ơn. Cứ mỗi đợt lũ đi qua, ba tôi lại động viên mẹ: *“Sau cơn lũ, nhiều nhà trắng tay. Hề người còn thì của cải cũng sẽ gây dựng lại được thôi”*. Ba vẫn rất lạc quan: *“Chớ than phận khó ai ơi! Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây!”*. Trong tận cùng gian nan, khổ cực như thế nếu không lạc quan thì làm sao trụ vững với thiên tai để tiếp tục sống, tiếp tục gây dựng để theo kịp những bước đổi mới của đất nước. Ba tôi đúng là trụ cột của gia đình.

Hình như sau khi giáng xuống những tai họa, thiên nhiên lại đẹp hơn lên. Trời nắng nhẹ. Những vạt khói mỏng tỏa từ một mái nhà trong nắng tạo nên những sợi ánh sáng đẹp mắt nổi bật với trời. Tôi lại thấy cuộc đời này đáng yêu biết bao nhiêu.



(Ảnh: DoanhnhanPlus.vn)

Chùa Quê Chiều Cuối Năm

Nguyễn Quỳnh Anh

Cuối năm về với chùa quê,
Bỏ ngoài kia những bộn bề thế gian.
Tháp chiều ngả bóng miên man,
Chẳng bận đa sự đa đoan kiếp người.

Miếng trà nồng ấm vị vôi,
Thình không chuông đồ chơi vui gió chiều.
Mở cửa gầy rạc cô liêu,
Câu kinh tiếng kệ bao điều từ bi.

Làm lành, lánh tham sân si,
Sông mê bờ giác, người đi nẻo nào.
Sư già quét lá lao xao,
Hương trầm lãng đãng bay vào hanh hao.

Hậu liêu vẫn tiếng chào mào,
Bên thềm bất chợt nụ đào gọi xuân.

BÔNG SỨ ĐỎ

Hoàng Vũ Thuật

Bông sứ đỏ trong vườn chùa cổ như con mắt ai vừa khóc,
lời Tịnh độ buốt nhưc bó xương sườn,
tôi không thể hái vào giờ phút ấy dù niềm hư vô cánh mở.

Bỗng thấy giọt máu mình thừa văng ra ngoài tiếng mõ,
không đánh dấu ngày trở lại,
có gì giục tôi hãy tin, như tin vị ngọt thổi phục linh trên tháp.

Tôi cá cược với xứ sở này, giọt máu sẽ trở lại,
bông sứ sáng ngời khi mảnh vườn tỵ tách sương khuya.



(Ảnh: sưu tầm)



TẠP CHÍ

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

**Kính mời Quý độc giả
đặt mua Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO năm 2022**

Giá đặt Tạp chí năm 2022:

3 tháng:	390.000đ
6 tháng:	753.000đ
Trọn năm:	1.521.000đ

Mọi thông tin xin liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-28)38484 335 – 0932850969 - Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Số tài khoản: **0071001053555** Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP. HCM

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MANG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA



- 01 Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02 Ấn nút hoặc
- 03 Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04 Mở ứng dụng **BUTTA**, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05 Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC
HIỆU | YÊU
NÉN | THÍCH
| NHẤT



NÉN QUANG MINH

Đc : 20 Đường 56/4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn



SUN
WORLD
VŨNG QUANG COMPLEX

Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

